

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
KHOA KINH TẾ VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
ĐỐI VỚI CÁC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CỦA VIỆT NAM**

**Sinh viên thực hiện : Đỗ Thị Quỳnh Anh
Lớp : Anh 8- K43B
Khoa : KT & KDQT
Giáo viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Thu Hà**

HÀ NỘI, 06 - 2008

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	001
NỘI DUNG	005
Chương 1. Một số vấn đề lý luận về chỉ dẫn địa lý và kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam	005
<i>I. Chỉ dẫn địa lý và Bảo hộ chỉ dẫn địa lý</i>	005
1. Chỉ dẫn địa lý.....	005
1.1. Khái niệm CDĐL.....	005
1.2. Chỉ dẫn địa lý với các khái niệm liên quan.....	010
2. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý.....	020
2.1. Định nghĩa bảo hộ CDĐL.....	020
2.2. Vai trò, ý nghĩa của việc bảo hộ CDĐL.....	021
2.2. Những quy định về Bảo hộ CDĐL.....	025
2.3. Các bước tiến hành đăng ký bảo hộ CDĐL.....	027
<i>II. Kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL</i>	031
1. Vai trò, mục tiêu của việc kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL.....	031
2. Nội dung kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL.....	033
3. Mô hình chung về kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL.....	035
3.1. Đối tượng tham gia hệ thống kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL.....	035
3.2. Hệ thống văn bản pháp quy phục vụ việc kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý.....	038
3.3. Hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm, tem xác nhận chất lượng.....	041
Chương 2. Thực trạng kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam	043
<i>I. Thực trạng pháp luật Việt Nam về kiểm soát chất lượng đối với</i> <i>các chỉ dẫn địa lý</i>	043
1. Kết quả đạt được.....	043
2. Những tồn tại cần khắc phục.....	047
<i>II. Thực trạng kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý</i> <i>của Việt Nam hiện nay</i>	049
1. Đánh giá chung về thực trạng bảo hộ CDĐL ở Việt Nam.....	049
2. Thực trạng các mô hình kiểm soát chất lượng đối với một số CDĐL của Việt Nam.....	052

2.1. Thực trạng hệ thống tổ chức các mô hình kiểm soát chất lượng	052
2.2. Thực trạng việc xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy và các phương tiện phục vụ quá trình kiểm soát.....	061
2.3. Thực trạng các hoạt động kiểm soát.....	064
Chương 3: Một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL của Việt Nam.....	077
1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về CDĐL nói chung về vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL nói riêng.....	077
2. Hình thành cơ chế hỗ trợ của Nhà nước về kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý.....	078
3. Những đề xuất nhằm xây dựng, nâng cao hiệu quả của các mô hình kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL.....	080
4. Bảo hộ một số CDĐL thông qua Nhãn hiệu chứng nhận.....	087
5. Nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật về vấn đề kiểm soát chất lượng đối với CDĐL.....	089
KẾT LUẬN.....	090
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	091
PHỤ LỤC.....	092

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chỉ dẫn địa lý là một đối tượng sở hữu trí tuệ dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ một khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể, có danh tiếng, chất lượng hoặc các đặc tính riêng biệt, đặc thù do điều kiện tự nhiên hoặc con người của vùng địa lý đó quyết định. Việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý không chỉ đem lại sự bảo đảm cho người tiêu dùng, gia tăng giá trị cho nhà sản xuất, phát triển và ổn định kinh tế nông nghiệp- nông thôn, mà đồng thời còn tạo ra những giá trị to lớn về mặt xã hội. Chính vì những ý nghĩa này mà quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý đang ngày càng được quan tâm trên thế giới.

Là một nước nông nghiệp và có nhiều sản phẩm truyền thống, hầu như địa phương nào trên đất nước ta cũng có những sản phẩm mang "hồn" của địa phương mình, chính vì thế việc phát triển chỉ dẫn địa lý lại càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay số lượng chỉ dẫn địa lý được đăng ký xác lập quyền còn ít, trong khi đó việc kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý đã được Nhà nước công nhận lại chưa đạt hiệu quả. Hệ thống văn bản pháp quy về chỉ dẫn địa lý nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý nói riêng còn nhiều bất cập, thiếu sót. Các mô hình quản lý và kiểm soát chất lượng đã được xây dựng, tuy nhiên còn nhiều hạn chế: Một số mô hình quá công kênh, nhiều quy định rườm rà, không khả thi gây gánh nặng cho các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm; trong khi đó số khác lại quá lỏng lẻo, không phát huy được vai trò kiểm soát. Tình trạng hàng giả, hàng nhái các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý xuất hiện phổ biến ở thị trường trong và ngoài nước đã và đang gây nên những thiệt hại to lớn đối với các đơn vị sản xuất, người tiêu dùng cũng như tổn hại đến thương hiệu Việt Nam trên trường quốc tế.

Để phát triển chỉ dẫn địa lý thực sự là một hướng đi có hiệu quả thì việc chú trọng đầu tư, nâng cao hiệu quả việc kiểm soát chất lượng đối với đối tượng này là rất cấp thiết.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong những năm gần đây, các lĩnh vực của sở hữu trí tuệ đang ngày càng thu hút được sự quan tâm của Nhà nước, các cơ quan đoàn thể, các doanh nghiệp và người tiêu dùng trong cả nước. Có rất nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập tương đối toàn diện các khía cạnh pháp lý, thương mại của quyền sở hữu trí tuệ cũng như nhiều chương trình, dự án đã và đang được xây dựng nhằm nâng cao hiểu biết, thúc đẩy sự phát triển và tăng cường bảo hộ đối với các quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về chỉ dẫn địa lý, đặc biệt là vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam nhìn chung vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Chỉ có một số chương trình, dự án như sau:

- Dự án Xây dựng chỉ dẫn địa lý (CT68/XL -01/ 2006-2007/TW), do Trung ương quản lý.
- Hội thảo về chỉ dẫn địa lý do Phòng Thương mại Châu Âu (EUROCHAM) phối hợp với Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội) tổ chức với chủ đề "Chỉ dẫn địa lý: Vươn ra toàn cầu, sản phẩm địa phương" ngày 12/11/2007 tại Hà Nội.
- Dự án Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý (*Ký mã hiệu*: CT68/XL -02/ 2006-2007/TW), do Trung ương quản lý.
- Tập huấn Xây dựng dự án về xác lập và quản lý chỉ dẫn địa lý do Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức ngày 20/08/2007 tại Huế, trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Sở hữu trí tuệ nói chung và chỉ dẫn địa lý nói riêng vẫn còn là một lĩnh vực mới mẻ ở nước ta. Tuy trên thực tế đã có một số dự án đề cập đến vấn đề kiểm soát chất lượng của các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, xây dựng được một số mô hình quản lý các chỉ dẫn địa lý và bước đầu cho thấy hiệu quả nhất định, nhưng những vấn đề lý luận đặt ra về khía cạnh pháp luật làm cơ sở cho những dự án này như xác định nội hàm các khái niệm pháp lý liên quan như “kiểm soát chất lượng”, “quản lý chỉ dẫn địa lý”, những quy định về thẩm quyền, nội dung kiểm soát chất lượng,... lại vẫn chưa được chú trọng nghiên cứu.

Chính vì vậy, trên cơ sở xác định thực trạng pháp luật sở hữu trí tuệ và các ngành luật khác có liên quan, phân tích các mô hình kiểm soát chất lượng đối với các

chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, khoá luận sẽ tiếp tục nghiên cứu những yêu cầu về mặt lý luận và thực tiễn xây dựng, điều chỉnh, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của các mô hình trong thực tế.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế về chỉ dẫn địa lý, các mô hình kiểm soát chất lượng đối với một số chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, khoá luận đề xuất một số giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chất lượng từ khâu canh tác, lựa chọn nguyên liệu, chế biến, bảo quản, cấp giấy chứng nhận, tem, nhãn cho đến khi các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đến được tận tay người tiêu dùng..

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia về hệ thống kiểm soát chất lượng đối với các CDDL cũng như các mô hình kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý mà Việt Nam đang áp dụng.

Phạm vi nghiên cứu: Khoá luận tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật Việt Nam về kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật từ năm 1995 đến nay. Trong đó bao gồm Luật Sở hữu trí tuệ 2005, Bộ luật dân sự, các văn bản hướng dẫn thi hành các qui định về Sở hữu công nghiệp (chỉ thị, thông tư, quyết định..), các ngành luật có liên quan như Luật Thương mại, Luật Hải quan, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp...cũng như các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đồng thời, khoá luận tập trung nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của một số mô hình kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý đang được áp dụng hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử, khoá luận vận dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học pháp lý nói riêng và của khoa học xã hội nói chung như phương pháp Lịch sử, phương pháp Luật học so sánh, phương pháp quy nạp, diễn giải, phương pháp hệ thống.

6. Dự kiến các đóng góp của khoá luận

Khoá luận có thể đóng góp một vài kiến nghị góp phần xây dựng và hoàn thiện pháp luật hiện hành về chỉ dẫn địa lý, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện các mô hình kiểm soát chất lượng đối với các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý của Việt Nam.

Khoá luận có thể làm tài liệu tham khảo cho sinh viên cũng như những người làm công tác nghiên cứu về sở hữu trí tuệ.

7. Bố cục của khoá luận

Nội dung chính của khoá luận gồm 3 chương :

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về Chỉ dẫn địa lý và Kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam

Chương 2: Thực trạng kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam

Chương 3: Một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam

Tôi xin chân thành cảm ơn **Th.S Lê Thị Thu Hà**- giảng viên khoa Kinh tế & Kinh doanh quốc tế trường Đại học Ngoại thương Hà Nội đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành khoá luận này.

NỘI DUNG

Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CỦA VIỆT NAM

I. Chỉ dẫn địa lý và Bảo hộ chỉ dẫn địa lý

1. Chỉ dẫn địa lý

1.1. Khái niệm Chỉ dẫn địa lý

Từ cách đây rất nhiều năm tại Châu Âu, chỉ dẫn địa lý đã được sử dụng để bảo vệ một số ngành công nghiệp nhất định, đặc biệt trong công nghiệp sản xuất rượu vang. Khi danh tiếng những sản phẩm địa phương được nâng cao, người ta cũng sử dụng nhiều hơn những dấu hiệu chỉ địa điểm sản xuất ra sản phẩm như là một sự đảm bảo về chất lượng. Nhằm giữ gìn danh tiếng của các sản phẩm sản xuất ra, chính quyền các quốc gia, địa phương dần dần đi đến ký kết những thoả thuận bảo hộ lẫn nhau. Từ đó, những định nghĩa với nhiều mức độ phát triển khác nhau về CDDL dần được hình thành.

- Công ước Paris về Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp 1883, Thoả ước Madrid về chống chỉ dẫn sai hay lừa dối về nguồn gốc hàng hoá 1891 và Thoả ước Lisbon về Tên gọi xuất xứ 1958 đã hình thành nên những nền tảng cơ bản của định nghĩa hiện tại về chỉ dẫn địa lý:

Đầu tiên, Công ước Paris và Thoả ước Madrid đưa ra thuật ngữ Chỉ dẫn nguồn gốc, tuy nhiên chưa thực sự định nghĩa nó. Thuật ngữ này chỉ được hiểu chung chung là những chỉ dẫn về nguồn gốc địa lý của sản phẩm như “Made in America” mà không có mối liên hệ đến chất lượng vốn có của sản phẩm. Thoả ước Madrid cung cấp những quy định cụ thể hơn Công ước Paris, nghiêm cấm các chỉ dẫn nguồn gốc sai hay lừa dối. Ngoài Chỉ dẫn nguồn gốc, Công ước Paris cũng đưa ra thuật ngữ Tên gọi xuất xứ (TGXX) để chỉ dẫn nguồn gốc địa lý và nêu lên mối liên hệ giữa chất lượng sản phẩm và nơi sản phẩm được sản xuất ra.

Thoả ước Lisbon đi xa nhất trong 3 Hiệp định, với việc định nghĩa Tên gọi xuất xứ là “những tên địa lý của quốc gia, vùng, địa phương được đặt cho sản phẩm mà chất lượng hay những đặc tính của sản phẩm đó liên quan một cách cần thiết và

riêng biệt đến môi trường địa lý nơi sản xuất ra nó, bao gồm cả yếu tố tự nhiên và yếu tố con người”. Thỏa ước này cũng đưa ra hai điều kiện cơ bản để bảo hộ Tên gọi xuất xứ. Đó là, tên gọi xuất xứ phải được bảo hộ tại thị trường nội địa và phải được đăng ký với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO). Một khi tên gọi xuất xứ được bảo hộ bởi WIPO thì nó không thể trở thành một tên chung cho tới khi nào sản phẩm vẫn được bảo hộ tại thị trường nội địa.

Đến năm 1999, 766 tên gọi được bảo hộ bởi WIPO. Trong số 19 quốc gia kí kết Thỏa ước Lisbon, Pháp chiếm tới 2/3 số tên, chỉ 6 quốc gia chiếm tới 94% số lượng tên đăng ký. Trong số các sản phẩm được bảo hộ, 84% là các sản phẩm công nghiệp như: các loại rượu mạnh, rượu vang, phomat, thuốc lá, trong đó, riêng rượu mạnh và rượu vang đã chiếm tới 70%.

Nhằm đưa chỉ dẫn địa lý (CDĐL) thành một khái niệm rộng cho nhiều loại sản phẩm và phổ biến hơn trên toàn thế giới, tại vòng đàm phán Uruguay, Tổ chức Thương mại thế giới WTO đã đưa khái niệm chỉ dẫn địa lý vào Hiệp định Các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ, có hiệu lực với 130 quốc gia thành viên Tổ chức lúc bấy giờ.

- Khái niệm CDĐL theo Hiệp định TRIPs

Trong các văn kiện về vấn đề này, Ban Thư ký tổ chức Thương mại quốc tế WTO áp dụng thuật ngữ Chỉ dẫn địa lý “Geographical Indications” để tránh nhầm lẫn với các khái niệm khác nhau đưa ra bởi 3 Hiệp định trước đó. Khái niệm do WTO đưa ra không phân biệt giữa các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp, hay giữa hàng thủ công và hàng sản xuất công nghiệp, nhưng không áp dụng cho dịch vụ.

Điều 22.1 Hiệp định Các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ TRIPs quy định: “CDĐL là những chỉ dẫn về hàng hoá bắt nguồn từ lãnh thổ của một thành viên hoặc từ một khu vực hoặc địa phương thuộc lãnh thổ đó, có chất lượng, uy tín hoặc đặc tính chủ yếu do xuất xứ địa lý quyết định”. Ví dụ như: Cà phê Côlômbia, rượu Tequila (Mexico)...

Hiệp định TRIPs không giới hạn việc phải sử dụng CDĐL là tên một địa danh, mà những biểu tượng, hình ảnh gợi lên nguồn gốc địa lý như Cờ nước Pháp hay bản đồ nước Ý...cũng được chấp nhận. Mặt khác, những tên gọi sản phẩm

nhưng không phải là tên một địa danh, như Gạo Basmati (một loại gạo được trồng ở vùng chân núi Himalaya ở Ấn Độ) được chấp nhận là một chỉ dẫn địa lý, dù không có địa danh nào như vậy. Điều kiện để được bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo Hiệp định TRIPs đó là chất lượng, uy tín hoặc đặc tính nhất định của sản phẩm có được chủ yếu do môi trường địa lý, bao gồm cả yếu tố tự nhiên và con người quyết định.

- Ngoài quy định của WTO, hiện nay trên thế giới còn tồn tại nhiều khái niệm khác nhau cùng có hiệu lực của các tổ chức khu vực:

Ngày 14 tháng 07 năm 1992, Cộng đồng châu Âu đã đưa ra khái niệm Chỉ dẫn địa lý có bảo hộ PGI- Protected Geographical Indications- trong khuôn khổ quy định về Tên gọi xuất xứ trên lãnh thổ các nước EU (ngoài PGI, Quy định này còn đưa ra khái niệm TGXX có bảo hộ).

Theo đó, CDDL- có thể là từ ngữ (tên gọi) hoặc hình ảnh, biểu tượng- được dùng để mô tả một vùng, một khu vực nhất định hoặc một quốc gia mà một sản phẩm được khởi nguồn tại vùng đó, khu vực đó, quốc gia đó. Sản phẩm này có chất lượng hoặc danh tiếng có thể là do môi trường địa lý với những đặc tính vốn có và/hoặc sự kết hợp yếu tố con người tạo nên. Mọi quan hệ địa lý phải xuất hiện ít nhất một lần trong các giai đoạn của quá trình sản xuất, chế biến và chuẩn bị. Để được bảo hộ CDDL trên lãnh thổ các nước EU, hàng hoá phải chứng minh được nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý cụ thể và mối quan hệ phụ thuộc giữa danh tiếng, chất lượng vào các điều kiện địa lý của khu vực đó. Đặc biệt trước khi đăng ký bảo hộ tại các nước EU, CDDL phải được chứng nhận bảo hộ tại quốc gia nơi sản xuất ra sản phẩm.

Tuy không có một khái niệm được chấp nhận chung trên toàn thế giới nhưng nhìn chung các tổ chức quốc tế, khu vực và các quốc gia đều có cách hiểu khá giống nhau về bản chất khái niệm này.

- ***Khái niệm CDDL theo luật pháp Việt Nam***

Những sản phẩm nông sản đặc sản truyền thống được biết đến xưa nay của các tỉnh thành trong cả nước như Hồng xiêm Xuân Đình, Nhãn lồng Hưng Yên, Thanh long Bình Thuận, Gạo tám Hải Hậu, Nước mắm Phú Quốc...đều được coi là

các Chỉ dẫn địa lý. Bởi nó gọi cho người tiêu dùng mối liên hệ và sự tín nhiệm về chất lượng, danh tiếng của sản phẩm với khu vực địa lý nơi sản phẩm được khởi nguồn. Trong số đó có những CDDL đã được bảo hộ như Nước mắm Phú Quốc, Gạo tám xoan Hải Hậu... và những CDDL chưa được Nhà nước công nhận, bảo hộ nhưng đã được biết đến rộng rãi như Hồng xiêm Xuân Đình, lúa nương Cao Bằng, nước mắm Cát Hải,... CDDL được công nhận bảo hộ khi đáp ứng được các điều kiện bảo hộ (xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ CDDL hợp lệ) được quy định trong pháp luật SHTT hiện hành. Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ là sự bảo đảm cho người tiêu dùng, đồng thời góp phần nâng cao giá trị thương mại của sản phẩm và ngăn ngừa tình trạng giả mạo.

Về khái niệm chỉ dẫn địa lý, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 quy định trong Khoản 22, Điều 4: “Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể”. Như vậy:

✓ *Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu:*

Việc sử dụng thuật ngữ “dấu hiệu” cho thấy Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam chấp nhận không chỉ dấu hiệu trực tiếp bằng từ ngữ qua tên gọi sản phẩm mà còn chấp nhận các dấu hiệu gián tiếp bằng hình ảnh, biểu tượng (Thông tư số 01/2007-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/NĐ-CP của Chính phủ có quy định chi tiết hơn cho trường hợp nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý là hình ảnh, biểu tượng). Bất kỳ chỉ dẫn nào dưới dạng từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng cho biết sản phẩm có nguồn gốc từ một khu vực địa lý nhất định đều có thể được coi là một chỉ dẫn địa lý.

Bên cạnh đó, trong trường hợp là từ ngữ đặt tên cho sản phẩm, không nhất thiết CDDL phải là tên quốc gia, lãnh thổ, địa phương mà chỉ cần có thể chỉ dẫn, gợi ý cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm từ vùng địa lý tương ứng. Điều này hoàn toàn phù hợp với khái niệm CDDL được quy định trong TRIPs.

✓ *Chỉ dẫn địa lý chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể:*

Ví dụ như Gạo tám xoan Hải Hậu được trồng, sản xuất tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Xoài cát Hoà Lộc có nguồn gốc từ xã Hoà Lộc, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;...

Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam không quy định rõ những điều kiện cụ thể để một sản phẩm được coi là có nguồn gốc từ một khu vực địa lý. Những trường hợp sản phẩm chỉ có một khâu của quá trình sản xuất diễn ra trên khu vực địa lý đó liệu có được coi là thoả mãn điều kiện về nguồn gốc của sản phẩm không? Theo thông lệ và quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ thì không nhất thiết tất cả các khâu của quá trình sản xuất ra sản phẩm từ khi canh tác, lựa chọn nguyên liệu đến khâu chế biến, đóng gói, bảo quản đều phải diễn ra trên lãnh thổ tương ứng mà chỉ dẫn địa lý chỉ ra.

✓ *Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định* (Điều 79.2 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005).

Ví dụ như Bắp cải Đà Lạt xanh và ngọt hơn các vùng khác nhờ khí hậu ôn đới của Đà Lạt; Nước mắm Phú Quốc có độ đậm cao, ngọt, thơm dịu đặc trưng nhờ nguồn nguyên liệu cá cơm, điều kiện khí hậu và bí quyết chế biến (ướp muối, ủ chượp, kéo rút, pha đầu) của người dân huyện đảo Phú Quốc...

Vậy cụ thể thế nào là danh tiếng, chất lượng, đặc tính chủ yếu của sản phẩm? Điều kiện địa lý bao gồm những yếu tố nào? Để làm rõ hơn định nghĩa này, Luật Sở hữu trí tuệ cũng đã quy định ở các Điều 81, 82, 83:

Điều 81 quy định: “Danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được xác định bằng mức độ tín nhiệm của người tiêu dùng đối với sản phẩm đó thông qua mức độ rộng rãi người tiêu dùng biết đến và chọn lựa sản phẩm đó; Chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được xác định bằng một hoặc một số chỉ tiêu định tính, định lượng hoặc cảm quan về vật lý, hoá học, vi sinh và các chỉ tiêu đó phải có khả năng kiểm tra được bằng phương tiện kỹ thuật hoặc chuyên gia với phương pháp kiểm tra phù hợp”.

Vấn đề đặt ra ở đây là trong khi chất lượng của sản phẩm có thể được xác định và kiểm chứng được qua một số chỉ tiêu và bằng những biện pháp kỹ thuật chuyên môn, thì danh tiếng lại là một khái niệm trừu tượng. Danh tiếng của sản phẩm- được xác định thông qua sự biết đến, tín nhiệm và lựa chọn sản phẩm đó một cách rộng rãi trong giới tiêu dùng liên quan phải có khả năng kiểm chứng được. Một chỉ dẫn địa lý có danh tiếng từ lâu nhưng để được bảo hộ, chỉ dẫn địa lý phải

chứng minh được sự ưu việt về chất lượng của sản phẩm so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường thông qua các chỉ tiêu đáng tin cậy định tính, định lượng hoặc cảm quan về hoá học, vật lý, vi sinh...Không chỉ thế, để được bảo hộ tổ chức nộp đơn trong hồ sơ của mình cần phải đưa ra những thông tin về mối liên hệ giữa danh tiếng, chất lượng hay đặc tính chủ yếu của sản phẩm với điều kiện địa lý ở khu vực, vùng địa phương, lãnh thổ, nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó.

Các điều kiện địa lý liên quan đến chỉ dẫn địa lý là những yếu tố tự nhiên, yếu tố về con người quyết định danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó. Trong đó, yếu tố tự nhiên bao gồm yếu tố về khí hậu, thủy văn, địa chất, địa hình, hệ sinh thái và các điều kiện tự nhiên khác; Yếu tố về con người bao gồm kỹ năng, kỹ xảo của người sản xuất, quy trình sản xuất truyền thống của địa phương (có thể bao gồm một, một số hoặc tất cả các công đoạn, từ sản xuất nguyên liệu, chế biến nguyên liệu đến tạo ra sản phẩm và có thể gồm cả công đoạn đóng gói sản phẩm, nếu công đoạn đó có ảnh hưởng đến tính chất/ chất lượng, danh tiếng của sản phẩm).

“Khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý” là khu vực có ranh giới được xác định một cách chính xác bằng từ ngữ và bản đồ (Điều 83 Luật Sở hữu trí tuệ 2005).

Nhìn chung, khái niệm chỉ dẫn địa lý được quy định trong pháp luật Việt Nam là phù hợp với Hiệp định TRIPs cũng như các định nghĩa đang được chấp nhận khác trên thế giới.

1.2. Chỉ dẫn địa lý với các khái niệm liên quan

1.2.1. CDDL và Tên gọi xuất xứ

Với sự ra đời và có hiệu lực của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005, tại nước ta thuật ngữ Tên gọi xuất xứ đã không còn có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, trên thế giới TGXX vẫn là một khái niệm quen thuộc.

Mỗi tổ chức, khu vực, quốc gia đưa ra một định nghĩa khác nhau về TGXX. Ví dụ như Cộng đồng châu Âu đưa ra Tên gọi Xuất xứ có bảo hộ (PDO- Protected Designation of Origin, hoặc theo tiếng Pháp là AOP hay AOC: Appellation d'origine protegee hay controlee); ở Mỹ là thuật ngữ Tên gọi xuất xứ Appellations of Origin...Nhưng nhìn chung các định nghĩa này đều giống nhau về bản chất.

Theo đó, TGXX được dùng để chỉ tên của một vùng, một khu vực nhất định hoặc một quốc gia có sản phẩm được bắt nguồn từ vùng, khu vực hoặc quốc gia đó; chất lượng hoặc những đặc điểm đặc thù (khó có thể tìm thấy ở hàng hoá cùng loại từ các khu vực khác) của sản phẩm này là do môi trường địa lý đặc biệt tạo ra. Những sản phẩm này được sản xuất, chế biến, chuẩn bị trong một vùng địa lý xác định đã được quy định và có sử dụng những bí quyết công nghệ truyền thống đã được công nhận bởi các cơ quan chức năng.

Như vậy CDĐL và TGXX đều được sử dụng để chỉ nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm từ khu vực địa lý nhất định, gọi nên mối liên hệ giữa danh tiếng, chất lượng của sản phẩm và các điều kiện địa lý của khu vực đó; đồng thời đều có những tác dụng thương mại nhất định. Tuy nhiên, có thể thấy TGXX có những đặc trưng khác hơn so với CDĐL như sau:

✓ *TGXX là tên địa lý*

Như vậy, trong khi CDĐL có thể là hình ảnh, biểu tượng (hình ảnh Tháp Eiffel, Núi Phú Sĩ...), TGXX chỉ giới hạn trong từ ngữ: tên gọi của sản phẩm phải là tên quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương nơi sản phẩm được sản xuất ra. Ví dụ như cà phê Côlômbia được sản xuất tại Côlômbia; Táo Washington được trồng ở bang Washington ở Mỹ; Cam Florida sản xuất tại bang Florida ở Mỹ...

✓ *Hàng hoá mang TGXX có những tính chất riêng biệt, hiếm có phụ thuộc bắt buộc vào điều kiện địa lý đặc thù nơi sản xuất ra sản phẩm.*

Cả CDĐL và TGXX đều gọi nên mối quan hệ phụ thuộc giữa đặc tính của sản phẩm vào các điều kiện địa lý (tự nhiên, con người) của khu vực nơi sản phẩm khởi nguồn. Tuy nhiên có thể thấy TGXX đòi hỏi những điều kiện khắt khe hơn.

Thứ nhất, sản phẩm mang TGXX phải có những phẩm chất riêng biệt, đôi khi là hiếm có, “độc nhất vô nhị” so với các sản phẩm cùng loại khác trên thị trường. Những phẩm chất này được quy định bởi những điều kiện tự nhiên đặc thù (khí hậu, thành phần đất và nước, độ cao...) và/hoặc công nghệ sản xuất hàng hoá đặc thù dựa trên cơ sở kinh nghiệm lâu năm, bí mật sản xuất, truyền thống và văn hoá dân cư tham gia vào hoạt động tạo ra hàng hoá tại khu vực địa lý đó.

Thứ hai, để được công nhận tên gọi xuất xứ, tất cả các khâu của quá trình sản xuất, chế biến hàng hoá phải diễn ra tại vùng địa danh tương ứng, trong khi chỉ dẫn

địa lý chỉ cần đáp ứng một/ một số công đoạn của quá trình sản xuất ra sản phẩm: chuẩn bị, chế biến, sản xuất, đóng gói...diễn ra trong khu vực đó.

✓ Về khía cạnh pháp lý, quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá phát sinh trên cơ sở đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hoá hoặc xin phép sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá đã được người khác đăng ký từ trước tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy trong trường hợp xảy ra vi phạm, nếu như đối với tên gọi xuất xứ hàng hoá do người sử dụng đã được cấp văn bằng bảo hộ nên sẽ không phải có nghĩa vụ chứng minh quyền của mình đối với tên gọi xuất xứ hàng hoá đó, còn người sử dụng chỉ dẫn địa lý trong trường hợp này sẽ phải chứng minh điều kiện xác lập quyền và phạm vi quyền của mình.

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy TGXX là một trường hợp đặc biệt, một phạm trù hẹp hơn của CDĐL. Một Tên gọi xuất xứ là Chỉ dẫn địa lý, nhưng không phải Chỉ dẫn địa lý nào cũng là Tên gọi xuất xứ.

1.2.2. CDĐL và Chỉ dẫn nguồn gốc

Chỉ dẫn nguồn gốc được đưa ra đầu tiên trong Hiệp định Paris và Thoả ước Madrid và đến nay vẫn được chấp nhận tại nhiều quốc gia trên thế giới. Giữa khái niệm này và CDĐL có một số điểm giống và khác nhau. Cụ thể:

Cả Chỉ dẫn nguồn gốc và CDĐL đều dùng để chỉ nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, đều có thể dùng để đặt tên cho sản phẩm hay minh hoạ trên sản phẩm. Tuy nhiên, Chỉ dẫn nguồn gốc thường khá chung chung, không cụ thể như thông qua các đề tựa “Made in Italy” hay “Product of Mexico”...

Đặc biệt, Chỉ dẫn nguồn gốc không đòi hỏi có sự liên hệ giữa chất lượng, danh tiếng hay đặc tính khác của sản phẩm với nguồn gốc xuất xứ của nó.

Trong 3 khái niệm, Chỉ dẫn địa lý là khái niệm rộng nhất, bao hàm cả Tên gọi xuất xứ và Chỉ dẫn địa lý. CDĐL ở giữa còn Tên gọi xuất xứ là khái niệm hẹp nhất.

1.2.3. CDĐL - Nhãn hiệu:

(i) CDĐL và Nhãn hiệu thông thường

- ***Phân biệt chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu thông thường:***

Nhãn hiệu là các dấu hiệu được sử dụng để phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp này với hàng hoá hoặc dịch vụ của doanh nghiệp khác. Điều 15.1 Hiệp định TRIPs quy định rằng: “Dấu hiệu bất kỳ, hoặc sự kết hợp của các dấu hiệu có

khả năng phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp này với hàng hoá hoặc dịch vụ của các doanh nghiệp khác đều có thể được coi là một nhãn hiệu”.

Điểm mấu chốt phân biệt CDDL và Nhãn hiệu thông thường của hàng hoá là ở chỗ *chức năng chính của nhãn hiệu là phân biệt hàng hoá và/hoặc dịch vụ của các nhà sản xuất khác nhau* trong đó nhãn hiệu được sử dụng. Còn CDDL hướng đến phân biệt khu vực địa lý mà các điều kiện đất, nước, khí hậu,...cũng như kinh nghiệm hay bí quyết của những nhà sản xuất sống trong khu vực địa lý đó ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm khác với sản phẩm từ các vùng địa lý khác.

Để thực hiện chức năng này, nhãn hiệu cần có tính phân biệt. Cũng tức là nó phải (Điều 74 Luật SHTT):

- Dễ nhận biết: được tạo thành từ một hoặc một số yếu tố dễ nhận biết, dễ nhớ hoặc từ nhiều yếu tố kết hợp thành tổng thể dễ nhận biết, dễ nhớ.

- Không thuộc các trường hợp loại trừ, bao gồm: (i) mô tả hàng hoá, dịch vụ: thời gian, địa điểm, phương thức sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng sản phẩm; mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh, nguồn gốc địa lý...;(v) trùng hoặc tương tự với CDDL, gây nhầm lẫn về nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ;...

Như vậy, *nhãn hiệu không thể mang tính mô tả*. Cũng chính vì tính phân biệt nên nhãn hiệu *không thể là tên chung* cho sản phẩm của nhiều đơn vị khác nhau. (Điều này đúng với cả nhãn hiệu tập thể- một nhãn hiệu tập thể chỉ được sử dụng bởi các doanh nghiệp là thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó).

Trong khi đó, *một chỉ dẫn địa lý là một sự mô tả chung* có khả năng áp dụng bởi mọi thương nhân ở một khu vực địa lý cụ thể đối với hàng hoá mà có nguồn gốc từ khu vực đó. Mọi thương nhân từ khu vực địa lý cụ thể được hưởng quyền bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với sự chiếm đoạt trái phép, trong khi đó một nhãn hiệu được bảo hộ khỏi việc chiếm đoạt trái phép theo đơn yêu cầu của chủ sở hữu đã đăng ký của nhãn hiệu đó.

• ***Bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua hình thức Nhãn hiệu thông thường:***

✓ *Một chỉ dẫn địa lý có thể được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu thông thường*. Đó là các trường hợp của: Nhãn lồng Hưng Yên; Gốm sứ Đông Triều (huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh); Cà phê DakMil (huyện DakMil, tỉnh DakNong); Gốm Đồng Nai; Nước mắm Nha Trang; Cam sành Tam Bình

(huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long)...Chỉ dẫn địa lý vốn được coi là tài sản quốc gia cần phải được trao cho cơ quan quản lý hành chính địa phương quản lý và cộng đồng người dân thuộc vùng mang địa danh sử dụng- nhưng do được đăng ký dưới hình thức nhãn hiệu nên đã thuộc quyền sở hữu của một hoặc một số hạn chế tổ chức, cá nhân. Điều này làm xuất hiện những tranh chấp giữa chủ sở hữu nhãn hiệu đó với cơ quan quản lý địa phương và các nhà sản xuất khác trên địa bàn (trường hợp nhãn hiệu rượu Bầu Đá). Xa hơn, bảo hộ chỉ dẫn địa lý dưới hình thức nhãn hiệu thông thường làm cản trở việc mở rộng quy mô sản xuất và phát triển chỉ dẫn địa lý, gây thiệt hại về nhiều mặt cho sự phát triển chung của đất nước.

✓ *Nguyên nhân của tình trạng trên có thể giải thích là do nhận thức của đa số nhà sản xuất sản phẩm thấp, không đồng tâm hiệp lực cùng xây dựng nhãn hiệu tập thể hoặc chỉ dẫn địa lý; chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về giá trị của việc phát triển chỉ dẫn địa lý cho cả cộng đồng địa phương; Hoặc do quy mô sản xuất tại địa phương có chỉ dẫn địa lý nhỏ, địa phương chưa có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật để có thể đăng ký bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý.*

✓ *Hướng giải quyết tình trạng bảo hộ chỉ dẫn địa lý dưới hình thức nhãn hiệu thông thường:*

Để tránh tình trạng này, chính quyền địa phương cần lưu ý không cho phép sử dụng địa danh để đăng ký nhãn hiệu, đồng thời, thông báo và yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ không đăng ký nhãn hiệu có sử dụng địa danh được sử dụng để gọi tên cho các sản phẩm của địa phương và chủ động từ chối đăng ký các nhãn hiệu có chứa các địa danh đó cho các sản phẩm cùng loại.

Ở các địa phương chưa đáp ứng được các điều kiện để được bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý thì có thể tạm thời lựa chọn các hình thức phù hợp khác như Nhãn hiệu tập thể hay Nhãn hiệu chứng nhận.

Đối với các chỉ dẫn địa lý đã được đăng ký bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu thông thường thì cần có hướng giải quyết như sau:

- Trường hợp nhãn hiệu đó đã được sử dụng rộng rãi cho chính loại đặc sản của địa phương, thì việc bảo hộ địa danh dưới hình thức khác chỉ có thể thực hiện được nếu chủ sở hữu nhãn hiệu này đồng ý. Nếu việc đăng ký bảo hộ dưới hình thức CDDL là cần thiết nhằm bảo đảm quyền lợi của đa số nhà sản xuất, người dân

địa phương thì chính quyền địa phương có thể thoả thuận với chủ sở hữu nhãn hiệu chuyển giao nhãn hiệu cho cộng đồng người dân của địa phương để sử dụng chung, sau đó tiến hành đăng ký bảo hộ địa danh dưới hình thức CDDL.

- Trường hợp nhãn hiệu đã đăng ký chưa được sử dụng rộng rãi, chưa có uy tín trên thị trường và không gây nhầm lẫn về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm thì vẫn có thể chọn và tiến hành đăng ký bảo hộ địa danh dưới hình thức CDDL.

(ii) CDDL và Nhãn hiệu tập thể- Nhãn hiệu chứng nhận

• *Phân biệt chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu tập thể- Nhãn hiệu chứng nhận:*

Hai thuật ngữ nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận được định nghĩa như sau (Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005):

Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó. Ví dụ như: Nhãn hiệu tập thể Bưởi Tân Triều được khai thác, sử dụng bởi các thành viên của Hội làm vườn Vĩnh Cửu đang trồng bưởi trên địa bàn huyện Tân Triều tỉnh Biên Hoà..

Nhãn hiệu chứng nhận là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hoá, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu. Ví dụ như tiêu chuẩn ISO 9001:2000,...là một loại nhãn hiệu chứng nhận chất lượng. Theo đó, nhãn hiệu chứng nhận nguồn gốc địa lý là loại nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên sản phẩm hàng hoá của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận về xuất xứ địa lý của sản phẩm hàng hoá.

Quyền sở hữu công nghiệp đối với Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu tập thể, Nhãn hiệu chứng nhận *có điểm tương đồng* bởi đối với nông sản đặc sản một vùng, người ta có thể đăng ký bảo hộ qua cả 3 hình thức này.

Mặc dù vậy, *nhãn hiệu chứng nhận nguồn gốc địa lý và nhãn hiệu tập thể không nói lên tính chất ràng buộc*, quyết định của các điều kiện địa lý lên chất lượng của sản phẩm hàng hoá.

Hơn thế, trong khi Chỉ dẫn địa lý là sở hữu của Nhà nước (Nhà nước chỉ trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm tại địa phương tương ứng hay trao quyền quản lý cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng), được tự động bảo hộ vô thời hạn và không thể chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng; *Thì Nhãn hiệu tập thể và Nhãn hiệu chứng nhận vẫn có đầy đủ các tính chất của nhãn hiệu nói chung*. Đó là quyền sở hữu thuộc về các tổ chức, cá nhân được cấp văn bằng bảo hộ; được chuyển giao quyền sở hữu sang các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện đối với người có quyền đăng ký nhãn hiệu đó (mà không gây nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hóa mang nhãn hiệu), quyền sử dụng chỉ hạn chế cho các thành viên của đơn vị chủ sở hữu nhãn hiệu; bảo hộ thông qua đăng ký và bảo hộ có thời hạn. (quyền đăng ký hoặc trao quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý thuộc về Nhà nước).

• ***Bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua hình thức Nhãn hiệu tập thể hay Nhãn hiệu chứng nhận:***

Giống như trường hợp của Nhãn hiệu, một chỉ dẫn địa lý cũng có thể được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp qua hình thức Nhãn hiệu tập thể hay Nhãn hiệu chứng nhận.

✓ *Đối với các chỉ dẫn địa lý chưa đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ thì việc lựa chọn hình thức bảo hộ cần phải được xem xét trên cơ sở sự phù hợp giữa điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện đặc thù của mỗi hình thức. So với Nhãn hiệu tập thể hay Nhãn hiệu chứng nhận thì bảo hộ qua hình thức Chỉ dẫn địa lý đem lại mức bảo hộ cao hơn và đảm bảo quyền lợi của tất cả các nhà sản xuất đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên bảo hộ thông qua hình thức chỉ dẫn địa lý lại đòi hỏi nhiều điều kiện phức tạp, khắt khe hơn. Do đó, việc lựa chọn hình thức bảo hộ là chỉ dẫn địa lý đôi khi chưa thực sự cần thiết và quá sức đối với khả năng của địa phương hoặc các cơ quan chuyên môn. Khi đó có thể tiến hành việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý dưới các hình thức đơn giản, dễ thực hiện hơn (nhãn hiệu tập thể/ nhãn hiệu chứng nhận), sau đó tiến hành tốt công tác quản lý việc sử dụng nhãn hiệu đã đăng ký này. Như vậy, việc tiến hành đăng ký bảo hộ và quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý (nếu cần thực hiện sau đó) sẽ thuận lợi và hiệu quả hơn.*

Việc nghiên cứu đặc thù về điều kiện áp dụng và ưu, nhược điểm của mỗi hình thức, từ đó đối chiếu với tình hình thực tế tại địa phương là thực sự cần thiết. Đặc thù, điều kiện áp dụng và ưu, nhược điểm của 3 hình thức được so sánh trong bảng sau:

Bảng 1.1. So sánh điều kiện áp dụng, ưu nhược điểm của việc bảo hộ bằng hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể hay chỉ dẫn địa lý

	Nhãn hiệu chứng nhận	Nhãn hiệu tập thể	Chỉ dẫn địa lý
Điều kiện về Sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Có thị trường, có tiềm năng phát triển; - Có nhiều nhà sản xuất, kinh doanh trong cùng một khu vực với chất lượng, mẫu mã khác nhau và chưa được kiểm soát; - Danh tiếng, uy tín của sản phẩm có nguy cơ sụt giảm; có tình trạng hàng giả, hàng nhái; 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thị trường, có tiềm năng phát triển; - Có nhiều nhà sản xuất, kinh doanh trong cùng một khu vực với chất lượng, mẫu mã khác nhau và chưa được kiểm soát; - Danh tiếng, uy tín của sản phẩm có nguy cơ sụt giảm; có tình trạng hàng giả, hàng nhái; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm có danh tiếng hoặc chất lượng đặc thù do các điều kiện tự nhiên, con người vùng sản xuất mang lại; - Ngành sản xuất sản phẩm có truyền thống lâu đời, có nguy cơ bị mai một và cần duy trì, phát triển; - Có thị trường, tiềm năng phát triển; - Có nhiều nhà sản xuất, kinh doanh trong cùng một khu vực với chất lượng, nhãn hiệu, mẫu mã khác nhau và chưa được kiểm soát; - Danh tiếng, uy tín của sản phẩm giảm; có tình trạng hàng giả, hàng nhái
	- Chưa nhận thức được sự cần thiết phải giữ	- Nhận thức được sự cần thiết phải giữ gìn	- Nhận thức được sự cần thiết phải giữ gìn uy tín,

Điều kiện áp dụng	Điều kiện về Các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm	gìn uy tín chất lượng sản phẩm địa phương mình; - Khó khăn trong việc tập hợp các nhà sản xuất cùng tình nguyện xây dựng nhãn hiệu chung cho loại sản phẩm nhất định bảo đảm các tiêu chuẩn/yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng...; - Khó khăn trong việc huy động kinh phí.	uy tín chất lượng sản phẩm địa phương mình; - Tự nguyện tham gia cùng xây dựng nhãn hiệu chung cho loại sản phẩm đảm bảo các đặc tính nhất định; - Đóng góp kinh phí để cùng xây dựng nhãn hiệu.	chất lượng sản phẩm từ địa phương mình; - Có khả năng tập hợp các nhà sản xuất cùng tình nguyện xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm của địa phương...; - Có khả năng huy động kinh phí.
	Điều kiện về Chính quyền địa phương	- Có chủ trương phát triển; sẵn sàng hỗ trợ về chuyên môn, kinh phí cho việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu; - Cho phép hoặc thành lập các tổ chức có đủ điều kiện để đăng ký và quản lý nhãn hiệu chứng nhận đặc tính nhất định.	- Có chủ trương phát triển; sẵn sàng hỗ trợ về chuyên môn, kinh phí cho việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu; - Hướng dẫn, hỗ trợ thành lập tổ chức tập thể và tiến hành thủ tục đăng ký, quản lý nhãn hiệu tập thể.	- Có chủ trương phát triển; sẵn sàng hỗ trợ về chuyên môn, kinh phí cho việc xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý; - Đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý từ đó quản lý chất lượng sản phẩm của các nhà sản xuất địa phương.
		- Công việc chuẩn bị các điều kiện ít phức tạp, tốn kém và phụ	- Công việc chuẩn bị các điều kiện ít phức tạp, tốn kém và phụ	- Bảo đảm khả năng trao quyền sử dụng cho tất cả các đối tượng có khả

Đánh giá	Ưu điểm	<p>thuộc ít nhất vào các đơn vị chuyên môn so với Nhãn hiệu tập thể và Chỉ dẫn địa lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đòi hỏi ngắn hơn so với hình thức chỉ dẫn địa lý. - Có thể quản lý được nguồn gốc, chất lượng sản phẩm thông qua việc kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu và kiểm tra các đặc tính của sản phẩm mang nhãn hiệu. 	<p>thuộc vào các đơn vị chuyên môn ít hơn Chỉ dẫn địa lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đòi hỏi ngắn hơn hình thức chỉ dẫn địa lý. - Việc quản lý chủ yếu do tập thể là chủ nhân hiệu thực hiện. Cơ quan quản lý Nhà nước không phải tham gia nhiều vào công tác quản lý nhãn hiệu sau khi đã được đăng ký. 	<p>năng sử dụng chỉ dẫn địa lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo tiền đề cho việc quản lý chất lượng, nguồn gốc sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. - Nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý địa phương (Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) với hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực của địa phương.
	Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng và các yêu cầu khác đối với sản phẩm mang nhãn hiệu do chủ nhãn hiệu chứng nhận đặt ra và áp dụng, có thể không thể hiện đúng chất lượng đặc thù của sản phẩm của địa phương. - Việc xác nhận các đặc tính và chất lượng của sản phẩm chỉ dựa trên kết quả đánh giá xác suất các đặc tính và chất lượng sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng và các yêu cầu khác đối với sản phẩm mang nhãn hiệu do tập thể thống nhất và áp dụng, có thể không thể hiện đúng chất lượng đặc thù của sản phẩm. - Lượng người sử dụng hạn chế, ảnh hưởng tới khả năng đăng ký và sử dụng chỉ dẫn địa lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công việc chuẩn bị các điều kiện để thực hiện phức tạp, tốn kém. - Thời gian đòi hỏi dài hơn. - Cần có sự tham gia, phối hợp của nhiều cơ quan quản lý và chuyên môn cũng như sự hợp tác tích cực của các nhà sản xuất, kinh doanh.

✓ Trường hợp *chỉ dẫn địa lý đã đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ theo hình thức Nhãn hiệu tập thể* thì việc đăng ký bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý chỉ có thể tiến hành được nếu nhãn hiệu tập thể được hủy bỏ. Nếu việc đăng ký bảo hộ địa danh dưới hình thức bảo hộ chỉ dẫn địa lý là cần thiết để bảo đảm quyền lợi của cả cộng đồng địa phương thì chính quyền địa phương cần vận động chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể và các thành viên của tổ chức tập thể cùng xây dựng chỉ dẫn địa lý thay thế cho nhãn hiệu tập thể đã được đăng ký.

✓ Đối với *các chỉ dẫn địa lý đã được đăng ký bảo hộ dưới dạng Nhãn hiệu chứng nhận* thì về nguyên tắc, việc đăng ký bảo hộ địa danh dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận không ảnh hưởng đến việc đăng ký bảo hộ địa danh dưới hình thức chỉ dẫn địa lý. Do đó, nếu xét thấy cần thiết, cộng đồng địa phương vẫn có thể tiến hành các thủ tục đăng ký bảo hộ địa danh dưới hình thức chỉ dẫn địa lý.

2. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý

2.1. Định nghĩa bảo hộ CDDL

Quyền sở hữu trí tuệ có rất nhiều đối tượng, phổ biến nhất hiện nay là nhãn hiệu và bằng sáng chế. Những công cụ này đảm bảo các nhà phát minh có quyền quyền lợi xứng đáng với công sức, tiền bạc họ bỏ ra trong quá trình sáng tạo, phát minh ra ý tưởng. Bảo hộ sáng chế và nhãn hiệu nhằm ngăn ngừa các đối thủ cạnh tranh sử dụng trái phép sản phẩm trí tuệ của người khác, đồng thời bảo vệ người tiêu dùng khỏi bị lừa gạt. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý cũng tương tự như vậy: nhằm mục đích chống lại các hành vi xâm phạm quyền lợi hợp pháp của các nhà sản xuất và lừa gạt người tiêu dùng.

Có thể nói, *bảo hộ CDDL là bảo hộ độc quyền của cư dân thuộc một vùng sử dụng CDDL cho các sản phẩm có nguồn gốc từ vùng đó và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, đặc tính nhất định.*

Bảo hộ CDDL là một quá trình dài và phức tạp, đòi hỏi sự đầu tư lớn. Nhà nước- chủ sở hữu CDDL- là chủ thể thực hiện việc bảo hộ, thông qua hoạt động của các cơ quan chức năng và sự phối hợp của các tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan. Không chỉ đơn thuần là sử dụng các công cụ pháp luật nghiêm cấm và xử

phạt đối với các hành vi xâm phạm quyền, việc bảo hộ CDDL- một tài sản của quốc gia- bao gồm cả việc tiến hành đăng ký và quản lý CDDL:

- Xác lập quyền (Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý): thông thường Nhà nước uỷ quyền cho chính quyền địa phương nơi có CDDL hoặc Tổ chức tập thể đại diện cho quyền lợi của các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang CDDL tiến hành các thủ tục đăng ký bảo hộ CDDL tại các cơ quan chức năng (Cục Sở hữu trí tuệ); Đối với việc đăng ký bảo hộ CDDL của Việt Nam ở nước ngoài, Nhà nước trực tiếp thực hiện việc đăng ký. Sau khi đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ, CDDL chính thức được Nhà nước công nhận và bảo hộ vô thời hạn.

- Thiết lập cơ chế quản lý, kiểm soát chỉ dẫn địa lý: nhằm đảm bảo quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý sẽ được trao cho đúng đối tượng- đó là các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm tại địa phương và chỉ được sử dụng cho những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng.

- Thiết lập cơ chế thực thi quyền, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà sản xuất sản phẩm mang CDDL và quyền lợi người tiêu dùng: Nhà nước sử dụng các công cụ pháp luật nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm quyền đối với CDDL, như: các hành vi cạnh tranh không lành mạnh (sử dụng nhãn hiệu, tên thương mại...trùng với CDDL, gây nhầm lẫn về nguồn gốc sản phẩm), hàng giả, hàng nhái các sản phẩm mang CDDL...

Ngoài ra, bảo hộ CDDL của Nhà nước còn bao gồm cả các cơ chế hỗ trợ, gia tăng năng lực sản xuất cũng như đẩy mạnh danh tiếng, khả năng tiêu thụ của sản phẩm mang CDDL trên thị trường trong nước và quốc tế.

2.2. Vai trò, ý nghĩa của việc bảo hộ CDDL

- ***Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng:***

Chỉ dẫn địa lý sau khi được Nhà nước chứng nhận sẽ được quản lý theo một hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ khâu canh tác, chế biến đến đóng gói, bảo quản lưu thông trên thị trường. Nhờ đó, người tiêu dùng được tiêu thụ sản phẩm không những có nguồn gốc từ khu vực địa lý tương ứng mà còn đảm bảo chất lượng đặc thù. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý, kiểm soát cấp và thu hồi tem nhãn chứng

nhận giúp hạn chế tình trạng hàng giả, hàng nhái tràn ngập thị trường, bảo vệ người tiêu dùng khỏi bị lừa gạt, mua phải các sản phẩm không đúng kỳ vọng.

- ***Gia tăng giá trị sản phẩm cho nhà sản xuất:***

Với danh tiếng, chất lượng đặc trưng, các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có kênh thị trường ổn định, riêng biệt, cạnh tranh. Người tiêu dùng cũng sẵn sàng trả một mức giá cao hơn cho các sản phẩm mang CDDL đã được bảo hộ do có niềm tin vào chất lượng, nguồn gốc của sản phẩm. Nhờ đó đem lại giá trị kinh tế cao hơn cho các nhà sản xuất.

Thực tế tại các nước thuộc EU cho thấy, các sản phẩm thực phẩm có chỉ dẫn địa lý có giá bán lẻ cao hơn rất nhiều so với các sản phẩm thông thường. Tại Pháp, phomat có thể được chấp nhận với giá bán lẻ cao hơn 30% so với các sản phẩm cùng loại không có chỉ dẫn địa lý. Đặc biệt, sản phẩm rượu vang có đăng ký chỉ dẫn địa lý sẽ có giá cao gấp gần 3 lần (260%) so với các loại rượu vang khác. Hay đối với cà phê Jamao sản xuất tại Cộng hoà Dominica có giá bán tăng từ 67 USD/bao lên 107 USD/bao ngay sau năm đầu tiên được đăng ký bảo hộ CDĐL. Những người sản xuất các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, đặc biệt là nông dân, sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ giá bán lẻ cao hơn, từ đó góp phần nâng cao thu nhập.

Tại nước ta, sản phẩm chè *Shan tuyết Mộc Châu* nổi tiếng thơm ngon được trồng chủ yếu ở xã Tô Múa - một xã vùng sâu huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Sau 3 năm được đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, chè Shan tuyết Mộc Châu đã nâng cao được giá trị và thu hút được sự quan tâm đặc biệt của thị trường: giá thành sản phẩm tăng lên 15%. Đặc biệt nhờ được bảo hộ, chè Shan tuyết Mộc Châu không bị ảnh hưởng bất lợi của ngành chè trong suốt thời gian qua. Sản lượng bán ra của Công ty chè Mộc Châu - đơn vị được xác định là chủ thể đại diện quyền sử dụng tên gọi xuất xứ của sản phẩm không ngừng tăng, sản xuất ra tới đâu tiêu thụ hết tới đó. Đặc biệt, những quốc gia khó tính về chè như: Pakistan, Đài Loan, Trung Quốc, Nhật Bản đã trở thành thị trường lớn của sản phẩm chè Mộc Châu.

- ***Thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động:***

Cùng với việc tạo niềm tin cho người tiêu dùng, cơ chế bảo hộ CDDL giúp gia tăng giá trị sản phẩm cũng làm người sản xuất yên tâm mở rộng đầu tư. Chỉ

riêng sản phẩm phomat thuộc vùng Morbier, Pháp đã gia tăng gấp đôi sản lượng lên 5000 tấn từ năm 1998 đến 2004 khi sản phẩm có đăng ký CDĐL Morbier..

Ở nước ta, sau khi chỉ dẫn địa lý Mộc Châu dành cho chè Shan Tuyết được Nhà nước cấp giấy chứng nhận bảo hộ (tháng 6/2001), đề chủ động về nguồn nguyên liệu tại chỗ, công ty chè Mộc Châu đã xây dựng một nhà máy chế biến chè ngay tại Tô Múa . Từ 2 dây chuyền sản xuất ban đầu, đến nay đã có 7 dây chuyền chế biến hiện đại, với tổng công suất 170 tấn/ngày, trong đó ba dây chuyền đặt ở các xã trong vùng nguyên liệu. Riêng năm 2004, Tô Múa đã trồng mới hơn 90 ha chè, đưa diện tích chè toàn xã từ 520 ha năm 2001 đã tăng lên 650 ha năm 2004. Không chỉ ở Tô Múa, cây chè còn được mở rộng và mang lại thu nhập đáng kể cho đồng bào các xã Chiềng Khoa, Lóng Luông, Vân Hồ, đây là những xã chủ yếu đồng bào Mông sinh sống. Cây chè đã góp phần xóa đói, giảm nghèo và làm giàu cho người làm chè ở Mộc Châu, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho đồng bào các dân tộc trên vùng cao nguyên.

• ***Khuyến khích phát triển các sản phẩm có tính chất đặc trưng, khôi phục và bảo tồn đa dạng sinh học.***

Có thể lấy một vài ví dụ điển hình như trường hợp gạo tám xoan Hải Hậu hay cây sâm Ngọc Linh:

✓ Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là nơi nổi tiếng từ lâu với sản phẩm *gạo Tám xoan*. Gạo Tám được trồng ở vùng này có hạt trắng, cơm dẻo, mùi thơm và luôn được người tiêu dùng trên cả nước ưa chuộng. Mặc dù đặc sản Tám xoan đã đưa Hải Hậu trở thành địa danh nổi tiếng, nhưng thời gian qua, người dân địa phương lại không mặn mà và tâm huyết với việc trồng và kinh doanh sản phẩm này, diện tích trồng lúa Tám xoan chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng diện tích lúa của cả huyện. Nguyên nhân chủ yếu là người nông dân sản xuất đặc sản này không có lãi bằng các giống lúa mới cho năng suất cao như Tám tiêu, Tám ngổ và cả Bắc hương của Trung Quốc.

Đứng trước đòi hỏi cần phải bảo tồn, phát triển giống lúa Tám xoan, phát triển kinh tế - xã hội thông qua cây trồng này, hàng loạt biện pháp nhằm bình ổn và nâng cao chất lượng cho sản phẩm, hỗ trợ nông dân về kỹ thuật, giống, vốn, tiêu thụ

sản phẩm đã được triển khai: xây dựng, chuẩn hóa và hỗ trợ việc áp dụng mô hình quản lý sản phẩm cho tất cả các giai đoạn từ gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch cho đến các hoạt động thu mua, chế biến, đóng gói, tiếp thị, tiêu thụ. Song song với việc xây dựng hệ thống quản lý canh tác và thương mại cho sản phẩm, Hiệp hội Gạo Tám xoan Hải Hậu đã tiến hành đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý "Hải Hậu" cho sản phẩm gạo Tám xoan.

Với việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý, giá trị kinh tế của sản phẩm gạo Tám xoan mang chỉ dẫn địa lý "Hải Hậu" cũng đã được nâng lên đáng kể, những hộ nông dân trước đây canh tác lúa tám quy mô nhỏ đã gia nhập vào Hiệp hội, cùng tiến hành việc canh tác, chế biến lúa tám theo 1 quy trình chuẩn. Nhờ đó, các giống lúa tám truyền thống được bảo tồn và phát triển.

✓ *Sâm Ngọc Linh* là cây thuốc đặc hữu được phân bố trong vùng sinh thái hẹp, quanh đỉnh núi Ngọc Linh thuộc các xã Măng Ri, Tê Xăng, Ngọc Lây, Ngọc Yêu, Đắc Na (huyện Tu Mơ Rông); Mường Hoang, Ngọc Linh (huyện Đắc Gli) của tỉnh Kon Tum và 3 xã thuộc huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Thời gian qua, tỉnh Kon Tum đã phối hợp với Viện Dược liệu, Trung tâm Sâm Việt Nam triển khai thực hiện nghiên cứu, bảo tồn và phát triển cây sâm, xây dựng vườn sâm giống phục vụ sản xuất, bước đầu tạo được sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân trong vùng. Chính phủ cũng đã phê duyệt và đầu tư kinh phí thực hiện dự án “Bảo tồn và phát triển cây sâm Ngọc Linh đến năm 2014”, mở ra triển vọng phát triển cây sâm Ngọc Linh ở quy mô lớn. Để sản phẩm sâm Ngọc Linh đưa ra thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước với quy mô lớn, là hàng hóa chiến lược của Việt Nam nói chung và là cây đặc hữu của rừng núi Ngọc Linh nói riêng, việc đăng ký, quản lý CDDL và đăng ký quyền sở hữu cho cây sâm Ngọc Linh là rất cần thiết.

• ***Bảo tồn văn hoá và các giá trị truyền thống; Hạn chế tình trạng di cư ra đô thị, góp phần đảm bảo ổn định chung của xã hội.***

Việt Nam có rất nhiều làng nghề truyền thống, nhiều khu vực địa lý với các đặc sản nổi tiếng, ví dụ như: Gốm sứ Bát Tràng; Gốm Bình Đức (huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận); Khảm trai Chuyên Mỹ (xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây); Dệt Châu Giang (ấp Châu Giang, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang);... Tuy nhiên những thế mạnh của từng địa phương này chưa được khai thác

hiệu quả, các làng nghề mai một dần. Không những thế, trước làn sóng đô thị hoá và kinh tế thị trường, người dân nông thôn lũ lượt kéo về các đô thị lớn, gây ra tình trạng thất nghiệp tại các đô thị và nhiều bất ổn trong an ninh xã hội. Chỉ dẫn địa lý tỏ ra là một giải pháp hiệu quả về nhiều mặt, vừa tạo ra công ăn việc làm đem lại thu nhập đảm bảo cho người dân các địa phương, bảo tồn được các ngành nghề truyền thống, đồng thời ổn định trật tự an ninh xã hội.

- ***Bảo hộ tốt hơn đối với các sản phẩm đặc sản không chỉ trong nước mà trên trường quốc tế:***

Các sản phẩm cần được bảo vệ quyền sở hữu không chỉ tại thị trường trong nước mà còn cả thị trường quốc tế: các mặt hàng xuất khẩu, các hàng thực phẩm, nông sản; các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, dệt may và y học cổ truyền...Chỉ dẫn địa lý là cơ hội có một không hai để gắn tên địa danh trực tiếp lên sản phẩm mà nhờ đó mang lại sự bảo hộ hợp pháp cho sản phẩm không chỉ trong nước mà còn ở các nước khác trên thế giới. Ví như Nước mắm Phú Quốc không chỉ nổi tiếng trong nước mà đã được xuất khẩu và trở nên nổi tiếng trên thế giới. Việc sản xuất kinh doanh của ngư dân tại Phú Quốc và cả những doanh nghiệp "ăn theo" làm phân phối, đóng chai rất phát đạt. Hơn thế, các cơ sở sản xuất nước mắm đã trở thành những địa chỉ du lịch, đảo Phú Quốc càng trở nên nổi tiếng nhờ thương hiệu nước mắm được nhiều người biết đến.

2.3. Những quy định về Bảo hộ chỉ dẫn địa lý

- ***Điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý:***

Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng 3 điều kiện (Điều 79 Luật SHTT):

Thứ nhất là Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai là Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý quyết định.

Điều kiện thứ ba là Chỉ dẫn địa lý đó không thuộc các trường hợp loại trừ. Cụ thể có 4 trường hợp loại trừ (Điều 80 Luật SHTT):

(i) Tên gọi, chỉ dẫn đã trở thành tên gọi chung của hàng hoá ở Việt Nam:

Ví dụ như Dưa Mỹ (dưa vàng) ở Việt Nam từ lâu đã được coi là tên gọi chung của loại dưa vỏ màu vàng, nhiều gân; ruột vàng; có vị ngọt và thơm. Người tiêu dùng Việt Nam không liên tưởng, nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm là từ Mỹ. Vì vậy, một chỉ dẫn địa lý “Dưa Mỹ” sẽ không được chấp nhận bảo hộ theo pháp luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam .

(ii) Chỉ dẫn địa lý của nước ngoài mà tại nước đó chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ, đã bị chấm dứt bảo hộ hoặc không còn được sử dụng:

Tính đến tháng 10 năm 2007, Việt Nam đã công nhận bảo hộ cho 2 chỉ dẫn địa lý của nước ngoài, đó là Rượu Cognac của Pháp và rượu Pisco của Peru. 2 chỉ dẫn địa lý này cũng như những chỉ dẫn địa lý khác có thể được bảo hộ tại Việt Nam trong thời gian tới sẽ được công nhận cho tới khi chúng bị chấm dứt bảo hộ hay không còn được sử dụng tại chính quốc gia xuất xứ.

(iii) Chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ, nếu việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó được thực hiện thì sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm:

Ví dụ một CDĐL như “Bia Hà Nội” sẽ không được bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý do trùng với nhãn hiệu đang được bảo hộ, sử dụng cho sản phẩm bia của Công ty Bia Hà Nội, bởi sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm.

(iv) Chỉ dẫn địa lý gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý thực của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó:

Chẳng hạn như chỉ dẫn địa lý “Hoa hồng Đà Lạt” mà sản phẩm không phải được trồng ở Đà Lạt sẽ không được chấp nhận bảo hộ.

Tuy nhiên, một CDĐL như “Cam Nam Cực” (“Antarctic Oranges”) không bị coi là một CDĐL gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc thực của sản phẩm, bởi người ta hiểu rằng sản phẩm không thể được sản xuất ở Nam Cực, đơn giản vì điều kiện địa lý Nam Cực không cho phép trồng cam.

- ***Sở hữu và sử dụng chỉ dẫn địa lý***

Chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý của Việt Nam là Nhà nước. Nhà nước trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm mang CDĐL và đưa sản phẩm đó ra thị trường (điểm 4 Điều 121 Luật SHTT).

Tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL nếu sản xuất, kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc tại vùng chỉ dẫn địa lý, có chất lượng và đặc tính xác định được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận (qua Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL).

Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý bao gồm 4 quyền sau:

- (i) Gắn chỉ dẫn địa lý được bảo hộ lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh;
- (ii) Lưu thông, chào bán, quảng cáo nhằm để bán, tàng trữ để bán hàng hoá có mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ;
- (iii) Yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc người khác chấm dứt hành vi xâm phạm bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý và bồi thường thiệt hại;
- (iv) Nhập khẩu hàng hoá có mang CDĐL được bảo hộ.

- ***Quản lý chỉ dẫn địa lý***

Với tư cách chủ sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý, Nhà nước có thể trực tiếp thực hiện quyền quản lý hoặc trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (điểm 4, Điều 121- Luật SHTT).

Theo Điều 19, Nghị định 103, các cơ quan, tổ chức có thể được trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý bao gồm:

- (i) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý trong trường hợp CDĐL thuộc một địa phương;
- (ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đại diện theo ủy quyền của các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi có khu vực địa lý tương ứng với CDĐL trong trường hợp CDĐL thuộc nhiều địa phương;
- (iii) Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý với điều kiện cơ quan, tổ chức đó đại diện cho quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL.

2.4. Các bước tiến hành đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Một chỉ dẫn địa lý muốn được Nhà nước bảo hộ cần tiến hành hai bước cơ bản: Xây dựng cơ sở khoa học, thực tiến phục vụ việc đăng ký và Tiến hành các thủ tục đăng ký. Cụ thể như sau:

- **Bước 1: Xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ việc đăng ký**

Xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ cho việc đăng ký chỉ dẫn địa lý là dựa trên các phương pháp khoa học phân tích, đánh giá thực tiễn sản phẩm và vùng sản xuất sản phẩm nhằm đưa ra những tiêu chí đặc thù về chất lượng, danh tiếng của sản phẩm có mối liên hệ với điều kiện tự nhiên, con người vùng địa lý tương ứng. Đây là bước đầu tiên đặc biệt quan trọng, làm nền tảng cho việc bảo hộ CDDL.

✓ **Trước tiên** tổ chức chủ trì việc xây dựng chỉ dẫn địa lý kết hợp với các cơ quan chuyên môn để *xác định được các chỉ tiêu thể hiện tính đặc thù của sản phẩm*. Các công việc cần thực hiện gồm có: Điều tra, thăm dò ý kiến, thu thập tài liệu để đưa ra những thông tin sơ bộ về tính đặc thù, giá trị kinh tế- xã hội, danh tiếng của sản phẩm; đồng thời khảo sát vùng sản xuất để đánh giá quy mô, hiện trạng và nhu cầu bảo hộ CDDL. Tiến hành thu thập các mẫu sản phẩm theo Quy chế lấy mẫu và bằng các biện pháp chuyên môn để xác định, lượng hoá các tiêu chí đặc thù thành số liệu, sơ đồ... Từ đó so sánh kết quả phân tích mẫu sản phẩm với các sản phẩm cùng loại để rút ra giá trị các tiêu chí đặc thù của sản phẩm khác biệt với sản phẩm của địa phương khác

✓ **Tiếp theo là** *xác định đặc thù về tự nhiên, con người ảnh hưởng đến đặc thù sản phẩm*. Để làm được điều này người ta tiến hành thu thập các mẫu nông hoá, thổ nhưỡng theo Quy chế lấy mẫu; đo đạc các yếu tố tự nhiên khác (khí tượng, thủy văn,...); xác định các yếu tố con người có ảnh hưởng đến đặc thù của sản phẩm. Kết quả về các tiêu chí mô tả điều kiện tự nhiên, con người của vùng cũng phải được thể hiện một cách đáng tin cậy dưới dạng định tính, định lượng. So sánh với kết quả phân tích mẫu vùng địa lý khác để rút ra được các giá trị các tiêu chí đặc thù chỉ có ở vùng sản xuất sản phẩm.

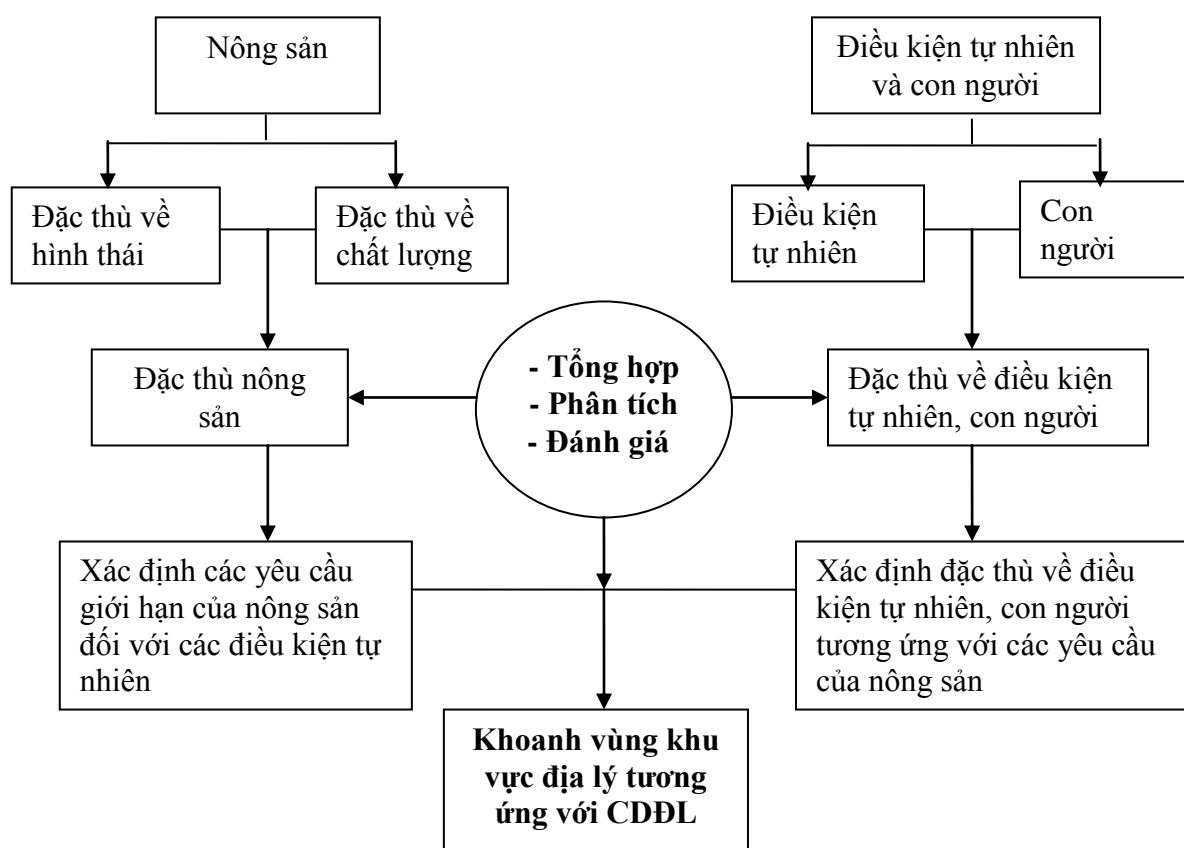
✓ **Sau đó xác định mối liên hệ giữa đặc thù về điều kiện tự nhiên, con người với đặc thù về chất lượng sản phẩm**: Trên cơ sở các kết quả phân tích thu được, các cơ quan chuyên môn tiến hành sử dụng các phương pháp thống kê và chuyên môn (lập đồ thị, lập phương trình tuyến tính,...) để xác định mối tương quan giữa đặc thù về điều kiện tự nhiên, con người vùng sản xuất với đặc thù của sản phẩm. Mối liên hệ này phải được thể hiện một cách đáng tin cậy dưới dạng số liệu, phương trình, đồ thị...

✓ **Cuối cùng là khoanh vùng khu vực lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý:**
 Cơ quan chuyên môn có chức năng và đầy đủ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật sẽ xây dựng các bản đồ đơn tính tương ứng với giá trị của từng tiêu chí đã được xác định. Sau đó tiến hành chồng ghép các bản đồ đơn tính này để xác định bản đồ vùng chỉ dẫn địa lý đáp ứng điều kiện đảm bảo tính đặc thù của sản phẩm.

Quy trình xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ việc đăng ký chỉ dẫn địa lý được thể hiện trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Quy trình xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn phục vụ đăng ký CDDL

(Nguồn: vnep. org.vn)



Bước 2: Tiến hành các thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý

Sau khi xây dựng được cơ sở khoa học, thực tiễn đáng tin cậy, đơn vị chủ trì việc đăng ký chỉ dẫn địa lý tiến hành các thủ tục cần thiết.

✓ **Đầu tiên là lập Hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý (Đơn đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý).**

Hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý phải đảm bảo tính thống nhất: Mỗi hồ sơ chỉ được đăng ký một chỉ dẫn địa lý dùng cho một sản phẩm. Điều 100- 106 Luật

SHTT; Điểm 7.1, 43 Thông tư số 01 quy định về các tài liệu cần có trong Hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Cụ thể: (i) Tờ khai theo mẫu quy định, trong đó phải nêu rõ tên gọi, dấu hiệu là chỉ dẫn địa lý, tên sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và tóm tắt tính chất/ chất lượng đặc thù và/ hoặc danh tiếng của sản phẩm; (ii) Bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; (iii) Bản mô tả khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý; (iv) Chứng từ nộp phí, lệ phí. Bên cạnh đó còn có các tài liệu khác như Giấy uỷ quyền (nếu đơn nộp thông qua đại diện); Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên (nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên); Tài liệu chứng minh CDDL đang được bảo hộ tại nước xuất xứ nếu là CDDL của nước ngoài...

Trong trường hợp chỉ dẫn địa lý không phải là từ ngữ, chủ đơn phải nộp kèm theo 10 mẫu thể hiện cách trình bày chỉ dẫn địa lý sẽ được sử dụng (kích thước không lớn hơn 80mm và không nhỏ hơn 20mm). Trường hợp chỉ dẫn địa lý nước ngoài, phải nộp thêm tài liệu chứng minh chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại nước có chỉ dẫn địa lý đó.

Trong các tài liệu trên, có thể nói **Bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang CDDL** và **Bản mô tả vùng địa lý** là hai tài liệu quan trọng, cần được xây dựng chi tiết nhất:

Bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý

Theo Điểm 43.4 Thông tư 01, Bản mô tả tính đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý phải có các thông tin sau đây:

(i) Liệt kê các tính chất/ chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý do điều kiện địa lý quyết định

(ii) Danh tiếng của sản phẩm mang CDDL do điều kiện địa lý quyết định

(iii) Điều kiện địa lý tạo nên tính chất/ chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Bao gồm: Các yếu tố độc đáo về khí tượng, thủy văn, địa chất, địa hình, hệ sinh thái và các điều kiện tự nhiên khác; Các yếu tố độc đáo về kỹ năng, kỹ xảo của người sản xuất, bao gồm cả quy trình sản xuất truyền thống của địa phương, nếu quy trình đó là nhân tố tạo ra và duy trì tính chất/ chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, trong đó có các thông tin rõ ràng và chi tiết đến mức có thể kiểm tra được.

Nếu trong các thông tin nêu trên có các thông tin bí mật, bí quyết kỹ thuật chưa được bộc lộ hoặc chưa được biết đến một cách rộng rãi bên ngoài địa phương thì người nộp đơn có quyền từ chối cung cấp các thông tin chi tiết về bí mật, bí quyết đó nếu không được cam kết bảo mật các thông tin đó theo yêu cầu của mình.

(iv) Mỗi quan hệ hữu cơ giữa tính chất/ chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý với điều kiện địa lý.

Bản mô tả tính chất/ chất lượng/ danh tiếng của sản phẩm phải kèm theo tài liệu xác nhận rằng các thông tin về tính chất/ chất lượng/ danh tiếng là có căn cứ và xác thực (dựa trên các kết quả khảo nghiệm, nghiên cứu, điều tra...).

Bản mô tả vùng địa lý

Danh giới vùng chỉ dẫn địa lý phải được xác định một cách chính xác bằng từ ngữ và bản đồ, trong đó, bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý phải thể hiện đầy đủ thông tin tới mức có thể xác định chính xác vùng địa lý hội đủ các điều kiện tự nhiên tạo nên tính chất/ chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm (Điểm 43.5- Thông tư 01).

✓ **Sau đó là tiến hành Nộp và theo đuổi đơn:**

Chủ thể đứng tên nộp đơn là UBND tỉnh hoặc các cơ quan được UBND tỉnh trao quyền (Sở KH-CN, Sở NN-PTNT, Hội các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm). Đơn được nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ.

Sau khi nộp đơn, người nộp đơn phải theo dõi, tiếp nhận kết quả xử lý Đơn của Cục Sở hữu trí tuệ và tiến hành các thủ tục cần thiết theo yêu cầu. Hồ sơ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý sẽ trải qua thẩm định về hình thức và thẩm định về nội dung. Nếu đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ, Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL, gửi Quyết định cho Người nộp đơn và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về chỉ dẫn địa lý.

II. Kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL

1. Vai trò, mục tiêu của việc kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL

Sau khi được công nhận, chỉ dẫn địa lý cần được quản lý và kiểm soát chất lượng. Nói cách khác, kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý là một phần

của quá trình bảo hộ chỉ dẫn địa lý, đảm bảo cho bảo hộ chỉ dẫn địa lý phát huy hiệu quả. Cụ thể:

- Đảm bảo quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý; ngăn chặn và chống các hành vi sử dụng trái phép chỉ dẫn địa lý:

Chỉ dẫn địa lý là một quyền sở hữu trí tuệ cụ thể, đặc biệt và được thừa nhận ở 150 quốc gia tham gia Hiệp định TRIPS bởi những lợi ích thương mại mà nó đem lại. Rượu Bourdeaux, rượu Champagne, xì gà La Havana, nước mắm Phú Quốc, chè Shan tuyết Mộc Châu, cà-phê Ban Mê Thuật, bưởi Đoan Hùng,... là những ví dụ về một số chỉ dẫn địa lý nổi tiếng, gọi cho người tiêu dùng về những sản phẩm tự nhiên, có chất lượng cao trên thế giới và ở Việt Nam. Tuy nhiên, một thực tế đáng báo động hiện nay là tình trạng làm giả các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý ngày càng nhiều. Giá trị truyền thống của sản phẩm sau khi được đăng ký tạo ra hiệu quả kinh tế tăng rõ rệt nên mức độ làm giả cũng gia tăng, gây ra thiệt hại kinh tế cho các cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm ở địa phương. Trong khi nước mắm Phú Quốc của Việt Nam ngày càng được ưa chuộng thì vẫn đang tồn tại loại nước mắm Phú Quốc sản xuất tại Thái Lan, gây ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín và tình hình sản xuất kinh doanh của sản phẩm này. Tình trạng làm giả các sản phẩm nổi tiếng đã được đăng ký bảo hộ là rất nguy hiểm.

Để được đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý phải tập hợp tư liệu, xây dựng hồ sơ mất rất nhiều thời gian, sau khi được đăng ký lại yêu cầu rất cao về kiểm tra, quản lý sản phẩm. Sản phẩm được đăng ký như là một sự đảm bảo và là một công cụ quảng bá hữu hiệu. Tuy nhiên, tất cả những công lao tạo dựng đó sẽ bị giảm tác dụng vì hàng giả và hàng giả làm mất niềm tin của khách hàng về những loại sản phẩm đáng tự hào này.

Chính thực tế này đặt ra yêu cầu phải thiết lập hệ thống quản lý, kiểm soát các CDDL nhằm đảm bảo chất lượng, nguồn gốc và khả năng truy xuất sản phẩm.

Kiểm soát chất lượng sẽ đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, chống lại các hành vi lợi dụng sử dụng trái phép chỉ dẫn địa lý. Đây là nhân tố quyết định sự thành công của một chỉ dẫn địa lý: giúp khai thác được hết hiệu quả kinh tế, nâng cao uy tín, giá trị sản phẩm, từ đó đem lại ảnh

hưởng tích cực về xã hội, đồng thời kiểm soát chất lượng sẽ hạn chế hàng giả, hàng nhái, bảo vệ người tiêu dùng và giảm thiệt hại cho các doanh nghiệp.

- Đảm bảo sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đáp ứng các điều kiện quy định về chất lượng, xuất xứ nhằm duy trì danh tiếng, uy tín của sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng thu nhập cho người sản xuất, kinh doanh sản phẩm; đồng thời bảo đảm cho người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm có chất lượng và nguồn gốc địa lý đúng như đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Tóm lại, có thể nói *mục tiêu cuối cùng của quy trình kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý là đảm bảo quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý được trao đúng đối tượng- cho các sản phẩm đạt được các tiêu chí về chất lượng.*

2. Nội dung kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý

Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là mức độ của các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (Điều 3 khoản 5 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá 2007). Mọi loại hàng hoá đều cần có sự quản lý, kiểm soát chất lượng từ nhiều góc độ và với những mức độ khác nhau. Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, kiểm soát chất lượng là nhằm phát hiện, loại bỏ hoặc làm lại nếu có thể các thành tố hoặc sản phẩm cuối cùng không đạt chuẩn qui định. Từ góc độ Nhà nước, kiểm soát chất lượng sản phẩm hàng hoá là quá trình các cơ quan có thẩm quyền giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hoá của các cá nhân, tổ chức đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đã công bố, đảm bảo an toàn cho người sử dụng...

Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý không những phải đáp ứng những tiêu chuẩn, quy chuẩn chung đối với mọi loại hàng hoá như tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường...mà còn phải đảm bảo tính đặc thù về chất lượng khác với những sản phẩm cùng loại của các vùng địa lý khác. Nội dung kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý vì thế cũng mang những nét đặc trưng riêng: Là một quy trình tổng hợp nhằm đảm bảo sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý khi tiêu thụ đáp ứng được các điều kiện quy định, giữ gìn uy tín của sản phẩm và bảo đảm người tiêu dùng được sử dụng sản phẩm đúng chất lượng và nguồn gốc; bao gồm

việc xây dựng hệ thống tổ chức, hệ thống văn bản pháp lý, phương tiện phục vụ việc kiểm soát và triển khai các hoạt động kiểm soát. Cụ thể như sau:

- ***Xây dựng hệ thống tổ chức mô hình kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý:***

Xây dựng hệ thống tổ chức là bước cơ bản đầu tiên để kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Tham gia vào hệ thống này thường gồm có các Cơ quan quản lý, kiểm soát chất lượng của địa phương, Tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm phối hợp với nhau và phối hợp với các cơ quan chức năng khác (Thanh tra chuyên ngành, Công an kinh tế, Đơn vị quản lý thị trường...) để kiểm soát một cách toàn diện các chỉ dẫn địa lý.

- ***Xây dựng hệ thống các văn bản làm cơ sở pháp lý và các phương tiện phục vụ công tác kiểm soát chất lượng***

Xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản pháp quy, quy định cũng là một nội dung không thể thiếu để tạo cơ sở pháp lý cho việc kiểm soát. Các văn bản điều chỉnh hệ thống kiểm soát chất lượng các chỉ dẫn địa lý gồm có: Các quy chế, điều lệ của Cơ quan Quản lý chỉ dẫn địa lý, Cơ quan Kiểm soát chất lượng và của Tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; Các điều kiện và thủ tục trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu; Các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình sản xuất áp dụng thống nhất để đảm bảo chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý...

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý, kiểm soát chất lượng và tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh cần phối hợp xây dựng, chuẩn bị các điều kiện, phương tiện phục vụ cho việc kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, đặc biệt là hệ thống tem, nhãn, bao bì nhằm đảm bảo khả năng kiểm soát và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- ***Triển khai các hoạt động kiểm soát:*** Việc kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý cần được tiến hành chặt chẽ và toàn diện: phối hợp kiểm soát từ bên ngoài của các cơ quan chức năng và kiểm soát trong nội bộ tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh. Các hoạt động kiểm soát gồm có:

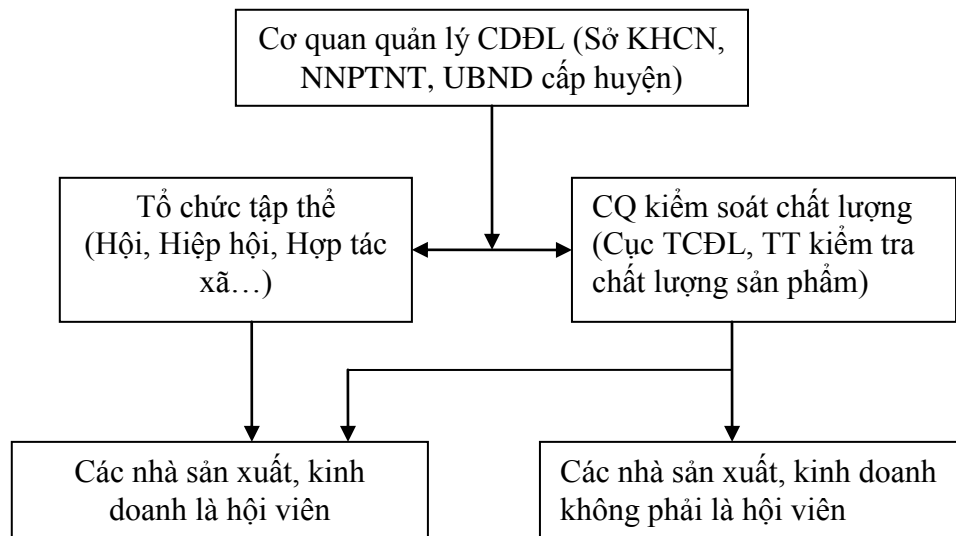
- Theo dõi, kiểm tra hiện trạng canh tác, sản xuất sản phẩm;
- Cấp và quản lý tem, nhãn, bao bì sản phẩm;

- Kiểm tra các tiêu chí đặc thù của sản phẩm, trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý thông qua dán tem xác nhận chất lượng cho sản phẩm đạt yêu cầu;
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý lưu thông trên thị trường để phát hiện và xử lý kịp thời những trường hợp xâm phạm quyền đối với CDĐL.

3. Mô hình chung về kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ mô hình chung về kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)



3.1. Đối tượng tham gia hệ thống kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL

Các đối tượng tham gia kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý gồm có:

- ***Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý***

Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý có thể trực tiếp là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có vùng địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý (Trước đây, chức năng trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý do Cục Sở hữu trí tuệ đảm nhiệm. Điều này gây nên một số bất cập, khó khăn trong việc quản lý, kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý. Để phù hợp với thực tiễn hơn, trong Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định số 103/ 2006/ NĐ-CP, chức năng này được trao cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có chỉ dẫn địa lý). UBND tỉnh, thành phố cũng có thể uỷ quyền cho các cơ quan giúp việc của mình thực hiện vai trò là Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý.

Những cơ quan có thể được uỷ quyền gồm có: (i) Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tùy thuộc vào mức độ tham gia của các Sở này vào quá trình xây dựng chỉ dẫn địa lý đã được thực hiện trước đó); (ii) Ủy ban Nhân dân cấp huyện (nếu vùng lãnh thổ tương ứng với chỉ dẫn địa lý thuộc một huyện).

Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý là cấp quản lý cao nhất, đóng vai trò định hướng, kiểm soát chung trong hệ thống kiểm soát chất lượng các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Cụ thể:

- Ban hành các văn bản pháp quy điều chỉnh hoạt động của các đối tượng tham gia hệ thống kiểm soát, các điều kiện và thủ tục trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các tổ chức cá nhân có yêu cầu; Phê duyệt các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình sản xuất áp dụng thống nhất để đảm bảo chất lượng sản phẩm mang CDĐL.

- Cấp, gia hạn, thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý đối với các tổ chức, cá nhân là thành viên/ không là thành viên của Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

- ***Cơ quan kiểm soát chất lượng***

Là cơ quan trực thuộc, do Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý thành lập. Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý là đơn vị có nhiệm vụ kiểm soát từ bên ngoài việc sử dụng chỉ dẫn địa lý của các thành viên thuộc Tổ chức tập thể và các tổ chức, cá nhân khác. Cơ quan này phải không trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và có đủ khả năng huy động nguồn nhân lực và các điều kiện vật chất, kỹ thuật cần thiết để tiến hành kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Do đó, cơ quan kiểm soát chất lượng thường được giao cho các cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm nhằm tận dụng các điều kiện có sẵn về cơ sở vật chất và nhân lực: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng- trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ- trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ hay Trung tâm Khuyến nông- trực thuộc Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn...

Trên cơ sở những định hướng được Cơ quan Quản lý chỉ dẫn địa lý vạch ra, Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm thực hiện trực tiếp, cụ thể các hoạt động

kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý từ khâu canh tác, sản xuất, chế biến, đóng gói, bảo quản đến khi sản phẩm được lưu thông trên thị trường- làm căn cứ để trao, gia hạn hay thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; chứng nhận lô sản phẩm đạt tiêu chuẩn (dán tem xác nhận chất lượng), phát hiện và xử lý các trường hợp xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý.

- ***Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh***

Là tổ chức do các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tự nguyện thành lập và tham gia theo quy định của pháp luật. Tổ chức Tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh đại diện cho quyền lợi của các thành viên, hoạt động theo nguyên tắc cùng chia sẻ rủi ro và phân chia lợi nhuận. Tổ chức tập thể này có thể được thành lập dưới hình thức hợp tác xã hoặc hội/hiệp hội...

Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ đối với việc sử dụng chỉ dẫn địa lý của các thành viên, tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng quy định đảm bảo chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý. Tổ chức tập thể thực hiện, gồm có:

- Quản lý, theo dõi tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên tổ chức (địa điểm, diện tích, sản lượng, quy mô, năng lực sản xuất..); Kiểm soát việc áp dụng các quy định về kỹ thuật canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản, sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng và quản lý việc sử dụng hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền cấp, chứng nhận (tổ chức phân phối cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu đảm bảo phù hợp với số lượng sản phẩm thực tế sản xuất ra; theo dõi, quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì...).

Ngoài ra, Tổ chức tập thể các nhà sản xuất kinh doanh cần không ngừng nghiên cứu và tổ chức áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật nhằm đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng nông sản mang chỉ dẫn địa lý; điều tra, nghiên cứu và tổ chức triển khai các kênh thương mại cho sản phẩm nhằm quảng bá rộng rãi và nâng cao giá trị kinh tế cho nông sản mang chỉ dẫn địa lý...

3.2. Hệ thống văn bản pháp quy phục vụ việc kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý

Đây là cơ sở pháp lý của việc kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý. Gồm có các văn bản do Trung ương, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành và địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý ban hành.

- **Văn bản do Trung ương ban hành:** gồm có các quy định pháp luật (Luật, Nghị định, Thông tư...) về sở hữu trí tuệ nói chung và chỉ dẫn địa lý nói riêng về: tiêu chuẩn bảo hộ, nội dung quyền, điều kiện sử dụng, thẩm quyền quản lý chỉ dẫn địa lý...; hành vi xâm phạm quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý và các biện pháp chế tài... Là cơ sở pháp lý chung phục vụ việc kiểm soát chất lượng đối với mọi chỉ dẫn địa lý.

- **Văn bản do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành:** Gồm có Quyết định cấp và Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, trong đó xác nhận: (i) Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ không thời hạn trên toàn lãnh thổ Việt Nam; (ii) sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý: tên; mô tả chất lượng, đặc tính; (iii) nguồn gốc sản phẩm: vùng địa lý xác định nơi sản phẩm được sản xuất; (iv) Thẩm quyền quản lý chỉ dẫn địa lý: Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi có vùng địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý; (v) Người có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý: tổ chức, cá nhân được Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý cho phép.

- **Văn bản do địa phương ban hành:** Các văn bản, quy định mang tính cụ thể, phù hợp với từng chỉ dẫn địa lý do các cơ quan chức năng của địa phương ban hành, điều chỉnh trực tiếp quá trình kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang CDDL sản xuất tại địa phương.

Thường gồm có 5 văn bản chủ yếu sau:

(i) Quy chế quản lý chỉ dẫn địa lý:

Thường do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, có sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn liên quan (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành) xây dựng nên, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và ban hành. Nhằm thiết lập mô hình tổng thể, các cơ chế, cách thức kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý, đồng thời xác định các điều kiện, yêu cầu đối với việc sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Nội dung chính của Quy chế gồm: Những quy định chung (quy định về đối tượng, phạm vi điều chỉnh; giải thích các thuật ngữ sử dụng trong quy chế...); Điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý (quy định về các điều kiện đối với tổ chức, cá nhân đủ điều kiện để được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; điều kiện đối với sản phẩm được mang chỉ dẫn địa lý; thủ tục đăng ký, trao/thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý...); Cơ chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý do Tổ chức tập thể và do Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm thực hiện (Cơ chế tự kiểm soát và kiểm soát từ bên ngoài); Trách nhiệm tham gia quản lý chỉ dẫn địa lý của các cơ quan liên quan (Sở, ban ngành của địa phương) và điều khoản thi hành.

(ii) Điều lệ Hội/Hiệp hội các nhà sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý

Điều lệ Hội/Hiệp hội các nhà sản xuất, chế biến kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý là căn cứ pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Hội/Hiệp hội. Do Ban Vận động thành lập Hội/Hiệp hội chủ trì, có sự phối hợp của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chuyên môn liên quan xây dựng nên, được Sở Nội vụ phê duyệt, công nhận.

Gồm các nội dung chính như: Tên gọi, tôn chỉ, mục đích của Hội; Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội; Các quy định liên quan đến hội viên; Cơ cấu tổ chức Hội; Các quy định về cơ chế tài chính và quản lý tài sản của Hội...

(iii) Quy chế trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (Quy chế kiểm soát chất lượng từ bên ngoài đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý)

Do Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý xây dựng, được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt và ban hành; Nhằm bảo đảm quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đáp ứng các yêu cầu quy định; chống hành vi sử dụng trái phép chỉ dẫn địa lý; bảo đảm chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý như đã được đăng ký.

Các nội dung chủ yếu gồm có: Quy định về Cơ quan kiểm soát chất lượng (chức năng, nhiệm vụ; tổ chức; kinh phí hoạt động...); Các chỉ tiêu, phương pháp xác định chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; Trình tự thủ tục đánh giá, xác nhận năng lực và trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; Trình tự, thủ tục xác nhận chất

lượng lô hàng mang chỉ dẫn địa lý; Kế hoạch kiểm tra việc áp dụng các quy trình canh tác, sử dụng tem, nhãn, lưu thông sản phẩm trên thị trường...

(iv) Quy chế kiểm soát nội bộ đối với chỉ dẫn địa lý (Quy chế quản lý tập thể đối với chỉ dẫn địa lý)

Do Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý xây dựng, được Sở KH-CN phê duyệt (sau khi Quy chế đã được Đại hội toàn thể hội viên tổ chức tập thể thông qua), nhằm bảo đảm việc chấp hành các quy chế về canh tác, bảo quản, sử dụng tem nhãn, bao bì sản phẩm của các hội viên. Nội dung: Quy trình kiểm soát hoạt động canh tác, thu hoạch, bảo quản, lựa chọn sản phẩm... của các hội viên; Quy trình cấp và quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm của các hội viên...

(v) Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Quy trình kỹ thuật canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý

Thường do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, được Ủy ban Nhân dân tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và ban hành; nhằm thống nhất áp dụng quy trình kỹ thuật trong canh tác, chế biến, sản xuất, bảo quản sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, bảo đảm sản phẩm đạt được chất lượng đồng đều và tốt nhất.

Ví dụ: Quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến gạo tám Xoan Hải Hậu

Quy trình gồm các nội dung sau:

- Yêu cầu về các yếu tố sản xuất cơ bản (đất, giống);
- Yêu cầu về quy trình gieo mạ (ngâm ủ, làm đất, chăm sóc mạ...);
- Quy trình kỹ thuật cấy, bón phân và chăm sóc cây; quy trình bảo vệ thực vật;
- Quy trình kỹ thuật thu hoạch, phơi, bảo quản (kiểm tra đồng ruộng trước khi thu hoạch, thời gian thu hoạch, vận chuyển, tuốt, thời gian phơi, cách phơi lúa...), các yêu cầu về đóng gói, bảo quản;
- Quy trình chế biến, lịch chế biến (tách vỏ, chà vỏ, giã, làm sạch, đóng bao...).

3.3. Hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm, tem xác nhận chất lượng

Để kiểm soát việc lưu thông sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý trên thị trường, Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý và Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm cần phối hợp xây dựng một hệ thống tem, nhãn, bao bì, tem xác nhận chất lượng thống nhất. Cấp và kiểm soát tốt việc sử dụng tem, nhãn, bao bì và tem xác nhận chất lượng không chỉ đem lại hiệu quả phân biệt những sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đạt tiêu chuẩn với những sản phẩm cùng loại khác, giúp quảng bá, giới thiệu chỉ dẫn địa lý, mà còn có tác dụng đặc biệt quan trọng trong việc hạn chế hiện tượng hàng giả, hàng nhái, bảo vệ uy tín của chỉ dẫn địa lý.

- ***Tem sản phẩm***

Được dùng để dán trên từng sản phẩm đơn lẻ, sử dụng một lần, phải mang đầy đủ các thông tin về Tên sản phẩm, Chỉ dẫn địa lý, Lôgô và phải được làm bằng các chất liệu không có các chất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Ví dụ về tem sản phẩm:



- ***Nhãn sản phẩm***

Được gắn, dán hoặc treo trên sản phẩm đơn lẻ hay trên bao bì sản phẩm. So với tem sản phẩm thì nhãn sản phẩm có lượng thông tin cung cấp đến người tiêu dùng nhiều và chi tiết hơn. Ngoài tên sản phẩm, chỉ dẫn địa lý, lôgô, nhãn sản phẩm còn có các thông tin về nhà sản xuất, thời gian sản xuất, thời hạn sử dụng, khối lượng sản phẩm...

Ví dụ về nhãn sản phẩm:

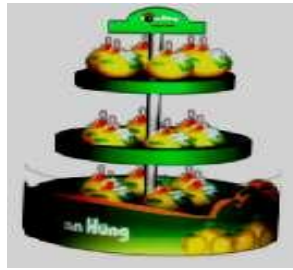


- ***Bao bì sản phẩm***

Bao bì sản phẩm được dùng để đựng sản phẩm đơn lẻ khi bán lẻ hay đựng nhiều sản phẩm trong quá trình chuyên chở hoặc bán buôn. Tùy thuộc vào tính chất từng loại sản phẩm mà bao bì có các thiết kế phù hợp khác nhau. Một bao bì có chất

lượng tốt khi nó đảm bảo tốt chức năng bảo quản sản phẩm, bền trong chuyên chở và có tính thẩm mỹ cao.

Ví dụ về bao bì sản phẩm:



Bên cạnh hệ thống tem, nhãn, bao bì nêu trên, còn có thể có thêm hệ thống các phương tiện khác nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm như: quầy kệ, giá trưng bày, bán sản phẩm và các gian hàng tiêu chuẩn, các panô, biển giới thiệu sản phẩm trong gian hàng để có thể sử dụng trong các hội chợ, triển lãm và đặt tại các siêu thị, cửa hàng....

Ví dụ:



- ***Tem xác nhận chất lượng***

Được gắn lên bao bì nhằm xác nhận sản phẩm đáp ứng các tiêu chí đặc thù về chất lượng. Sản phẩm được gắn tem xác nhận chất lượng tức là được thừa nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Trên tem xác nhận chất lượng phải ghi rõ thông tin về tên, lôgô (nếu có) của cơ quan xác nhận chất lượng, chứa cụm từ “Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng”... và chỉ được sử dụng một lần cho một sản phẩm.

Ví dụ về tem xác nhận chất lượng:



Chương 2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG **ĐỐI VỚI CÁC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CỦA VIỆT NAM**

1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý

1. Kết quả đạt được

- ***Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam hiện hành là tương đối hoàn chỉnh, làm nền tảng pháp lý cho việc bảo hộ sở hữu trí tuệ nói chung cũng như vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các CDDL nói riêng.***

Trước tiên phải kể đến những bước tiến quan trọng của pháp luật SHTT nói chung của Việt Nam trong hơn một thập kỷ vừa qua: Trước năm 1995, pháp luật SHTT chưa được sự quan tâm của cả phía Nhà nước và người dân. Chỉ có một vài văn bản pháp luật dưới dạng Nghị định của Chính phủ về sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và những văn bản này cũng chỉ chủ yếu quy định về các vấn đề quản lý Nhà nước chứ chưa có nhiều nội dung về bảo hộ quyền SHTT. Các vấn đề về nhãn hiệu hay chỉ dẫn địa lý vẫn chưa được biết đến. Từ năm 1995-2005 pháp luật SHTT có những bước phát triển quan trọng. Nhiều qui định về SHTT và bảo hộ SHTT được đưa vào Bộ luật Dân sự ban hành năm 1995 và Bộ luật Dân sự sửa đổi năm 2005. Tuy nhiên, các qui định của BLDS về SHTT chỉ thiên về khía cạnh dân sự, ít chú ý đến khía cạnh thương mại của SHTT. Chỉ dẫn địa lý vẫn chưa được đề cập đến mà thay vào đó là một khái niệm ít toàn diện hơn là Tên gọi xuất xứ.

Luật SHTT 2005 ra đời, có hiệu lực từ ngày 01/07/2006 đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật về SHTT ở Việt Nam, quy định đối tượng và cơ chế bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp- trong đó có quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý.

Chính phủ cũng đã ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, gồm có: Nghị định 103/2006/CP-NĐ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Nghị định 104/2006/CP-NĐ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Nghị định 106/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ... quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu

trí tuệ về sở hữu công nghiệp: gồm các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý...; Công văn số 5651/VPCP-KG ngày 17/11/2003 của Văn phòng Chính phủ về việc chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng được mang tên gọi xuất xứ hàng hoá, chỉ dẫn địa lý hàng hoá...

Bên cạnh đó còn có các công ước quốc tế và các Hiệp định của WTO về SHTT mà Việt Nam tham gia như Hiệp định TRIPs, Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp...

Tất cả các văn bản này đã tạo nền tảng vững chắc cho việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các CDDL nói riêng.

Pháp luật SHTT có mối quan hệ tương hỗ với các cấu thành khác của hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành: pháp luật dân sự (bao gồm cả tố tụng dân sự), pháp luật thương mại (bao gồm cả thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, đầu tư), pháp luật hành chính (bao gồm cả tố tụng hành chính), pháp luật hình sự (bao gồm cả tố tụng hình sự). Chính mối quan hệ tương hỗ này đảm bảo cho việc thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý đạt được hiệu quả cao, toàn diện. Các pháp lệnh về xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và các biện pháp tố tụng dân sự, hình sự... là những văn bản pháp luật quan trọng nhằm ngăn chặn, xử lý các vi phạm về chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

• Các quy định hiện hành về Chỉ dẫn địa lý của Việt Nam là tương đối phù hợp với pháp luật quốc tế, đặc biệt tỏ ra tương thích cao với các quy định của Hiệp định TRIPs:

Hội nhập kinh tế, đặc biệt là quá trình đàm phán gia nhập WTO đòi hỏi chúng ta phải sửa đổi, hoàn chỉnh pháp luật sở hữu trí tuệ phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế. Các điều khoản về CDDL được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 chính vì vậy có độ tương thích cao với các quy định trong Hiệp định TRIPs. Những trường hợp mâu thuẫn giữa Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 và Hiệp định TRIPs thì ưu tiên thực hiện theo các quy định của Hiệp định này. Hơn

thể, với tư cách là luật quốc gia, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 của Việt Nam còn có nhiều quy định chi tiết, chặt chẽ hơn Hiệp định TRIPs. Cụ thể:

Định nghĩa CDDL của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với khái niệm được đưa ra trong Hiệp định TRIPs. Không những thế, Điều 79, 81, 82 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật của Chính phủ còn đưa ra những giải thích cụ thể về chất lượng, danh tiếng, điều kiện địa lý liên quan đến CDDL và khu vực địa lý mang CDDL. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 cũng có những quy định cụ thể về quyền sử dụng, quản lý đối với CDDL cũng như thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành đăng ký bảo hộ CDDL tại Việt Nam.

Giống như Hiệp định TRIPs, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 quy định chống lại CDDL sai, lừa gạt, tức là việc sử dụng bất kỳ phương tiện nào gọi tên hoặc giới thiệu hàng hoá nhằm chỉ dẫn hoặc gợi ý rằng hàng hoá đó bắt nguồn từ một khu vực địa lý khác với xuất xứ thực, với cách thức lừa dối công chúng về xuất xứ địa lý của hàng hoá;...và chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh (quy định về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh tại Điều 130 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 phù hợp với quy định tại Điều 10bis Công ước Paris). Ngoài ra, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam còn bổ sung trường hợp sử dụng CDDL cho sản phẩm xuất xứ tại khu vực địa lý mang CDDL nhưng không đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, đặc tính sản phẩm cũng bị coi là xâm phạm quyền đối với CDDL.

Khoản 4 Điều 22 Hiệp định TRIPs cũng quy định chống lại việc bảo hộ cho những CDDL dù đúng theo nghĩa đen về lãnh thổ, khu vực hay địa phương là nơi xuất xứ của hàng hoá, nhưng lại làm công chúng hiểu rằng hàng hoá đó bắt nguồn từ lãnh thổ khác. Ví dụ như trường hợp hai khu vực địa lý có cùng tên, cùng sản xuất những sản phẩm tương tự, thì sẽ chỉ có một khu vực được sử dụng để chỉ dẫn cho sản phẩm. (Ngoại lệ của điều khoản này là trường hợp CDDL đồng âm đối với rượu vang, như trường hợp của loại rượu vang sản xuất tại vùng Rioja ở Tây Ba Nha và ở Rioja, Argentina. Hiệp định TRIPs cho phép cả hai quốc gia được sử dụng CDDL giống nhau, nhưng phải thoả thuận với nhau để có thể phân biệt được 2 sản phẩm). Tương ứng với điều khoản này, Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam có điều 80 khoản 4, quy định “không bảo hộ cho CDDL gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc thực của sản phẩm”.

Các CDDL đã trở thành tên gọi của một chủng loại hàng hoá đều không được bảo hộ theo Hiệp định TRIPs và theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005. Ví dụ như trường hợp của phomát Parma đã trở thành một thuật ngữ chung ở Mỹ để chỉ loại phomát dùng để chiên với mỳ sợi. Người tiêu dùng Mỹ không liên tưởng loại phomát này với nguồn gốc xuất xứ ở Parma, Italy.

Hiệp định TRIPs và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 đều quy định bảo hộ bổ sung đối với CDDL dùng cho rượu mạnh và rượu vang (Điều 23 Hiệp định TRIPs và các Điều 74.2.m, Điều 129.3.d), ví dụ như quy định chống lại việc sử dụng một CDDL của rượu vang, rượu mạnh cho các loại rượu vang, rượu mạnh không bắt nguồn từ lãnh thổ tương ứng với CDDL đó, kể cả trường hợp có nêu xuất xứ thật của hàng hoá hoặc CDDL được sử dụng dưới dạng dịch hay kèm theo các từ như “loại”, “kiểu”, “dạng”, “phỏng theo” hay những từ tương tự vậy.

Về thực thi quyền, cả Hiệp định TRIPs và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam 2005 đều đưa ra các công cụ pháp lý như: các biện pháp dân sự, hành chính, hình sự, kiểm soát biên giới... Tuy nhiên, trong khi Hiệp định TRIPs chỉ đi vào các vấn đề có tính nguyên tắc thì Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam có những quy định cụ thể hơn rất nhiều về các chế tài xử lý vi phạm, thủ tục, trình tự áp dụng, thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước...

• Từng bước xây dựng được hệ thống văn bản pháp quy phục vụ việc kiểm soát chất lượng đối với mỗi chỉ dẫn địa lý cụ thể:

Bên cạnh các văn bản pháp luật do Trung ương ban hành thì hệ thống các văn bản hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ và các văn bản phục vụ việc kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý do địa phương xây dựng nên đóng một vai trò rất quan trọng trong quy trình kiểm soát chất lượng. Tại đa số các địa phương nơi có CDDL được Nhà nước công nhận và bảo hộ đã hình thành những cơ chế kiểm soát với các điều lệ hoạt động chặt chẽ, công bố và áp dụng những quy chuẩn, quy trình kỹ thuật trong quá trình canh tác, chế biến và lưu thông sản phẩm ra thị trường.

2. Những tồn tại cần khắc phục

- ***Hệ thống văn bản pháp luật còn chồng chéo, chồng chéo:***

Các nguồn luật điều chỉnh sở hữu trí tuệ nói chung và chỉ dẫn địa lý nói riêng ở Việt Nam hiện nay rất đa dạng, gây khó khăn trong việc áp dụng: Quốc hội ban hành Luật, Nghị quyết; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh; Chính phủ ban hành Nghị định, Nghị quyết, Quyết định, Thông tư, Chỉ thị. Trong khi đó, việc áp dụng luật phụ thuộc rất nhiều sự giải thích pháp luật từ phía Chính phủ và việc giải thích nhiều qui định của Chính phủ lại phụ thuộc vào sự giải thích, hướng dẫn của các Bộ và chính quyền địa phương. Những hạn chế này làm cho việc áp dụng pháp luật về sở hữu trí tuệ trong đó có chỉ dẫn địa lý trở nên chồng chéo và thiếu hiệu quả. Có thể nói đây là tình trạng chung của nhiều ngành luật của Việt Nam chứ không chỉ riêng đối với pháp luật sở hữu trí tuệ.

- ***Những quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành về chỉ dẫn địa lý nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý nói riêng còn nhiều bất cập, hạn chế.*** Cụ thể:

- ✓ Những quy định của pháp luật Việt Nam về chỉ dẫn địa lý chưa bao quát được hết các trường hợp có thể xảy ra trong thực tiễn:

Ví như pháp luật Việt Nam chấp nhận chỉ dẫn địa lý có thể là từ ngữ (tên gọi) hay hình ảnh, biểu tượng. Nhưng *trường hợp chỉ dẫn địa lý là hình ảnh, biểu tượng* (hình ảnh Chùa Một cột...) thường rất dễ gây nhầm lẫn hay khó xác định địa danh nơi sản xuất ra sản phẩm, bởi không phải người tiêu dùng nào, đặc biệt là người nước ngoài cũng đều đã đến thăm hay biết đến hình ảnh địa danh đó. Vậy có nên có một quy định yêu cầu chú thích thêm tên địa danh nơi sản xuất ra sản phẩm đối với các trường hợp này không?

Không những thế, những văn bản pháp luật của Việt Nam hiện nay về chỉ dẫn địa lý cũng chưa xem xét, hướng dẫn cho các trường hợp *chỉ dẫn địa lý là tên một địa danh* (có thể đã/ chưa được Nhà nước công nhận và bảo hộ) *nhưng nay địa danh đó đã biến mất trên bản đồ* (do quá trình sát nhập, đổi tên...) nhằm đảm bảo những lợi ích lâu dài của chỉ dẫn địa lý.

Hay một số vấn đề xung đột giữa CDDL và Nhân hiệu hàng hoá vẫn chưa được hướng dẫn cụ thể: Ví dụ như trường hợp tên địa danh là từ có nghĩa, từ thông dụng trong ngôn ngữ đời sống của người tiêu dùng như “Hoà Bình” hay tên địa danh không liên quan đến chất lượng đặc thù của hàng hoá không thể bảo hộ dưới hình thức CDDL thì hình thức bảo hộ nào là thích hợp để hạn chế những xung đột có thể phát sinh sau này. Hay đối với tên địa danh mà rất ít người biết đến, quy mô sản xuất còn nhỏ thì hình thức bảo hộ nào là thích hợp cũng chưa được hướng dẫn chỉ đạo hay quy định trong các văn bản pháp luật.

✓ Mặt khác, vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý chưa được quy định trong các văn bản có tính nguồn luật:

Trong khi chỉ dẫn địa lý là tài sản của quốc gia, việc quản lý và kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý cũng vì thế mà phải do Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn để địa phương thực hiện, thì Luật Sở hữu trí tuệ, các Nghị định, Thông tư được ban hành hiện nay chưa có một quy định cụ thể nào về vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý. Vấn đề này chỉ nằm trong các văn bản do địa phương tự soạn thảo, ban hành. Mặc dù cơ cấu tổ chức các đơn vị thực hiện việc kiểm soát hay các quy trình kiểm soát cụ thể là khác nhau ở từng mặt hàng, từng địa phương có chỉ dẫn địa lý, nhưng những vấn đề cơ bản như khái niệm, nội dung, các đơn vị có thẩm quyền kiểm soát chất lượng... thì cần phải được Nhà nước đưa vào trong một văn bản có tính nguồn luật để làm nền tảng, định hướng chung cho tất cả các địa phương có chỉ dẫn địa lý thực hiện.

• ***Cơ chế quản lý Nhà nước đối với quy trình kiểm soát chất lượng tại các địa phương chưa chặt chẽ:***

Do tính chất đặc thù của chỉ dẫn địa lý là quyền sở hữu thuộc về Nhà nước nhưng quá trình sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý lại chỉ diễn ra trong phạm vi vùng địa lý tương ứng, nên việc quản lý các chỉ dẫn địa lý thường được trao cho cơ quan địa phương có thẩm quyền. Điều này là hợp lý bởi Nhà nước không thể trực tiếp quản lý tất cả các chỉ dẫn địa lý ở khắp mọi miền của Tổ quốc. Quy trình kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý cũng vì thế mà do Trung ương chỉ đạo-địa

phương thực hiện. Tuy nhiên, việc chưa có một cơ quan chuyên môn giám sát việc thực hiện tại địa phương có thể làm giảm hiệu quả kiểm soát chất lượng. Quy trình kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý có thể chỉ mang tính hình thức bởi các đơn vị thực hiện việc kiểm soát tại địa phương (cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý, cơ quan kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý hay tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh) thường đứng về phía các nhà sản xuất hơn là người tiêu dùng. Các đơn vị này cũng có thể sẽ thực hiện nghiêm túc và chặt chẽ quy trình kiểm soát vì chính lợi ích lâu dài của mình, nhưng thực tế này cho thấy hệ thống pháp luật và cơ chế quản lý của Nhà nước hiện nay về kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý còn rất nhiều bất cập, lỏng lẻo.

- Nhận thức về pháp luật sở hữu trí tuệ nói chung và những quy định về chỉ dẫn địa lý nói riêng của đa số người dân còn thấp. Bên cạnh đó vai trò, tầm quan trọng của các quy trình kiểm soát chất lượng chưa được các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đánh giá đúng mức, từ đó gây ra những vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng giả, hàng nhái...

II. Thực trạng kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam hiện nay

1. Đánh giá chung về thực trạng bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam

Bảo hộ và khai thác chỉ dẫn địa lý là một hướng đi hiệu quả và đặc biệt có ý nghĩa đối với Việt Nam, nhằm nâng cao cạnh tranh cho sản phẩm, nâng cao giá trị kinh tế - xã hội, đồng thời giúp phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn vùng sản xuất sản phẩm. Nước ta bước đầu cũng đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong việc phát triển các chỉ dẫn địa lý. Một số chỉ dẫn địa lý được đăng ký và bảo hộ không chỉ đem lại giá trị về mặt kinh tế mà còn có nhiều ảnh hưởng tích cực về mặt xã hội như cà phê Buôn Mê Thuột, bưởi Đoan Hùng... Đặc biệt, hai chỉ dẫn địa lý Nước mắm Phú Quốc và Chè Shan Tuyết Mộc Châu được Cộng đồng châu Âu công nhận và bảo hộ đã mang thương hiệu Việt Nam ra trường quốc tế.

Bên cạnh những thành công đạt được, tình hình phát triển các chỉ dẫn địa lý ở nước ta còn nhiều hạn chế:

Số lượng chỉ dẫn địa lý được đăng ký và công nhận bảo hộ còn ít: Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ- Cục Sở hữu trí tuệ tính đến tháng 10 năm 2007 trong cả nước có đến 219 địa danh được sử dụng cho các sản phẩm của các địa phương (Xem phụ lục 1). Tuy từng điều kiện cụ thể mà các địa danh này có thể được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý hay nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Trong số 219 địa danh này mới chỉ có 20 đơn đăng ký bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý. Số chỉ dẫn địa lý được công nhận và bảo hộ là 11 chỉ dẫn địa lý. Danh sách cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Danh sách các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam được công nhận bảo hộ

Stt	Chỉ dẫn địa lý	Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý	Ngày đăng ký	Số đăng bạ
1	Phú Quốc	Nước mắm	01.06.2001	0001
2	Mộc Châu	Chè shan tuyết	01.06.2001	0002
3	Buôn Ma Thuột	Cà phê nhân	14.10.2005	0004
4	Đoan Hùng	Bưởi quả	08.02.2006	0005
5	Bình Thuận	Thanh long	15.11.2006	0006
6	Lạng Sơn	Hoa hồi	15.02.2007	0007
7	Thanh Hà	Vải thiều	25.05.2007	0009
8	Phan Thiết	Nước mắm	30.05.2007	0010
9	Hải Hậu	Gạo tám xoan	31.05.2007	0011
10	Vinh	Cam quả	31.05.2007	0012
11	Tân Cương	Chè	20.09.2007	0013

Nguồn: Cục Sở hữu trí tuệ (10/2007)

Số đơn còn lại (9 đơn) chưa được chấp nhận cấp Giấy chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý thường do các thiếu sót sau: chưa nêu được một cách cụ thể những đặc trưng riêng có của sản phẩm, các yếu tố tạo ra đặc trưng đó cũng như những căn cứ khoa học để xác định các yếu tố đặc trưng này.

Lý giải cho số lượng ít ỏi các đơn đăng ký và những chỉ dẫn địa lý được công nhận bảo hộ có thể có nhiều nguyên nhân như: những thiếu sót về điều kiện về trang thiết bị, phương pháp phân tích; sự thiếu kinh nghiệm trong việc xác định các điều kiện địa lý quyết định đặc tính sản phẩm dẫn đến việc thuyết minh các yếu tố tạo

nên đặc tính sản phẩm, thiết lập các tiêu chuẩn chất lượng đối với các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một số địa danh đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ chỉ dẫn địa lý nhưng đã được đăng ký bảo hộ dưới hình thức khác là nhãn hiệu hay nhãn hiệu tập thể. Điều này không chỉ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các tập thể của các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm tại vùng mang địa danh mà còn gây nhiều khó khăn cho các cơ quan Nhà nước trong việc xác lập lại việc bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý. (Trong số 36 địa danh đang được bảo hộ sở hữu trí tuệ có 9 địa danh được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu thông thường, 16 dưới hình thức nhãn hiệu tập thể).

Vấn đề quản lý, đặc biệt là công tác kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý đã được công nhận bảo hộ cũng gặp nhiều khó khăn do những đòi hỏi lớn về kinh phí, cơ sở kỹ thuật và nguồn nhân lực. Một số mô hình đã được xây dựng nhưng nhìn chung chưa đồng đều và chưa thực sự hiệu quả, tình trạng vi phạm quyền đối với các chỉ dẫn địa lý còn nhiều. Một trường hợp điển hình là tình trạng hàng giả, hàng nhái nước mắm Phú Quốc:

Nước mắm Phú Quốc nổi tiếng bởi độ đậm cao, vị ngọt béo và mùi thơm nhẹ rất đặc trưng của cá sóc tiêu đặc sản mà chỉ riêng Phú Quốc mới có. Sản phẩm được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường và có vị trí tại những thị trường vốn rất "khó tính" và yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng như Mỹ, Canada và Châu Âu. Tháng 6/2001, Nước mắm Phú Quốc được Cục Sở hữu công nghiệp (nay là Cục Sở hữu trí tuệ) đã cấp Giấy chứng nhận bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hoá và là sản phẩm đầu tiên của Việt Nam có vinh dự này. Việc bảo hộ tên gọi xuất xứ cho nước mắm Phú Quốc mở ra một cơ hội mới cho các chủ cơ sở sản xuất và buôn bán nước mắm Phú Quốc. Tuy nhiên, việc sử dụng chỉ dẫn địa lý "Phú Quốc" trên thực tế vẫn được thực hiện theo hướng "mạnh ai nấy chạy". Người tiêu dùng có thể nhìn thấy trên thị trường hàng trăm loại nước mắm của các DN có địa chỉ ở các vùng khác nhau (có thể không thuộc huyện đảo Phú Quốc) có dán nhãn hiệu nước mắm Phú Quốc trên sản phẩm. Ước tính hàng năm, thị trường tiêu thụ khoảng 180-200 triệu lít nước mắm mang nhãn Phú Quốc. Tuy nhiên, hiện nay, năng lực sản xuất của các nhà thùng chính hiệu ở Phú Quốc chỉ chiếm khiêm tốn từ 5-8% tức khoảng 10 - 12 triệu

lít/năm (số liệu của Sở Thủy sản Kiên Giang). Phần lớn hàng hóa còn lại được gọi là “nước mắm Phú Quốc” chủ yếu là hàng giả, muối pha với tinh chất hay hàng kém chất lượng. Cơ chế quản lý không toàn diện, hiệu quả cũng chính là nguyên nhân khiến cho chỉ dẫn địa lý Phú Quốc bị đánh cắp ở một số thị trường nước ngoài như Thái Lan, Trung Quốc... mà cho đến nay vẫn chưa có giải pháp ngăn chặn hiệu quả. Thực tế này cũng cho thấy hiệu quả, giá trị của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý chưa được phát huy; quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hợp pháp của các chủ thể chưa được bảo vệ; quyền được sử dụng sản phẩm đúng chất lượng, đúng nguồn gốc của người tiêu dùng chưa được bảo đảm.

2. Thực trạng các mô hình kiểm soát chất lượng đối với một số chỉ dẫn địa lý của Việt Nam

Nhìn chung, mỗi trong số 11 chỉ dẫn địa lý được công nhận của Việt Nam tính đến thời điểm này đều được kiểm soát chất lượng từ khâu canh tác, chế biến đến lưu thông trên thị trường. Tuy điều kiện từng địa phương, từng mặt hàng hay thực trạng vi phạm về chất lượng mà mỗi chỉ dẫn địa lý có mô hình và mức độ kiểm soát khác nhau. Để có cái nhìn cụ thể hơn, chúng ta đi phân tích thực trạng kiểm soát chất lượng của một số chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam theo các nội dung của quy trình kiểm soát. Cụ thể như sau:

2.1. Thực trạng hệ thống tổ chức các mô hình kiểm soát chất lượng

Nhận thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn và nâng cao uy tín của sản phẩm địa phương, ngăn chặn hàng giả, hàng nhái, chính quyền các tỉnh, thành phố nơi có chỉ dẫn địa lý đều đã chú trọng đầu tư xây dựng, triển khai mô hình kiểm soát chất lượng. Theo đó, các cơ quan quản lý, kiểm soát chất lượng và tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm đã được thành lập với các điều lệ, quy định chặt chẽ, phối hợp với nhau và phối hợp với các cơ quan chức năng khác (Công an kinh tế, Đơn vị quản lý thị trường, Thanh tra chuyên ngành,...) nhằm kiểm soát một cách toàn diện và có hiệu quả. Tuy nhiên, tính hợp lý và hiệu quả thực tế của các cơ chế tổ chức này còn khác nhau ở từng địa phương:

- ***Cơ cấu tổ chức của một số mô hình còn tương đối đơn giản, bộc lộ nhiều điểm bất hợp lý:***

Có thể thấy đây là tình trạng chung của nhiều mô hình quản lý và kiểm soát chất lượng đối với CDĐL ở nước ta. Nguyên nhân của thực trạng này một phần do trình độ quản lý, kinh nghiệm của chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế. Các hộ sản xuất kinh doanh- những người có quyền lợi trực tiếp đối với CDĐL- lại chưa nhận thức đầy đủ vai trò của quy trình kiểm soát chất lượng đối với các sản phẩm của mình; chưa tự giác, tích cực tham gia các hoạt động của các tổ chức tập thể, dẫn đến vai trò của các tổ chức này chưa được thể hiện rõ.

Có thể lấy một trường hợp điển hình như **Mô hình kiểm soát chất lượng đối với Thanh long Bình Thuận:**

Ngày 21/11/2006 Thanh long Bình Thuận chính thức được cấp giấy chứng nhận Tên gọi xuất xứ hàng hóa, được bảo hộ vô thời hạn trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Nhằm mục đích khai thác sử dụng, giữ gìn và phát triển uy tín của chỉ dẫn địa lý “Bình Thuận” cho sản phẩm quả thanh long, dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của các bộ, ban ngành Trung ương, các cơ quan có thẩm quyền quản lý chỉ dẫn địa lý ở địa phương đã xây dựng nên mô hình kiểm soát chất lượng đối chỉ dẫn địa lý này. Cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm soát chất lượng đối với Thanh long Bình Thuận gồm có: Cơ quan quản lý CDĐL; Ban Kiểm soát; Hiệp hội Thanh long Bình Thuận và các cơ quan ban ngành liên quan.

✓ Cơ quan quản lý CDĐL Bình Thuận cho sản phẩm quả thanh long là Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Thuận. UBND tỉnh Bình Thuận cũng là cơ quan ban hành *Tiêu chí đặc thù của sản phẩm Thanh long Bình Thuận* và *Quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến* nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và giữ được tính chất đặc thù của quả Thanh long.

UBND tỉnh Bình Thuận uỷ quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận thực hiện việc quản lý, cấp hoặc thu hồi *Giấy phép sử dụng chỉ dẫn địa lý* trên cơ sở thông báo của Ban Kiểm soát về việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thanh long đủ điều kiện sử dụng hay không còn đủ điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý Thanh long Bình Thuận.

✓ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Thuận quản lý, hướng dẫn việc sản xuất, bảo quản quả thanh long theo quy trình kỹ thuật đã ban hành.

✓ Hiệp hội Thanh long Bình Thuận và các sở, ban, ngành khác có trách nhiệm phối hợp với Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm soát chất lượng sản phẩm.

✓ **Ban Kiểm soát** là đơn vị trực tiếp thực hiện việc kiểm soát chất lượng; cấp hoặc thu hồi “*Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng Chỉ dẫn địa lý Bình Thuận cho sản phẩm quả thanh long*” cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh quả thanh long. Giấy chứng nhận này là điều kiện cơ bản, quyết định để UBND tỉnh Bình Thuận hoặc cơ quan, tổ chức được UBND tỉnh Bình Thuận ủy quyền (Sở KH & CN tỉnh Bình Thuận) cấp phép sử dụng chỉ dẫn địa lý đó.

Cơ cấu tổ chức Ban Kiểm soát: Gồm có Trưởng ban, Thư ký và Thành viên khác. Trong đó:

- Trưởng ban là đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thư ký là lãnh đạo hoặc chuyên viên thuộc phòng, đơn vị chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, với chuyên ngành kỹ thuật nông nghiệp.

- Thành viên khác là đại diện của các sở, ban, ngành liên quan, Hiệp hội Thanh long Bình Thuận, đại diện cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thanh long theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Thành viên của Ban Kiểm soát phải được tập huấn nghiệp vụ về kiểm tra, kiểm soát về chỉ dẫn địa lý và các văn bản pháp quy trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

➤ Có thể thấy hệ thống kiểm soát chất lượng đối với Thanh long Bình Thuận hầu như chỉ xoay quanh hoạt động của Ban Kiểm soát. Điều này vừa thể hiện sự đơn giản trong cơ cấu tổ chức, vừa bộc lộ nhiều bất hợp lý. Bởi một mô hình kiểm soát hợp lý cần phân bổ một cách cân đối vai trò, trách nhiệm của Cơ quan Kiểm soát chất lượng đối với CDĐL và của Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang CDĐL; từ đó các hoạt động kiểm soát từ bên ngoài và trong nội bộ được tiến hành song song. Trong khi đó, đối với CDĐL này, Hiệp hội Thanh long Bình Thuận hầu như không hình thành cơ cấu kiểm soát nội bộ, không có các nhân viên kiểm soát quá trình trồng, thu hoạch thanh long của các hội viên. Việc tập

trung trách nhiệm vào Ban Kiểm soát không những gây gánh nặng cho cơ quan này mà còn dẫn tới việc kiểm soát không được thực hiện toàn diện.

• *Trong khi đó, cơ cấu tổ chức một số mô hình khác lại đang ở tình trạng chông chéo và vẫn có nhiều điểm bất hợp lý:*

Điều này có thể thấy rõ nhất trong thực trạng hiện nay của **hệ thống kiểm soát chất lượng đối với Nước mắm Phú Quốc**, với sự tham gia tương đối sâu của Bộ Thủy sản, cùng rất nhiều các sở, ban, ngành khác. Một số lượng lớn các văn bản, pháp luật nhằm kiểm soát chất lượng đối với Nước mắm Phú Quốc cũng đã được ban hành, tuy nhiên hiệu quả của những quy định này còn nhiều điều phải xem xét:

Nước mắm Phú Quốc được Nhà nước công nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý từ giữa năm 2001, theo đó chỉ những cơ sở sản xuất nước mắm tại Phú Quốc đạt yêu cầu mới được sử dụng tên gọi này. Đồng thời, các doanh nghiệp trên đảo cũng phải đăng ký thương hiệu riêng cho mình. Tuy nhiên, từ đó đến nay xung quanh vấn đề bảo hộ quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý này gặp không ít khó khăn. Trong nhiều năm, việc thiếu một cơ chế quản lý chặt chẽ làm nảy sinh những tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng chỉ dẫn "Phú Quốc" cho sản phẩm nước mắm. Chẳng hạn như vụ tranh chấp giữa Chi cục quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai và Cty TNHH sản xuất và chế biến thực phẩm Tương Lai (TP HCM) kéo dài hơn 2 năm (2004 -2005) mà phán quyết cuối cùng là Công ty này không bị xử phạt vi phạm quyền sử dụng CDĐL Phú Quốc cho sản phẩm nước mắm (do tại thời điểm đó, nước mắm Phú Quốc mới được đăng bạ chứ chưa có quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào). Tình trạng hàng giả, hàng nhái nước mắm Phú Quốc tràn ngập trên thị trường trong nước và quốc tế mà chưa một “nhà làm lâu” nào bị xử lý cũng cho thấy những hạn chế trong công tác kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý này. Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc được thành lập từ năm 2000 với sự hỗ trợ của Viện Nông nghiệp Pháp về chuyên môn và Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về pháp lý và tổ chức hội. Hội là đơn vị chủ trì đứng tên trong Đơn yêu cầu đăng bạ tên gọi xuất xứ, đồng thời ban đầu được giao trách nhiệm quản lý và kiểm soát chất lượng. Tuy nhiên, vai trò của Hội đã không được phát huy.

Đứng trước thực trạng trên, một cơ chế kiểm soát chặt chẽ hơn, nhưng có phần cứng nhắc, đã được xây dựng. Trong đó:

✓ Bộ Thủy sản với vai trò là cơ quan quản lý chuyên ngành đứng ra công bố *Tiêu chuẩn ngành của sản phẩm nước mắm mang chỉ dẫn địa lý Phú Quốc* và *Quy định tạm thời về sản xuất nước mắm mang tên gọi Phú Quốc*:

✓ Dưới sự hướng dẫn của Bộ Thủy sản và các cơ quan hữu quan, mô hình kiểm soát chất lượng cũng đang được thiết lập. Trong đó, đơn vị trung tâm là Ban Kiểm soát, có nhiệm vụ giám sát, phối hợp với Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc trong quy trình kiểm soát chất lượng và cấp *Giấy chứng nhận nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc* cho các lô hàng đạt yêu cầu.

✓ **Ban Kiểm soát** là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận, được Sở Thủy sản Kiên Giang tổ chức thành lập trên cơ sở quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang.

Về mặt tổ chức, Ban Kiểm soát gồm có: Trưởng Ban, Phó Trưởng ban, các kiểm soát viên, trong đó phải có ít nhất phải có 2 cán bộ của Sở Thủy sản Kiên Giang. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát đều phải được tập huấn về nghiệp vụ kiểm tra chất lượng, nghiệp vụ kiểm soát, chứng nhận tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc và không được phép tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc sản xuất, kinh doanh nước mắm Phú Quốc. Để đánh giá chất lượng lô hàng bằng cảm quan được chính xác, Ban Kiểm soát cũng có thể mời một số người trong danh sách những nhà sản xuất, kinh doanh nước mắm có kinh nghiệm được Hiệp hội sản xuất nước mắm Phú Quốc đề xuất.

Ban Kiểm soát thực hiện trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Phú Quốc cho các lô hàng nước mắm đạt yêu cầu thông qua việc cấp Giấy chứng nhận nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc.

✓ Nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường, mô hình còn có sự tham gia của nhiều đơn vị khác như: Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản (QLCL, ATVS& TYTS) thực hiện nhiệm vụ giám định chất lượng nước mắm Phú Quốc lưu thông trên thị trường và tổ chức tập huấn, cấp chứng chỉ về nghiệp vụ kiểm tra chất lượng nước mắm Phú Quốc... Thanh tra chuyên ngành thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đóng vai trò

quan trọng trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm nước mắm Phú Quốc sản xuất, lưu thông trên địa bàn quản lý. Đây là đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan Quản lý thị trường, Thanh tra chuyên ngành y tế, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các lực lượng có chức năng khác kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm về chất lượng nước mắm Phú Quốc (Khi nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm, tiến hành kiểm soát hồ sơ, lấy mẫu và gửi trung cầu giám định của Cục QLCL, ATVS & TYTS, xử phạt nếu có căn cứ xác định vi phạm).

➤ Như vậy, có thể thấy chỉ vài năm trước đây thôi, việc bảo hộ CDDL Phú Quốc nói chung còn rất lộn xộn. Đặc biệt, những xâm phạm quyền đối với CDDL này diễn ra phổ biến, khó kiểm soát do công tác quản lý chất lượng sản phẩm hầu như chưa được hình thành một cách quy củ. Mô hình kiểm soát chất lượng đối với nước mắm Phú Quốc mới đang được áp dụng hiện nay tỏ ra tương đối chặt chẽ. Tuy nhiên, sự tham gia nhiều và sâu của các cơ quan chức năng Nhà nước, nhiều Bộ, Ban ngành trong việc kiểm soát chất lượng đối với nước mắm Phú Quốc làm cho hệ thống trở nên công kênh, khó áp dụng phổ biến cho các chỉ dẫn địa lý khác.

➤ Bên cạnh đó, mô hình vẫn đặt nặng trách nhiệm của Ban Kiểm soát. Hội sản xuất nước mắm Phú Quốc không có được một cơ cấu tổ chức chặt chẽ, chưa xây dựng bộ máy kiểm soát nội bộ và vai trò trên thực tế của Hội trong việc đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển CDDL này là rất mờ nhạt. Cũng vì vậy, các hoạt động kiểm soát hiện trạng sản xuất, chế biến đối với các hội viên chưa được thực hiện.

➤ Nhiều quy định, quy chế được ban hành (như việc tự kê khai của tàu cá, nhà thùng, cơ sở kinh doanh...theo đúng mẫu quy định- Các mẫu tờ khai: tham khảo phụ lục 4) vừa không thể hiện vai trò của Hội, vừa làm rườm rà, gây gánh nặng cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước mắm Phú Quốc mà đôi khi hiệu quả kiểm soát lại không cao, do các chủ thể kê khai có thể kê khai không trung thực, mang tính hình thức.

Có thể nói, mức độ nổi tiếng của thương hiệu và những thiếu sót mang tính chủ quan của cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm soát chất lượng là những nguyên nhân chính làm cho tình trạng hàng giả, hàng nhái nước mắm Phú Quốc hiện nay vẫn còn là một vấn nạn đối với các cơ quan quản lý và những tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan. Khắc phục tình trạng này là một quá trình lâu dài và khó khăn, tuy nhiên việc sửa đổi những hạn chế trong cơ cấu tổ chức mô hình kiểm soát là một việc làm

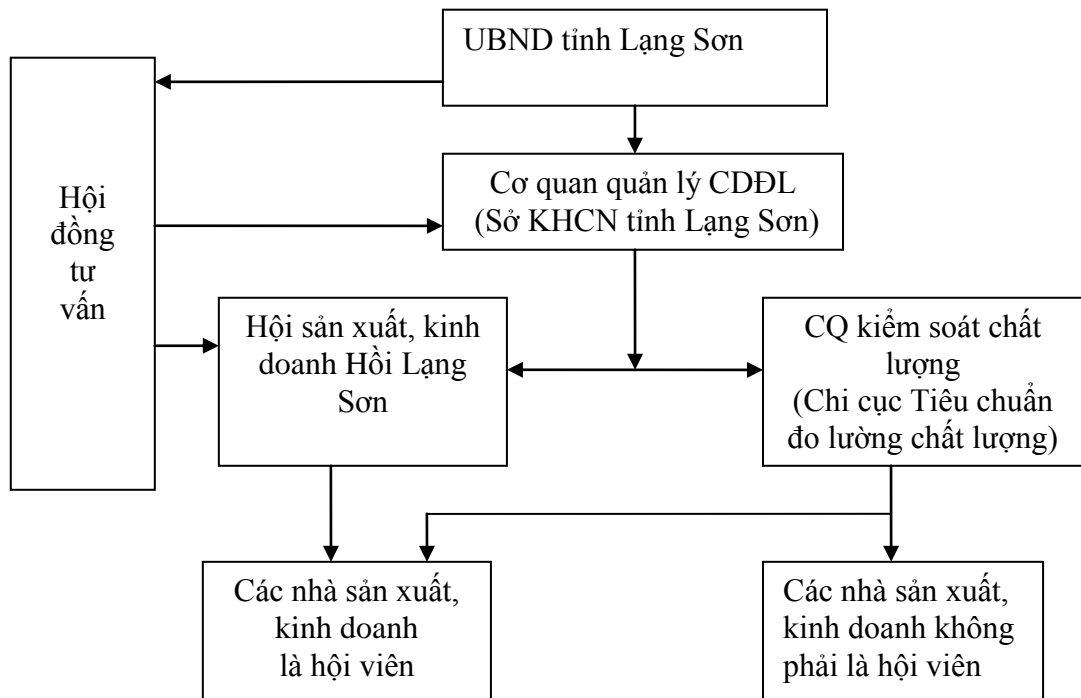
cấp thiết. Bên cạnh đó, Nhà nước và các cơ quan chức năng cần tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân, đồng thời có những chế tài mạnh mẽ hơn xử lý các trường hợp vi phạm.

- **Một số ít mô hình đã được cơ cấu một cách hợp lý:** việc tổ chức cán bộ của Cơ quan Kiểm soát chất lượng và của Tổ chức tập thể các nhà sản xuất kinh doanh được thực hiện tốt. Từ đó, trách nhiệm kiểm soát được phân bổ đồng đều, toàn diện và chặt chẽ. **Đặc biệt, một số mô hình đã xây dựng và quản lý hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm.**

Có thể nêu một trường hợp điển hình, đó là **Mô hình kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm hoa hồi Lạng Sơn**. Mô hình kiểm soát chất lượng hiện đang được áp dụng đối với Hồi Lạng Sơn là mô hình được Cục Sở hữu trí tuệ đề xuất, hướng dẫn và tổ chức thực hiện thí điểm, hướng đến áp dụng cho các chỉ dẫn địa lý khác. Sơ đồ mô hình như sau:

Sơ đồ 2.1. Mô hình kiểm soát chất lượng đối với Hồi Lạng Sơn

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)



Theo đó, các đối tượng tham gia kiểm soát gồm có:

✓ **Hội đồng tư vấn:** Các thành viên của Hội đồng tư vấn gồm có các đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Thương mại, Cơ quan quản lý thị trường, Sở Nội vụ, Sở Văn hoá - Thông tin và một số nhà sản xuất, kinh doanh hàng hóa có kinh nghiệm ở địa phương.

Hội đồng tư vấn là đơn vị điều hành, chỉ đạo chung đối với các hoạt động quản lý CDĐL Hội Lạng Sơn, đặc biệt Hội đồng tư vấn có chức năng tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyên môn cho Cơ quan quản lý CDĐL và Hội Sản xuất Chế biến Kinh doanh hàng hóa Lạng Sơn trong quá trình triển khai thực hiện các quy trình kiểm soát.

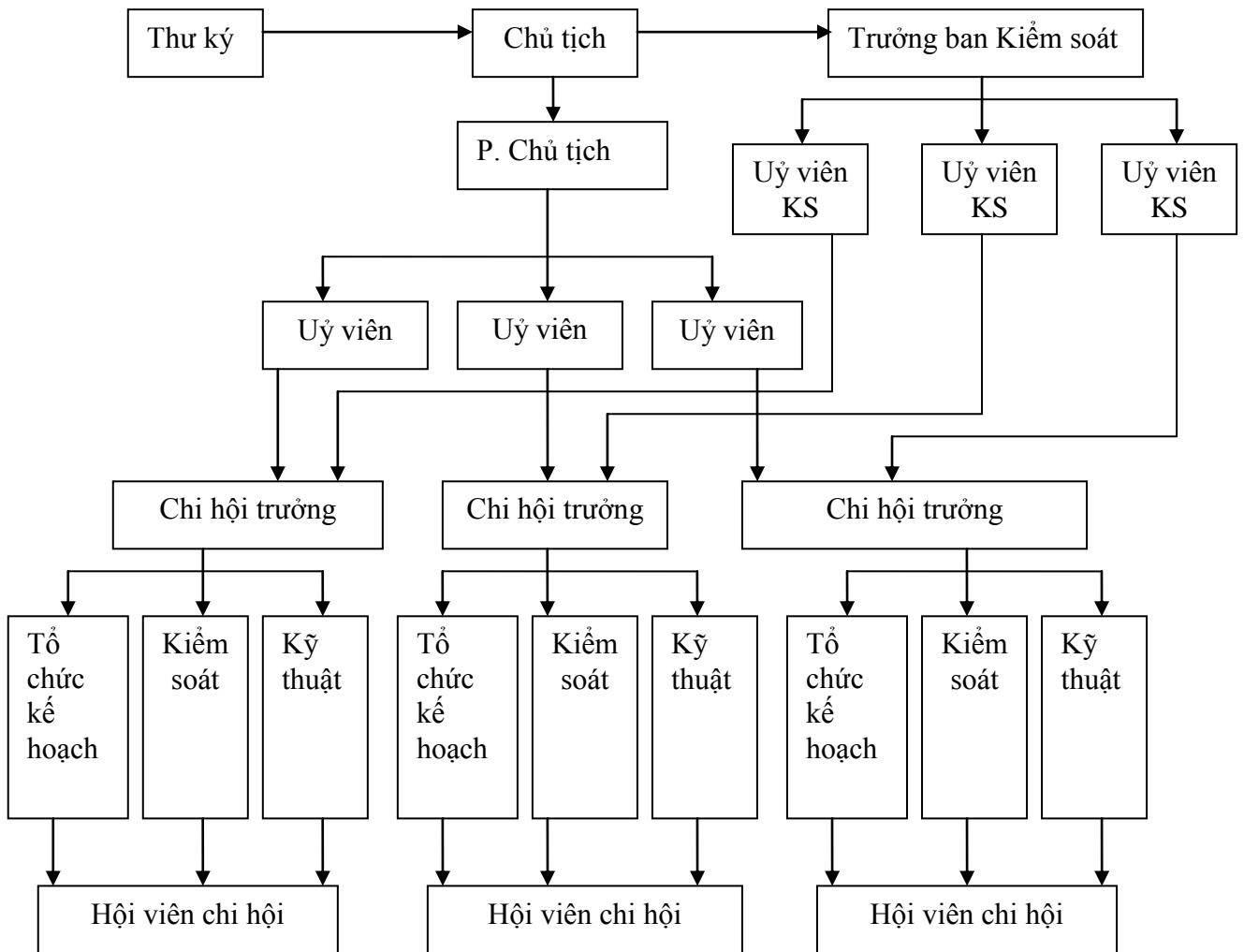
✓ **Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý:** là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn, được UBND tỉnh Lạng Sơn trao quyền quản lý đối với chỉ dẫn địa lý Hội Lạng Sơn, có chức năng kiểm soát chung.

✓ **Cơ quan kiểm soát chất lượng Hội Lạng Sơn:** là Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn, có chức năng: Tổ chức xây dựng các phương tiện, điều kiện để thực hiện việc kiểm soát; Thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; Xác định và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đủ điều kiện mang chỉ dẫn địa lý; Tiến hành các biện pháp chống lại các hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý, các biện pháp nhằm phát triển uy tín, danh tiếng, giá trị chỉ dẫn địa lý; cấp, quản lý và kiểm soát việc sử dụng tem xác nhận chất lượng...

✓ **Hội sản xuất, chế biến và kinh doanh Hội Lạng Sơn:** hoạt động với mục đích đảm bảo lợi ích chính đáng và hợp pháp của các hội viên cũng như nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của Hội Lạng Sơn... Gồm có: Ban chấp hành Hội (Chủ tịch, Thư ký, Ủy viên); Ban kiểm soát (Trưởng ban KS, Ủy viên KS) và các chi hội được phân chia phạm vi hoạt động theo xã (Chi hội trưởng, Phòng Tổ chức kế hoạch, Phòng kiểm soát, Phòng Kỹ thuật và các Hội viên). Cơ cấu tổ chức của Hội được thể hiện trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức Hội sản xuất, kinh doanh Hội Lạng Sơn

(Nguồn: Ipsard.gov.vn)



➤ Nhìn chung, mô hình kiểm soát chất lượng đối với Hội Lạng Sơn có nhiều ưu điểm: đảm bảo tính chặt chẽ nhưng không quá công kênh làm gánh nặng cho các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm, thích hợp áp dụng cho nhiều chỉ dẫn địa lý khác. Đặc biệt, trách nhiệm kiểm soát nội bộ và kiểm soát từ bên ngoài được trao một cách hợp lý cho Hội sản xuất, chế biến và kinh doanh Hội Lạng Sơn và Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Lạng Sơn (Cơ quan kiểm soát chất lượng). Nhờ đó, công tác kiểm soát có thể được thực hiện một cách toàn diện đối với các nhà sản xuất kinh doanh hội viên và cả các nhà sản xuất kinh doanh không phải là thành viên của Hội.

➤ Cơ cấu của Hội sản xuất, chế biến và kinh doanh Hội Lạng Sơn cũng được tổ chức một cách chặt chẽ, hợp lý- đặc biệt với sự phân công các phòng ban Kỹ

thuật, Tổ chức kế hoạch và Kiểm soát và việc chia thành nhiều chi hội nhỏ- đã đảm bảo nhiệm vụ kiểm soát nội bộ có thể được tiến hành nghiêm túc.

Trên thực tế, Hội đóng một vai trò tích cực, quan trọng trong mô hình kiểm soát chất lượng đối với CDĐL này. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể gồm có: Xây dựng các phương tiện, điều kiện để thực hiện việc kiểm soát; Lập và quản lý vùng canh tác cây hồi, cơ sở chế biến (phơi, sấy) quả hồi; Hướng dẫn, quản lý việc tuân thủ các quy trình canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản, kiểm tra chất lượng, sử dụng tem, nhãn và đóng gói sản phẩm Hoa hồi; Xử lý các vi phạm của Hội viên; Tiến hành các biện pháp nhằm phát triển danh tiếng và giá trị của chỉ dẫn địa lý “Lạng Sơn”; Cấp và quản lý việc sử dụng tem, nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm.

➤ Đặc biệt, Mô hình kiểm soát chất lượng đối với Hoa hồi Lạng Sơn hình thành Hội đồng tư vấn với sự tham gia của các cán bộ có trình độ của Cục Sở hữu trí tuệ, các Sở, Ban, Ngành và các nhà sản xuất kinh doanh hồi có nhiều kinh nghiệm ở địa phương. Điều này có tác dụng quan trọng giúp cho các chính sách tổ chức kiểm soát được thực hiện bài bản, không đi chệch hướng và phù hợp với tình hình cụ thể ở địa phương. Các văn bản, quy định nhờ đó cũng được ban hành một cách thích hợp, vừa đảm bảo hiệu quả kiểm soát, vừa không nặng nề cho các nhà sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, vai trò tư vấn về chuyên môn và trình độ quản lý của Hội đồng tư vấn góp phần làm nhẹ bớt gánh nặng của Cơ quan kiểm soát chất lượng và Hội sản xuất, chế biến và kinh doanh Hồi Lạng Sơn.

Tuy có nhiều ưu điểm nhưng để mô hình kiểm soát chất lượng trên đối với Hoa hồi Lạng Sơn đi vào hoạt động có hiệu quả lâu dài còn cần rất nhiều sự hỗ trợ từ phía các cơ quan Nhà nước cũng như sự cố gắng, đóng góp tích cực của các hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm. Nhận thức của cơ quan quản lý và người dân địa phương về tầm quan trọng của công tác kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý cũng cần phải được nâng cao.

2.2. Thực trạng việc xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy và các phương tiện phục vụ quá trình kiểm soát

Các văn bản pháp quy có vai trò vô cùng quan trọng, làm cơ sở pháp lý trực tiếp điều chỉnh, hướng dẫn quá trình sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân,

nờ đó sản phẩm mang CDDL mới có thể có được chất lượng đạt tiêu chuẩn. Bên cạnh các văn bản do Trung ương ban hành có giá trị chung hoặc tương tự nhau đối với tất cả các CDDL, 11 địa phương nơi có CDDL đều đã chú trọng xây dựng, ban hành và công bố rộng rãi hệ thống các văn bản cụ thể, trực tiếp cho mỗi loại sản phẩm mang CDDL như Tiêu chuẩn chất lượng hay Quy trình kỹ thuật chế biến sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý hay Quy chế hoạt động, Điều lệ các cơ quan tham gia vào quy trình kiểm soát chất lượng...

Bảng 2.2. Các tiêu chí đặc thù của sản phẩm quả thanh long Bình Thuận

Thanh long Bình Thuận phải được sản xuất tại các địa bàn của tỉnh Bình Thuận và phải đạt các chỉ tiêu đặc trưng về:		
- Hình thức quả: Vỏ quả dày, khi chín màu đỏ, độ bóng cao; Tai quả dày, cứng, chân tai rộng.		
- Thịt quả: Chắc giòn, có vị ngọt chua và mùi thơm đặc trưng, hạt nhỏ và ít		
- Hàm lượng các chất dinh dưỡng		
Hàm lượng chất dinh dưỡng của quả thanh long Bình Thuận		
Thành phần	Đơn vị tính	Mức chất lượng tối thiểu
Protein	g/100g thịt quả	0.89
Sắt	Mg/100g thịt quả	3.07
Magiê	Mg/100g thịt quả	31.61
Canxi	Mg/100g thịt quả	17.42
Vitamin C	Mg/100g thịt quả	0.34
Vitamin B3	Mg/100g thịt quả	0.95

- Tuy nhiên, thực trạng hệ thống văn bản này bộc lộ một vài hạn chế như: các văn bản pháp quy trực tiếp điều chỉnh việc kiểm soát chất lượng được ban hành một cách khác nhau với từng chỉ dẫn địa lý: Các tiêu chuẩn kỹ thuật; quy trình canh tác, chế biến sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý ở địa phương này do UBND tỉnh ban hành, ở nơi khác lại do Tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm đứng ra công bố.

Trường hợp của Nước mắm Phú Quốc- một chỉ dẫn địa lý được coi là “báu vật của quốc gia” nhưng đang phải đối mặt với tình trạng hàng giả, hàng nhái tràn lan trên cả thị trường trong nước và thị trường quốc tế- là đặc biệt hơn cả khi Tiêu chuẩn chất lượng được nâng lên thành tiêu chuẩn ngành (TCN230:2006); các Quy chế tạm thời về kiểm soát, chứng nhận nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc và Quy định tạm thời về sản xuất nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc được Bộ Thủy sản xây dựng, ban hành. Trong đó, tiêu chuẩn ngành nêu ra các chỉ tiêu về chất lượng cho 5 phân hạng nước mắm Phú Quốc (loại đặc biệt, thượng hạng, hạng 1, 2, 3), gồm có: Chỉ tiêu về cảm quan, hoá học, vi sinh vật, dư lượng tối đa của chì, ngoài ra còn có các yêu cầu về nguyên liệu, phương pháp chế biến, đóng gói, bảo quản... Quy định tạm thời về sản xuất nước mắm Phú Quốc gồm những quy định cụ thể về : vùng sản xuất (vùng khai thác, vùng chế biến và đóng gói), nguồn nguyên liệu (cá, muối, phụ gia), dụng cụ chế biến bảo quản, yêu cầu đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của tàu cá và cơ sở sản xuất nước mắm, phương pháp chế biến (ướp muối cá trên tàu, ủ chượp, kéo rút nước mắm, pha đấu), các quy định về đóng gói, ghi nhãn, bảo quản... Trong đó có những quy định rất chặt chẽ như việc quy định nước mắm Phú Quốc phải được chế biến, đóng gói ở huyện đảo Phú Quốc, trường hợp ngoại lệ duy nhất dành cho nước mắm chế biến ở Phú Quốc, đóng gói ở Thành phố Hồ Chí Minh chỉ được mang CDĐL Phú Quốc trong thời hạn 3 năm kể từ ngày quy định trên được ban hành, và phải đáp ứng nhiều điều kiện khác. (Tham khảo phụ lục 2 và 3). Tuy vẫn còn một số quy định chưa thực sự hợp lý, gây gánh nặng cho các hộ sản xuất, kinh doanh, nhưng rõ ràng sau nhiều năm ở trong tình trạng lộn xộn, không thể kiểm soát được thì những tài liệu này là đặc biệt quan trọng và rất cụ thể phục vụ quy trình kiểm soát chất lượng đối với CDĐL này.

Mặc dù vậy, xét một cách tổng thể đối với tất cả các CDĐL trong lãnh thổ Việt Nam thì thực trạng này cho thấy một sự thiếu kinh nghiệm, thiếu tính chuyên nghiệp và một sự chú trọng không đồng đều với từng CDĐL. Thiết nghĩ hệ thống các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật... là nền tảng cơ bản phục vụ quy trình kiểm soát chất lượng cần phải được xây dựng bởi các cơ quan có chuyên môn, được ban hành một cách thống nhất và đảm bảo hiệu lực pháp lý cao đối với tất cả các CDĐL.

- Các địa phương đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đo lường, đánh giá các tiêu chí sản phẩm, tuy còn khác nhau phụ thuộc vào điều kiện của từng địa phương. Tuy nhiên, chỉ có một số mô hình xây dựng, quản lý được hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm thống nhất- có tác dụng tích cực không chỉ trong việc kiểm soát chất lượng mà đồng thời đem lại nhiều lợi ích thương mại, góp phần quảng bá cho sản phẩm. Ví dụ như: Bưởi Đoan Hùng hay Hoa hồi Lạng Sơn...



Tem sản phẩm



Nhãn sản phẩm



← Bao bì sản phẩm →



Một số chỉ dẫn địa lý khác như Thanh long Bình Thuận, nước mắm Phú Quốc...chưa xây dựng, chuẩn hoá và quản lý hệ thống tem, nhãn, bao bì dẫn đến nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện các hoạt động kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Riêng đối với tem xác nhận chất lượng thì hầu như rất ít các mô hình xây dựng, quản lý và phát huy có hiệu quả phương tiện hữu dụng này.

2.3. Thực trạng các hoạt động kiểm soát

Nhìn chung, các mô hình kiểm soát chất lượng đối với cả 11 CDĐL của Việt Nam đang được áp dụng đều triển khai được các hoạt động kiểm soát cơ bản từ kiểm tra hiện trạng sản xuất, chế biến sản phẩm; kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cho lô sản phẩm đạt yêu cầu đến kiểm soát các sản phẩm mang CDĐL lưu thông trên thị trường để phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Tuy nhiên, mức độ và hiệu quả các hoạt động kiểm soát khác nhau đối với từng CDĐL, chịu sự chi

phối của các điều kiện khách quan như: điều kiện cơ sở vật chất của từng địa phương; mức độ nổi tiếng, tính chất của từng loại mặt hàng mang CDDL... và các điều kiện chủ quan như do cơ cấu tổ chức của từng mô hình.

• *Ở một vài địa phương, các hoạt động kiểm soát chưa diễn ra đầy đủ, toàn diện, bộc lộ nhiều sơ hở:*

Như trong **Mô hình kiểm soát chất lượng đối với Thanh long Bình Thuận**, Ban Kiểm soát- đơn vị trung tâm và thực hiện trực tiếp các hoạt động kiểm soát- trên thực tế chỉ thực hiện một vài hoạt động sơ sài và chưa có hiệu quả cao. Cụ thể các hoạt động của Ban Kiểm soát gồm có:

+ Tiếp nhận và xem xét hồ sơ đăng ký sử dụng Chỉ dẫn địa lý "Bình Thuận" đối với sản phẩm quả thanh long:

Hồ sơ đăng ký sử dụng CDDL "Bình Thuận" đối với sản phẩm quả thanh long gồm có: Đơn đăng ký được quyền sử dụng; Bản kê khai về địa bàn sản xuất, quy trình sản xuất, sản lượng hằng năm, địa bàn tiêu thụ; Giấy cam kết không thực hiện hành vi làm thay đổi tính chất đặc trưng của quả thanh long Bình Thuận. (Toàn bộ hồ sơ được lập thành 2 bộ, nộp cho Ban Kiểm soát 1 bộ, lưu tại cơ sở 1 bộ).

+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng CDDL Bình Thuận cho sản phẩm quả thanh long cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quả thanh long:

Ban Kiểm soát tiếp nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng CDDL "Bình Thuận" của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thanh long trong vòng 30 ngày sẽ đưa ra kết quả xem xét, đánh giá bằng văn bản cho cơ sở đăng ký. Trong 30 ngày đó, Ban Kiểm soát xem xét hồ sơ khai báo về sản xuất thanh long, kiểm tra việc tuân thủ quy định về sản xuất thanh long Bình Thuận của tổ chức, cơ sở sản xuất, lấy mẫu sản phẩm để đánh giá các chỉ tiêu cảm quan, hóa học và vi sinh của sản phẩm theo tiêu chuẩn quy định. Nếu xét cơ sở đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu, Ban Kiểm soát thống nhất với Sở Khoa học và Công nghệ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng CDDL Bình Thuận cho sản phẩm quả thanh long; kèm theo Giấy phép sử dụng CDDL Thanh long Bình Thuận do Sở Khoa học và Công nghệ cấp.

+ Kiểm soát thanh long mang CDDL "Bình Thuận" lưu thông trên thị trường; Phát hiện, thu hồi giấy phép và yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm quy chế sử dụng CDDL Thanh long Bình Thuận.

Các trường hợp bị coi là vi phạm quy chế sử dụng chỉ dẫn địa lý, bao gồm:

- Sử dụng Chỉ dẫn địa lý "Bình Thuận" đối với sản phẩm quả thanh long mà không được cấp phép sử dụng.

- Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm tương tự với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm mục đích lợi dụng uy tín của chỉ dẫn địa lý;

- Sản phẩm không đáp ứng tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

- Sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó làm cho người tiêu dùng hiểu sai rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó;

- Thành viên bị phá sản, giải thể hoặc bị khai trừ còn tiếp tục sử dụng Chỉ dẫn địa lý "Bình Thuận";

- Có hành vi làm ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng của tập thể.

Nếu phát hiện việc sử dụng trái phép, Ban Kiểm soát thực hiện thu hồi giấy phép sử dụng, xoá tên trong danh sách và thông báo trên các phương tiện thông tin địa chúng về hành vi vi phạm đối với tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh ba lần liên tiếp không đạt yêu cầu. Cá nhân, chủ tổ chức sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật nếu vẫn tiếp tục sử dụng chỉ dẫn địa lý này; Hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền truy xuất nguồn gốc hàng hóa (trong trường hợp cần thiết) và xử lý theo quy định của pháp luật (xử phạt vi phạm hành chính hoặc/và truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại).

➤ Như vậy, hoạt động kiểm tra, giám sát hiện trạng sản xuất, kinh doanh (thông thường có hiệu quả nhất khi tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh thực hiện kiểm soát nội bộ) chưa được thực hiện. Điều này dẫn tới hậu quả không nắm rõ được số lượng thực tế các quả thanh long được sản xuất và lưu thông ra thị trường, gây khó khăn cho quá trình kiểm soát, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đây có thể coi là kết quả trực tiếp của cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm soát chất lượng đơn giản,

lông lẻo- chỉ tập trung vào Ban Kiểm soát- mà UBND tỉnh Bình Thuận đã xây dựng.

➤ Mặt khác, hoạt động của Ban Kiểm soát CDDL Thanh long Bình Thuận cũng bộc lộ nhiều sơ hở như:

Việc trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (thể hiện bằng việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý và Giấy phép sử dụng chỉ dẫn địa lý) chỉ được thực hiện thông qua đánh giá hồ sơ và xem xét hiện trạng sản xuất, lấy mẫu sản phẩm trong vòng 30 ngày mà không có các hoạt động kiểm soát thường xuyên như lập sổ theo dõi hiện trạng canh tác, thu hoạch thực tế của các hộ nông dân...Việc phát hiện sai phạm chủ yếu được thực hiện sau khi sản phẩm đã lưu thông trên thị trường.

Bên cạnh đó, công tác đánh giá bằng cảm quan chất lượng một lô hàng quả thanh long cụ thể thường có sự tham gia của các nhà sản xuất, kinh doanh thanh long do Hiệp hội Thanh long Bình Thuận tiến cử. Điều này có thể dẫn đến những kết quả đánh giá không được khách quan.

Tình trạng vi phạm quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Thanh long Bình Thuận hiện nay chưa ở mức nghiêm trọng, một phần do đặc thù của loại hàng hoá nông sản hoa quả và mức độ phát triển của thương hiệu chưa cao. Mặt khác, những trường hợp vi phạm chất lượng, nếu có, cũng rất khó để người tiêu dùng sản phẩm có thể dễ dàng phát hiện. Nhưng những thiếu sót cả về cơ cấu tổ chức và việc triển khai các hoạt động kiểm soát vẫn cần được khắc phục sớm để sản phẩm quả thanh long Bình Thuận có những bước tiến xa hơn trên thị trường trong nước và quốc tế.

• Ở một số mô hình khác, các hoạt động kiểm soát tuy đã được thực hiện tương đối đầy đủ nhưng hiệu quả chưa cao, nhiều quy định đặt ra bất hợp lý, gây gánh nặng cho các hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

Ví như trường hợp của **Nước mắm Phú Quốc**. Có thể nói, CDDL Phú Quốc là một trong những tài sản quý giá của đất nước ta. Sau nhiều năm ở trong tình trạng lộn xộn, mô hình kiểm soát chất lượng đã được chú trọng thiết lập. Tuy nhiên với cơ cấu còn nhiều điểm bất hợp lý và đặc biệt là thực trạng vi phạm quyền đối với

CDĐL này đang rất phức tạp, khó kiểm soát, các hoạt động kiểm soát- mặc dù tỏ ra gắt gao- nhưng thực tế chưa có được hiệu quả cao, bộc lộ nhiều hạn chế. Cụ thể:

✓ Đối với *hoạt động kiểm soát hiện trạng sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm*, vai trò vẫn đặt nặng lên Ban Kiểm soát.

Không chỉ phải thực hiện những nhiệm vụ cơ bản phù hợp với chức năng của mình như: xác nhận quyền nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, đóng gói, các đơn vị bán buôn, bán lẻ...sau khi xét thấy các đối tượng này đáp ứng các điều kiện để sản xuất, đóng gói, kinh doanh nước mắm Phú Quốc theo quy định của Bộ Thủy sản, Ban Kiểm soát còn phải thường xuyên hướng dẫn, giám sát quá trình đánh bắt cá, ướp muối, pha đấu...của các cơ sở sản xuất, chế biến và đóng gói nước mắm Phú Quốc. Hay nói cách khác, tất cả các hoạt động kiểm soát hiện trạng sản xuất, chế biến, tình hình kinh doanh- vốn dĩ nên thuộc trách nhiệm kiểm soát nội bộ của Hiệp hội sản xuất, kinh doanh nước mắm Phú Quốc- hiện nay đều do Ban Kiểm soát đảm nhiệm.

Điều này có thể làm cho hiệu quả tất cả các hoạt động của Ban Kiểm soát không được cao- do phải kiêm nhiệm quá nhiều nhiệm vụ. Bên cạnh đó, nó cũng dẫn tới một số quy định bất hợp lý và gây phiền hà, tốn kém mà chưa chắc có hiệu quả như quy định hàng tháng, các hộ nuôi trồng, đánh bắt cá cơm, các cơ sở sản xuất, chế biến, đóng gói, các cơ sở kinh doanh nước mắm Phú Quốc phải kê khai, báo cáo tình hình cho Ban Kiểm soát.

✓ *Hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng làm cơ sở trao quyền sử dụng* chỉ dẫn địa lý Phú Quốc cho các lô hàng đạt yêu cầu được Ban Kiểm soát thực hiện thông qua cấp Giấy chứng nhận nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc.

Để được cấp Giấy chứng nhận nước mắm Phú Quốc, chủ lô hàng phải điền đầy đủ và nộp cho Ban Kiểm soát Giấy đăng ký kiểm tra, chứng nhận nước mắm Phú Quốc theo mẫu TGXX/NM-05 BTS do Bộ Thủy sản ban hành (xem Phụ lục 4). Ban Kiểm soát xem xét hồ sơ khai báo về sản xuất kinh doanh nước mắm, kiểm tra việc tuân thủ Quy định về sản xuất nước mắm Phú Quốc của cơ sở sản xuất kinh doanh của chủ lô hàng, kiểm tra số lượng nước mắm đóng gói thực tế, lấy mẫu sản

phẩm trong lô hàng đánh giá các chỉ tiêu cảm quan, hoá học và vi sinh của lô hàng theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Thủy sản. Việc đánh giá cảm quan cho lô hàng cũng thường được tiến hành với sự tham gia của một nhóm các nhà sản xuất, kinh doanh nước mắm có kinh nghiệm trong Hiệp hội sản xuất nước mắm Phú Quốc. Điều này cũng có thể đem đến những kết quả đánh giá không khách quan nếu không được tổ chức một cách khéo léo và kiểm soát chặt chẽ.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được Giấy đăng ký kiểm tra, chứng nhận nước mắm Phú Quốc theo mẫu quy định, Ban kiểm soát thực hiện cấp Giấy chứng nhận nước mắm Phú Quốc cho lô hàng đạt yêu cầu; hoặc thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do bằng văn bản cho người đăng ký đối với các lô hàng không đạt yêu cầu. Giấy chứng nhận nước mắm Phú Quốc được cấp 01 bản chính để giao cho các cơ sở bán sỉ/đại lý và 01 bản sao để lưu tại cơ sở đóng gói; số bản sao khác sẽ được chủ cơ sở bán sỉ/đại lý ký, đóng dấu xác nhận để chuyển cho chủ cơ sở bán lẻ kèm theo hoá đơn bán hàng.

➤ Có thể nói, hoạt động kiểm tra chất lượng và cấp Giấy chứng nhận cho các lô hàng đạt yêu cầu trong mô hình này được tổ chức tương đối hợp lý. Vậy tại sao trên thị trường vẫn tràn ngập các loại nước mắm không đạt tiêu chuẩn mang tên gọi Nước mắm Phú Quốc. Câu trả lời có thể một phần nằm ở chỗ hiệu quả các hoạt động kiểm soát khác như khâu theo dõi hiện trạng sản xuất không có hiệu quả cao, mà nguyên nhân sâu xa là do không có được cơ cấu tổ chức mô hình hợp lý, cộng với việc chưa chú trọng xây dựng, phát triển tem chứng nhận chất lượng có thể tạo cơ hội cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh trà trộn hàng kém chất lượng vào những lô hàng đã được chứng nhận. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm soát các sản phẩm lưu thông trên thị trường mới được thắt chặt thời gian gần đây cũng chưa cho thấy hiệu quả cao là một phần nguyên nhân dẫn đến thực trạng này.

✓ *Hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm lưu thông trên thị trường đối với Nước mắm Phú Quốc có sự tham gia của nhiều đơn vị khác như: Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản; Thanh tra chuyên ngành thủy sản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phối hợp với các cơ quan Quản lý thị trường, Thanh tra chuyên ngành y tế, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các*

lực lượng có chức năng khác kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm về chất lượng nước mắm Phú Quốc.

Tuy nhiên, việc chưa xây dựng được hệ thống tem, nhãn, bao bì, tem chứng nhận chất lượng gây nhiều khó khăn trong quá trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nhiều trường hợp vi phạm không được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh dẫn đến tình trạng xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý Phú Quốc cho sản phẩm nước mắm vẫn còn nhiều. Tình trạng hàng giả, hàng nhái nước mắm Phú Quốc phổ biến trên thị trường trong và ngoài nước vẫn còn là một bài toán khó đối với các cơ quan quản lý cũng các tổ chức tập thể, các hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm.

• *Một số mô hình, nhờ có cơ cấu tổ chức hợp lý và được sự đầu tư chú trọng thích đáng đã triển khai các hoạt động kiểm soát chất lượng tương đối đầy đủ, toàn diện và phát huy được hiệu quả.*

Các hoạt động kiểm soát được thực hiện tương đối toàn diện cả hai mặt kiểm soát nội bộ và kiểm soát từ bên ngoài, đầy đủ từ theo dõi hiện trạng canh tác, sản xuất sản phẩm đến kiểm tra chất lượng lô sản phẩm cụ thể làm cơ sở trao quyền sử dụng CDĐL và kiểm soát các sản phẩm mang CDĐL lưu thông trên thị trường. Đặc biệt, một số mô hình đã xây dựng hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm thống nhất, đồng thời tiến hành cấp, quản lý lượng tem, nhãn, bao bì đã cấp đóng vai trò quan trọng trong quy trình kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang CDĐL. Các quy trình này hỗ trợ, bổ sung và phối hợp nhịp nhàng với nhau nhằm đem lại hiệu quả kiểm soát cao. Chúng ta cùng nghiên cứu cách thức mà các hoạt động kiểm soát đã được tiến hành một cách khoa học trong **Mô hình kiểm soát chất lượng đối với Hoa hồi Lạng Sơn**. Gồm 4 hoạt động cụ thể sau:

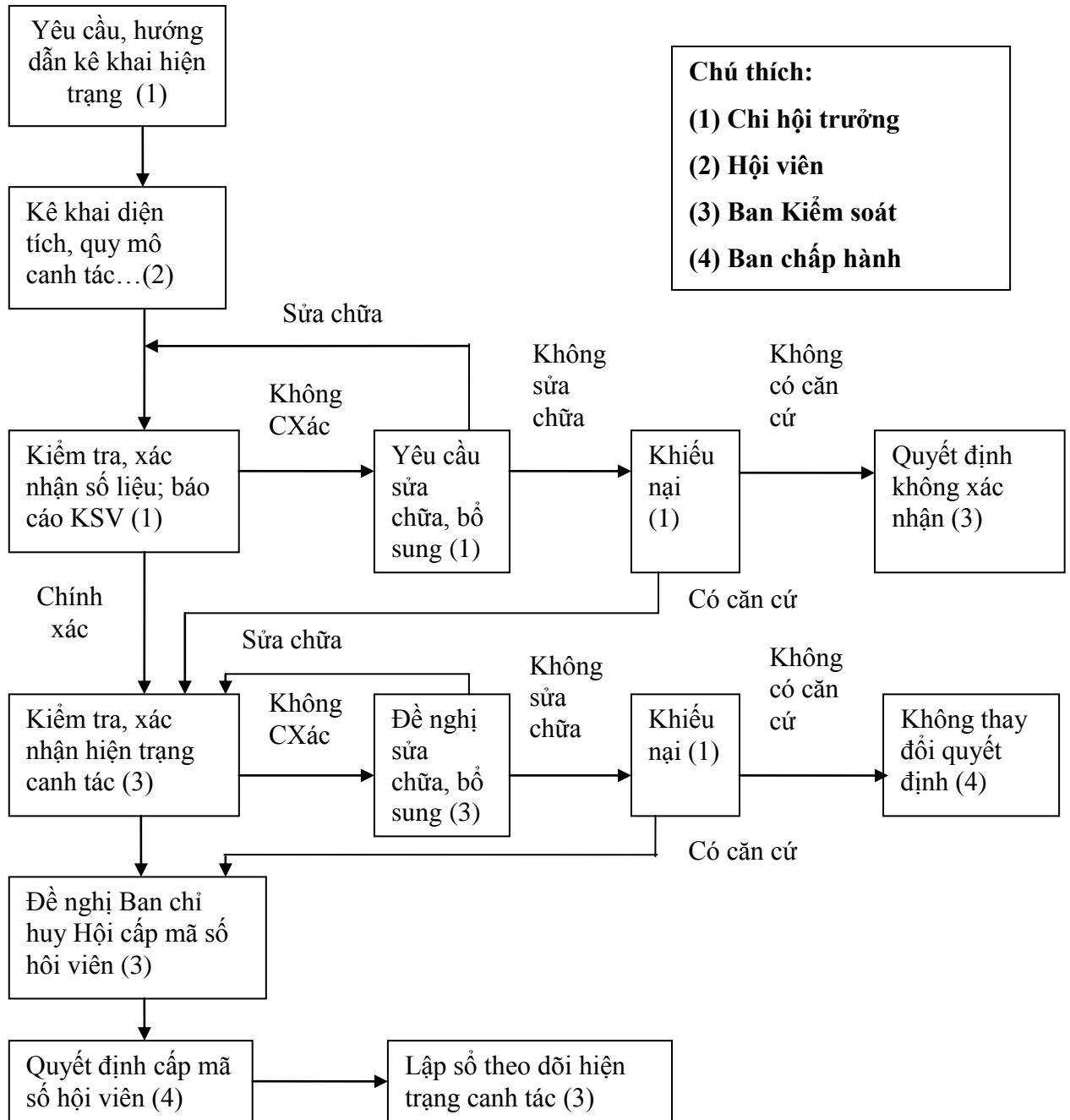
(i) Kiểm soát hiện trạng canh tác, sản xuất sản phẩm:

Do Hội sản xuất, kinh doanh Hồi Lạng Sơn thực hiện.

Các nội dung kiểm soát gồm có: Kiểm tra tình hình hoạt động thực tế của các nhà sản xuất, kinh doanh (địa điểm, diện tích, sản lượng, quy mô, năng lực sản xuất..); Theo dõi việc áp dụng các quy định về kỹ thuật canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản, sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý theo đúng Quy trình kỹ thuật đã được công bố một cách rộng rãi nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Quy trình kiểm soát hiện trạng canh tác, sản xuất Hoa hồi Lạng Sơn được tiến hành một cách khoa học từ: hướng dẫn kê khai, kê khai, xác nhận số liệu, kiểm tra thực tế đến cấp mã số hội viên và lập sổ theo dõi hiện trạng canh tác, sản xuất. Quy trình cụ thể được thể hiện ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Quy trình kiểm soát hiện trạng canh tác, sản xuất sản phẩm
(Nguồn: Ipsard.gov.vn)



(ii) Kiểm soát việc cấp và sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm:

Do Hội sản xuất và kinh doanh Hội Lạng Sơn thực hiện dưới sự giám sát, kiểm tra trực tiếp của Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Cơ quan Kiểm soát chất lượng).

Mục đích của quy trình này là nhằm cấp số lượng tem, nhãn, bao bì tương ứng với số lượng sản phẩm và đảm bảo tem, nhãn, bao bì sản phẩm chỉ được sử dụng cho những sản phẩm đáp ứng các điều kiện đặc thù về cảm quan và chất lượng. Từ đó tạo cơ sở quan trọng để xác định, truy xuất nguồn gốc sản phẩm- một nhân tố quan trọng đem lại hiệu quả cho công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm mang CDDL.

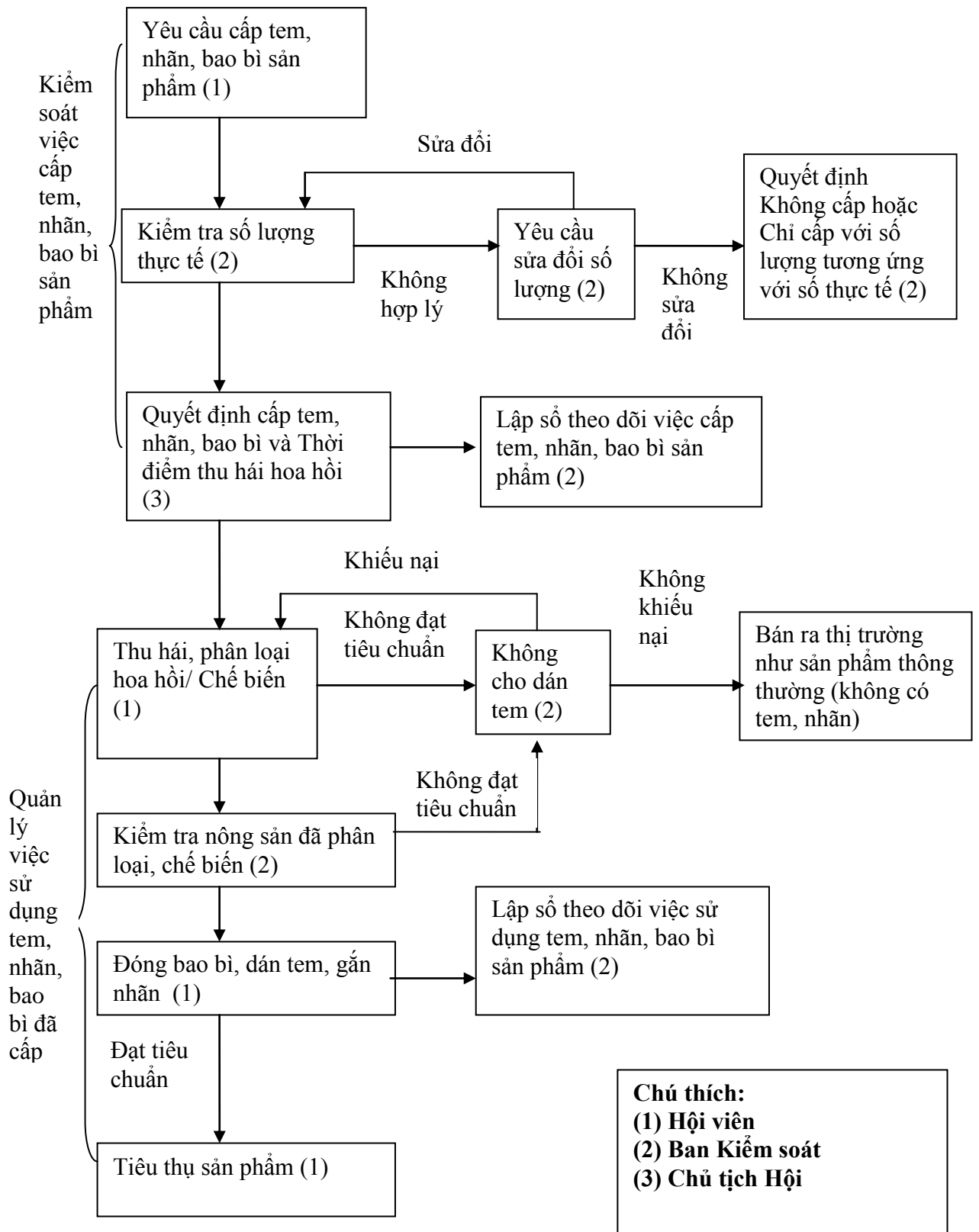
Quy trình này gồm có 2 nội dung cơ bản: Kiểm soát việc cấp tem, nhãn, bao bì và Quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì đã được cấp cho các sản phẩm hoa hồi đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Trong đó, Kiểm soát việc cấp tem, nhãn, bao bì gồm có các hoạt động: Xem xét yêu cầu xin cấp tem, nhãn, bao bì sản phẩm của các hội viên; Kiểm tra số lượng canh tác thực tế; Quyết định cấp tem, nhãn, bao bì với số lượng phù hợp và Lập sổ theo dõi. Quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm thì gồm có các hoạt động như: Theo dõi, kiểm tra việc thu hái, phân loại, chế biến hoa hồi; Gắn tem, dán nhãn, đóng bao bì cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng để lưu thông ra thị trường và Lập sổ theo dõi việc sử dụng lượng tem, nhãn, bao bì này.

Sơ đồ cụ thể của quy trình như sau:

Sơ đồ 2.4: Quy trình kiểm soát việc cấp và sử dụng tem, nhãn, bao bì

(Nguồn: Ipsard.gov.vn)



(iii) Kiểm tra chất lượng và trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Lạng Sơn cho các sản phẩm hoa hồi đạt tiêu chuẩn:

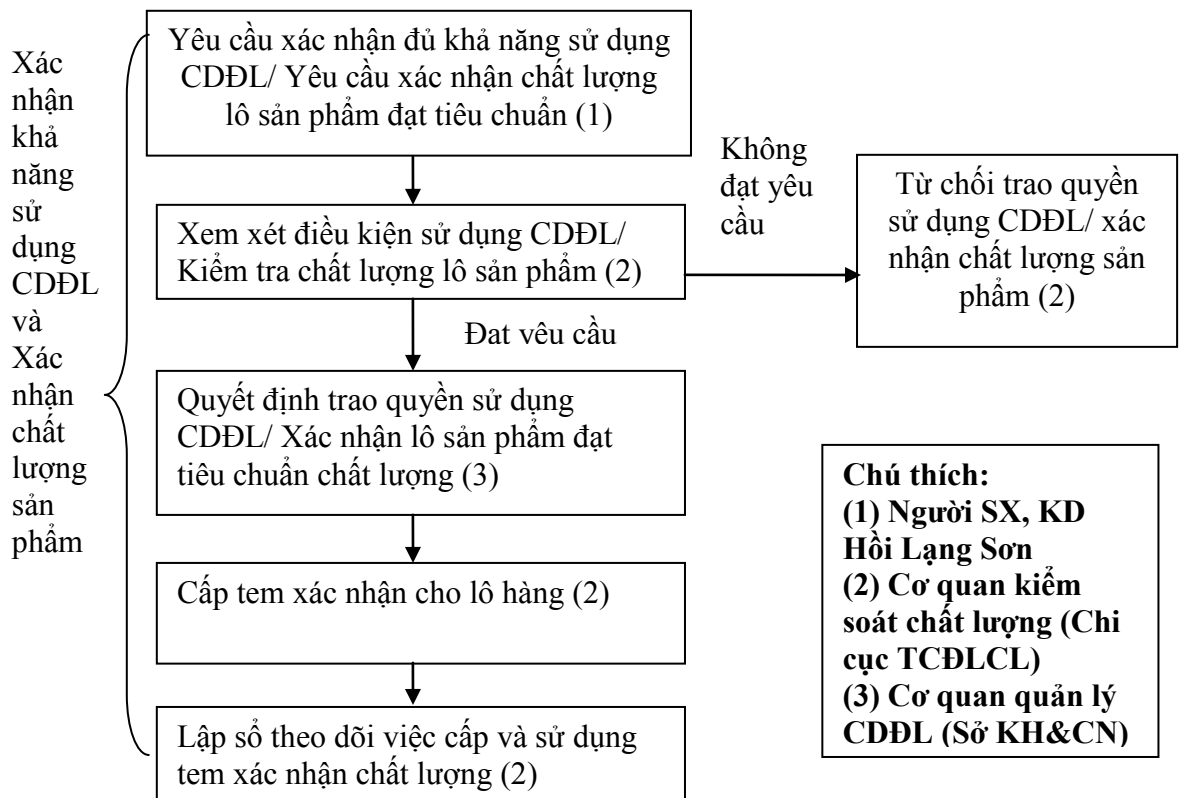
Do Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý (Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn) và Cơ quan Kiểm soát chất lượng (Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng) chủ trì tiến hành.

Các nội dung cụ thể gồm có: Xem xét điều kiện sử dụng CDDL của hộ sản xuất, kinh doanh; Kiểm tra chất lượng lô sản phẩm hoa hồi được yêu cầu chứng nhận chất lượng; Cấp tem xác nhận chất lượng cho lô hàng đạt yêu cầu và Lập sổ theo dõi việc cấp và sử dụng tem xác nhận chất lượng.

Quy trình cụ thể được mô tả ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5: Quy trình kiểm tra chất lượng, trao quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý

Hoa hồi Lạng Sơn
(Nguồn: Ipsard.gov.vn)



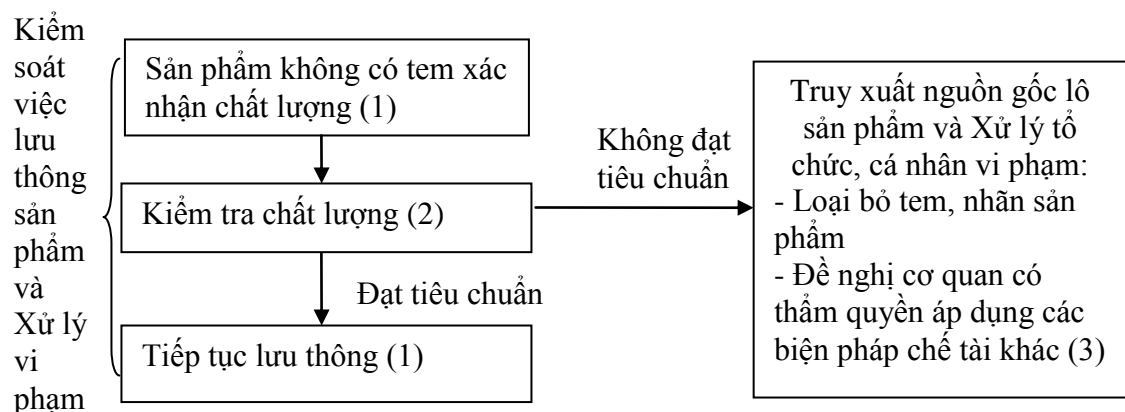
(iv) Kiểm soát các sản phẩm mang CDDL Hoa hồi Lạng Sơn lưu thông trên thị trường:

Do Cơ quan quản lý CDDL (Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn) và Cơ quan Kiểm soát chất lượng (Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng) chủ trì tiến hành, với sự phối hợp của các cơ quan chức năng khác của Nhà nước như các đơn vị quản lý thị trường, thanh tra kinh tế...Gồm có các hoạt động kiểm tra chất lượng các sản phẩm không có tem xác nhận chất lượng, phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm chất lượng, truy xuất nguồn gốc lô hàng và đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Quy trình cụ thể được minh họa bởi sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.6. Quy trình kiểm soát các sản phẩm lưu thông trên thị trường

(Nguồn: Ipsard.gov.vn)



Chú thích:
(1) Người SX, KD
Hồi Lạng Sơn
(2) Cơ quan kiểm
soát chất lượng (Chi
cục TCDLCL)
(3) Cơ quan quản lý
CDDL (Sở KH&CN)

Mô hình kiểm soát chất lượng đối với Hoa hồi Lạng Sơn là một trong số ít các mô hình thực hiện tương đối có hiệu quả các hoạt động kiểm soát nhờ có một cơ cấu tổ chức hợp lý và phương thức hoạt động khoa học. Tuy nhiên, để mô hình có thể phát huy hiệu quả hơn nữa, đặc biệt là khi sản phẩm Hoa hồi Lạng Sơn có được

chỗ đứng, thương hiệu cao hơn trên thị trường thì các hoạt động này vẫn cần được thắt chặt và đặt dưới sự giám sát thường xuyên hơn của các cơ quan chức năng. Đặc biệt khi thị trường cho sản phẩm được mở rộng, hoạt động kiểm soát sản phẩm lưu thông trên thị trường cần có sự tham gia sâu hơn và phối hợp nhịp nhàng của nhiều đơn vị chức năng như đơn vị quản lý thị trường, công an kinh tế, thanh tra kinh tế của các tỉnh thành trên cả nước.

Nhìn chung, về khía cạnh pháp luật, trong những năm vừa qua nước ta đã xây dựng được hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và CDĐL nói riêng tương đối hoàn chỉnh, toàn diện. Tuy nhiên một số quy định của pháp luật hiện hành về CDĐL còn nhiều bất cập, hạn chế, công tác kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL hiện vẫn chưa được luật hoá hay hướng dẫn một cách cụ thể trong các văn bản có tính pháp lý, ngoài một số ít những quy định chung chung như chủ thể chịu trách nhiệm quản lý đối với CDĐL...

Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam cũng đang được kiểm soát chất lượng trong các mô hình do địa phương quản lý. Tuy nhiên, nhiều mô hình đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Cơ cấu tổ chức nhiều mô hình tỏ ra bất hợp lý, đa phần còn tương đối đơn giản, lỏng lẻo trong khi một số khác lại lộn xộn, chông chéo. Phần lớn các mô hình chưa thiết lập và quản lý tốt hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm thống nhất, chưa xây dựng tem xác nhận chất lượng chuẩn cho sản phẩm mang CDĐL. Ở một số mô hình, các hoạt động kiểm soát chưa thật sự đầy đủ, chặt chẽ. Đặc biệt vai trò của các Tổ chức tập thể, Hiệp hội ngành hàng trong việc kiểm soát nội bộ ở nhiều mô hình còn mờ nhạt.

Chính những hạn chế này làm cho hiệu quả kiểm soát chất lượng nhìn chung chưa cao; tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý còn phổ biến.

Để việc bảo hộ CDĐL thực sự phát huy các hiệu quả kinh tế- xã hội, đặc biệt là trong việc ngăn ngừa tình trạng hàng giả, hàng nhái, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao thương hiệu hàng hoá Việt Nam trên trường quốc tế thì những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL là rất cần thiết.

Chương 3: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁC CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CỦA VIỆT NAM

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về chỉ dẫn địa lý nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý nói riêng

Như đã trình bày trong những nội dung trước, hệ thống văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung, chỉ dẫn địa lý và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý nói riêng còn nhiều bất cập, thiếu sót, cần được hoàn thiện.

Nhiều quy định về chỉ dẫn địa lý cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp, bao quát hết các trường hợp trong thực tiễn như: vấn đề công nhận bảo hộ cho chỉ dẫn địa lý là tên địa danh đã biến mất trên bản đồ; những quy định bổ sung khi chỉ dẫn địa lý là hình ảnh, biểu tượng; các văn bản hướng dẫn cụ thể trong các trường hợp xung đột giữa Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu hàng hoá; đặc biệt, trong các trường hợp điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, quy mô sản xuất tại địa phương còn chưa đáp ứng các yêu cầu để bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý, Nhà nước và các cơ quan chức năng cần có những định hướng, chỉ dẫn bảo hộ sản phẩm dưới hình thức khác phù hợp hơn ...

Các văn bản luật hiện hành cũng mới chỉ đề cập đến thẩm quyền quản lý chỉ dẫn địa lý (Luật Sở hữu trí tuệ 2005) hay việc kiểm soát chất lượng đối với hàng hoá thông thường (Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá 2007), trong khi kiểm soát chỉ dẫn địa lý là rất quan trọng và gồm nhiều phạm trù hơn so với các loại hàng hoá khác thì lại chưa được đề cập đến. Chính điều này là một nguyên nhân quan trọng khiến cho công tác kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam thời gian qua diễn ra lộn xộn, khó quản lý. Nhằm đảm bảo việc kiểm soát chất lượng được thực hiện thống nhất, có hiệu quả pháp lý cao đối với tất cả các chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ, cũng như làm tiền đề cho những chỉ dẫn địa lý sẽ được Nhà nước công nhận, *những quy định về kiểm soát chất lượng làm căn cứ trao quyền sử dụng đối với chỉ dẫn địa lý rất cần được đưa vào luật.* Những vấn đề cần được xây dựng như: khái niệm, nội dung quản lý, kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý;

cơ cấu hệ thống kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý; cơ quan có thẩm quyền trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; đơn vị xây dựng, phê duyệt, ban hành những văn bản phục vụ quá trình kiểm soát (Tiêu chuẩn chất lượng, Quy trình kỹ thuật...);...Những chế tài xử lý vi phạm trong quá trình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý cũng cần được quy định cụ thể, mức xử phạt có thể được quy định nặng hơn để đảm bảo công tác kiểm soát được thực thi nghiêm túc và có hiệu quả. Những trường hợp vi phạm quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý như sản xuất, lưu thông hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng mang chỉ dẫn địa lý cũng cần phải được xử lý nghiêm khắc, có tác dụng răn đe.

2. Hình thành cơ chế hỗ trợ của Nhà nước về kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý

Việc phát triển nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý nói riêng là rất phức tạp, đòi hỏi sự đầu tư lớn về công sức, trí tuệ, thời gian, kinh phí cũng như sự tham gia phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan, ban, ngành liên quan. Trong khi đó, các cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý ở địa phương hiện chưa có nhiều kinh nghiệm. Việc hình thành các tổ chức tập thể của các nhà sản xuất, kinh doanh và thực hiện việc kiểm soát nội bộ là một vấn đề mới đối với đa số người dân, đặc biệt là nông dân Việt Nam. Cơ sở vật chất, kỹ thuật thiếu thốn cũng là một khó khăn lớn. Do đó, vai trò của Nhà nước trong việc định hướng, hỗ trợ các tổ chức địa phương thực hiện kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý là rất quan trọng trong thời điểm hiện nay. Nhà nước có thể thực hiện việc hỗ trợ thông qua các cơ chế, hoạt động cụ thể sau:

➤ *Nhà nước cần có cơ chế thông thoáng để tạo điều kiện và khuyến khích thành lập các hiệp hội ngành nghề sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, bởi vai trò của các tổ chức này trong mô hình kiểm soát chất lượng là cực kỳ quan trọng. Kinh nghiệm của các nước phát triển cho thấy khi việc kiểm soát nội bộ bởi các tổ chức tập thể đại diện cho quyền lợi của nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được thực hiện tốt thì quá trình kiểm soát chất lượng các sản phẩm lưu thông trên thị trường sẽ đơn giản hơn rất nhiều.*

➤ Có thể thấy hiện nay chính quyền các địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý đang tỏ ra khá bối rối, thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý chỉ dẫn địa lý nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nói riêng. Các tổ chức tập thể, Hiệp hội ngành hàng đại diện cho các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mới được thành lập trong vài năm gần đây và còn gặp nhiều khó khăn về cơ cấu tổ chức, điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực,... cũng chưa cho thấy vai trò tích cực, chủ động trong việc kiểm soát chất lượng. Chính vì vậy, để định hướng cho công tác kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam tại mỗi địa phương, *Nhà nước cần đầu tư nghiên cứu, xây dựng những mô hình chuẩn* áp dụng đối với một vài chỉ dẫn địa lý cụ thể, sau đó sẽ tiến hành hướng dẫn, hỗ trợ hình thành những mô hình tương tự phù hợp với điều kiện của từng địa phương, mặt hàng mang chỉ dẫn địa lý khác.

➤ Thành lập **Hội đồng quốc gia về chỉ dẫn địa lý** sẽ có thể là một phương án cần thiết đối với sự phát triển các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, cũng như có tác dụng hỗ trợ hiệu quả cho các mô hình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại các địa phương.

Hội đồng này có thể được thành lập dưới sự chủ trì của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, cùng với sự phối hợp của các bộ, ban, ngành khác như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Thương mại, Bộ Văn hoá - Thông tin, đơn vị quản lý thị trường... Hội đồng quốc gia về chỉ dẫn địa lý sẽ là tổ chức hoạt động với mục đích phát triển các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, thực hiện các công việc như: hướng dẫn các địa phương trong quá trình đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý; kết hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về chỉ dẫn địa lý và tầm quan trọng của việc đăng ký bảo hộ, quản lý và kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý; kết hợp với Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,..xúc tiến các hoạt động quảng bá trong và ngoài nước cho các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam...

Trong vấn đề kiểm soát chất lượng, Hội đồng quốc gia về chỉ dẫn địa lý là đơn vị tư vấn về chuyên môn, hỗ trợ về kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật đồng thời giám sát các cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý địa phương tiến hành tổ chức các mô

hình kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý dựa trên tình hình cụ thể tại từng địa phương.

➤ *Nhà nước cũng cần hỗ trợ các Hiệp hội, ngành hàng, tổ chức tập thể đại diện quyền lợi của các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý quảng bá và bảo hộ chỉ dẫn địa lý trên trường quốc tế:* Nhà nước- chủ sở hữu đối với chỉ dẫn địa lý- là chủ thể duy nhất có đủ tư cách đứng ra đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý trên trường quốc tế. Bởi vậy, Chính phủ Việt Nam cần thúc đẩy việc tham gia các cơ chế quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, ký kết các hiệp định song phương, đa phương về bảo hộ chỉ dẫn địa lý cũng như các đối tượng sở hữu trí tuệ khác; đồng thời giúp đỡ các tổ chức tập thể đăng ký bảo hộ, quảng bá chỉ dẫn địa lý tại thị trường khu vực, thị trường châu Âu, Mỹ... Điều này không chỉ đem lại cơ chế bảo hộ toàn diện, rộng rãi hơn, nhằm chống lại các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với CDĐL- một tài sản quốc gia, ngăn ngừa hàng giả, hàng nhái... mà còn có ý nghĩa quan trọng đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển kinh tế, đồng thời góp phần đưa thương hiệu Việt Nam vươn ra thế giới.

3. Những đề xuất trong việc xây dựng, nâng cao hiệu quả các mô hình kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý

- *Xây dựng mô hình kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý:* Để xây dựng một mô hình kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý, chính quyền và người dân địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý cần chuẩn bị các điều kiện về tổ chức và cơ sở pháp lý cho hoạt động của mô hình:

Đầu tiên là chuẩn bị các điều kiện về tổ chức: Bộ máy tổ chức để thực hiện việc kiểm soát chất lượng làm căn cứ trao quyền sử dụng đối với chỉ dẫn địa lý cần phải được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo có đủ khả năng thực hiện chức năng này. Các cơ quan tham gia thực hiện việc kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý gồm:

(i) Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho cơ quan giúp việc của mình (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn...) đảm nhận vai trò quản lý chung đối với chỉ dẫn địa lý.

(ii) Cơ quan chuyên môn (Cơ quan kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý): phải là một tổ chức có khả năng đánh giá, xác nhận các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý (kiểm soát nguồn gốc sản phẩm, chất lượng nguyên liệu, quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý) và đảm bảo tính khách quan trong hoạt động (không trực thuộc tổ chức tập thể của các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm, không trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm...). Cơ cấu tổ chức, hoạt động của cơ quan Kiểm soát chất lượng cũng cần tuân theo một quy chế chặt chẽ, có hiệu lực pháp lý cao và được đặt dưới sự giám sát của Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý cũng như các cơ quan chức năng khác của Nhà nước.

(iii) Tổ chức tập thể thực hiện việc kiểm soát nội bộ: là tổ chức đại diện cho quyền lợi của các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, được xây dựng trên cơ sở sự đồng thuận của các thành viên và sự hướng dẫn, khuyến khích của các cơ quan Nhà nước. Để thực hiện được nhiệm vụ kiểm soát nội bộ, tổ chức tạo thể phải có cơ cấu chặt chẽ, điều lệ cụ thể, hoạt động dưới sự giám sát của cơ quan chuyên môn. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức tập thể cần có bộ phận chuyên thực hiện các hoạt động kiểm soát nội bộ (các nhân viên kiểm soát), có thể được chia thành nhiều chi hội nhỏ nhằm hướng dẫn, theo dõi và quản lý các hội viên một cách có hiệu quả (có thể tham khảo mô hình cơ cấu tổ chức Hiệp hội sản xuất, kinh doanh Hội Lạng Sơn được trình bày trong Chương 2). Các hội viên ngoài việc được trang bị kiến thức chuyên môn phục vụ việc sản xuất, chế biến sản phẩm còn cần được nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa của công tác kiểm soát chất lượng đối với các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai là chuẩn bị các điều kiện về cơ sở pháp lý cho hoạt động của mô hình kiểm soát chất lượng: Chỉ dẫn địa lý, sau khi được Nhà nước công nhận bảo hộ, sẽ được quản lý bởi các cơ quan chức năng tại địa phương. Có thể nói, thiết lập một mô hình kiểm soát chất lượng chặt chẽ là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý CDDL, nhằm mục đích cuối cùng là trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm sản xuất tại địa phương và đạt các yêu cầu về chất lượng, đặc tính... Mô hình kiểm soát chất lượng để có thể đi vào hoạt động cần chuẩn bị các điều kiện về cơ sở pháp lý, mà trước tiên là một văn bản quy định trình tự, thủ tục

trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (có thể coi như quy chế điều chỉnh hoạt động của các chủ thể tham gia mô hình kiểm soát chất lượng).

Văn bản này cần được xây dựng, ban hành bởi một cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (thường là Ủy ban nhân dân tỉnh) nhằm đạt hiệu lực pháp lý cao. Các quy định cần nghiên cứu, xây dựng trong văn bản này (có thể gọi là Quy chế trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý) bao gồm:

- Điều kiện được sử dụng chỉ dẫn địa lý: được tổng hợp và xây dựng trên cơ sở các thông tin đã được công nhận trong Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, các quy định về sản phẩm đã được ban hành và kinh nghiệm thực tiễn của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm như: điều kiện về địa điểm canh tác, sản xuất, chế biến sản phẩm; nguyên liệu; cơ sở sản xuất; quy trình canh tác, sản xuất; các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm; hệ thống tem, nhãn, bao bì, tem xác nhận chất lượng sản phẩm...

- Cơ quan có chức năng, thẩm quyền xem xét trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý: Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý (Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan do Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý: văn bản do Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý cấp, trong đó xác nhận các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý (tên, địa chỉ...), thời hạn sử dụng chỉ dẫn địa lý; loại sản phẩm và yêu cầu đối với sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý...;

- Đơn yêu cầu trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý: Đơn yêu cầu trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý nên được làm theo mẫu quy định, trong đó có các thông tin cần thiết để xác định và đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý của người nộp đơn, cụ thể là: Thông tin về người nộp đơn (tên, địa chỉ...); vị trí, địa điểm canh tác, sản xuất; quy mô canh tác, sản xuất; quy trình canh tác, sản xuất được áp dụng; các chỉ tiêu của sản phẩm (hình thái, chất lượng, bao bì...); cơ chế kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được người nộp đơn áp dụng... Đơn phải được nộp kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền (Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm - nếu người nộp đơn là thành viên hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu người nộp đơn không tham gia tổ chức tập thể) xác nhận người nộp đơn có khả năng đáp ứng các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý;

- Thủ tục xem xét đơn, trao/từ chối trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý: nội dung công việc, người và thời gian thực hiện; các quyết định liên quan...

- Thủ tục kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý; gia hạn/thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý: nội dung công việc, người và thời gian thực hiện; các quyết định liên quan...;

- Phí, lệ phí liên quan đến thủ tục xem xét đơn, kiểm tra, trao, gia hạn, thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Bên cạnh quy chế này, các văn bản trực tiếp điều chỉnh quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm như Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Quy trình canh tác, chế biến, sản xuất sản phẩm... cũng cần được xây dựng, phê duyệt, công bố rộng rãi bởi các cơ quan có thẩm quyền (có thể là Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý hay Cơ quan Kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý). Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, các cơ quan chức năng cũng có thể ban hành thêm các quy định điều chỉnh các chủ thể tham gia mô hình kiểm soát.

Trong quá trình chuẩn bị các văn bản làm cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động của mô hình kiểm soát chất lượng, các cơ quan quản lý ở địa phương (Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân huyện...), Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm cũng như cá nhân mỗi nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm cần phải được tham gia xây dựng, bàn bạc hoặc góp ý cho các quy định, quy trình trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý trước khi chúng được trình ban hành hoặc phê duyệt cho áp dụng.

Đặc biệt, việc xây dựng hệ thống tem, nhãn, bao bì, tem chứng nhận chất lượng sản phẩm thống nhất có ý nghĩa quan trọng nâng cao hiệu quả của công tác kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý và góp phần quảng bá sản phẩm. Hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm sau khi được cấp cho các hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm cần được theo dõi, quản lý chặt chẽ bởi Tổ chức tập thể, Cơ quan Kiểm soát chất lượng. Tem chứng nhận chất lượng chỉ được cấp bởi Cơ quan Kiểm soát chất lượng cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn.

- ***Phân chia vai trò của các cơ quan, tổ chức tham gia mô hình kiểm soát chất lượng một cách phù hợp, chú trọng nâng cao vai trò của các tổ chức tập thể, hiệp hội ngành hàng...***

Để thực hiện được điều này, *trước tiên cần xác định các điều kiện sử dụng CDĐL* thông qua kiểm tra theo các điều kiện đã được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL, *sau đó tiến hành phân loại các điều kiện này dựa trên: mức độ quyết định đối với chất lượng sản phẩm; khả năng kiểm soát, đánh giá với mức chi phí không quá tốn kém và phù hợp với khả năng thực tế của cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra.*

Trách nhiệm kiểm soát đối với *các điều kiện này sẽ được phân chia* cho Cơ quan kiểm soát chất lượng sản phẩm và Tổ chức tập thể trên cơ sở:

- + Các điều kiện đóng vai trò quyết định chất lượng sản phẩm mà Cơ quan kiểm soát chất lượng có khả năng (trực tiếp hoặc thuê chuyên gia) kiểm tra, đánh giá được, như: các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý được quy định trong Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý của chủ thể sản xuất, kinh doanh sản phẩm; các tiêu chí chất lượng sản phẩm để cấp tem chứng nhận chất lượng cho lô hàng cụ thể... sẽ là các điều kiện bắt buộc cơ quan này thực hiện kiểm tra, đánh giá. Kết quả kiểm tra sẽ được dùng làm cơ sở cho Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý quyết định duy trì hoặc thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

- + Các điều kiện khác đòi hỏi việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, như: hiện trạng canh tác; quá trình sản xuất, chế biến sản phẩm; số lượng sản phẩm sản xuất ra; số lượng tem, nhãn, bao bì sản phẩm được cấp và sử dụng... sẽ do Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm tổ chức kiểm tra, đánh giá theo cơ chế kiểm soát lẫn nhau giữa các thành viên. Kết quả kiểm tra, đánh giá của Tổ chức này có thể dùng để kết nạp, huỷ bỏ tư cách hội viên và là căn cứ để yêu cầu Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

- ***Tiến hành từng bước với quy mô thí điểm áp dụng cho một khu vực nhỏ thuộc vùng CDĐL, sau đó mở rộng dần áp dụng trên toàn vùng CDĐL:***

Xây dựng và đưa vào thực hiện mô hình kiểm soát cho cả khu vực tương ứng với chỉ dẫn địa lý đòi hỏi sự đầu tư lớn về cơ sở vật chất, kỹ thuật, con người mà

không phải địa phương nào cũng có thể nhanh chóng chuẩn bị được. Trong khi đó, mô hình kiểm soát chất lượng rất có thể bộc lộ nhiều khiếm khuyết khi áp dụng vào thực tiễn, một phần do hạn chế về trình độ quản lý, kinh nghiệm của chính quyền địa phương và đa số người dân sản xuất, kinh doanh sản phẩm trong vấn đề này. Vì vậy giải pháp hữu hiệu và phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương ở nước ta hiện nay là áp dụng thí điểm cho một vùng nhỏ, trên cơ sở tổng kết, đánh giá, rút ra những kinh nghiệm để mở rộng trên phạm vi toàn khu vực.

- ***Tiến hành trao quyền theo trình tự tiên cấp - hậu kiểm:***

Để được sử dụng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm mình làm ra, các hộ sản xuất, kinh doanh phải lập và nộp Đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, sau đó đợi kết quả kiểm tra, xác thực thông tin, đánh giá các điều kiện sử dụng của Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý. Sau khi được chứng nhận, các hộ sản xuất, kinh doanh chính thức được sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và được cấp, sử dụng tem, nhãn, bao bì sản phẩm. Trong điều kiện hệ thống kiểm soát chất lượng các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam hiện nay chỉ mới được hình thành, hay còn đang trong tình trạng lộn xộn thì việc thực hiện tuân thủ quá trình kiểm tra, xác thực các điều kiện rồi mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý có thể tốn nhiều thời gian, công sức, gây cản trở hay làm mất cơ hội kinh doanh và không có tác dụng khuyến khích các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực hiện hay tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm soát. Giải pháp tiên cấp-hậu kiểm có góp phần giải quyết tình trạng này mà vẫn có thể đảm bảo tính chặt chẽ, nghiêm túc của việc kiểm soát chất lượng. Cụ thể:

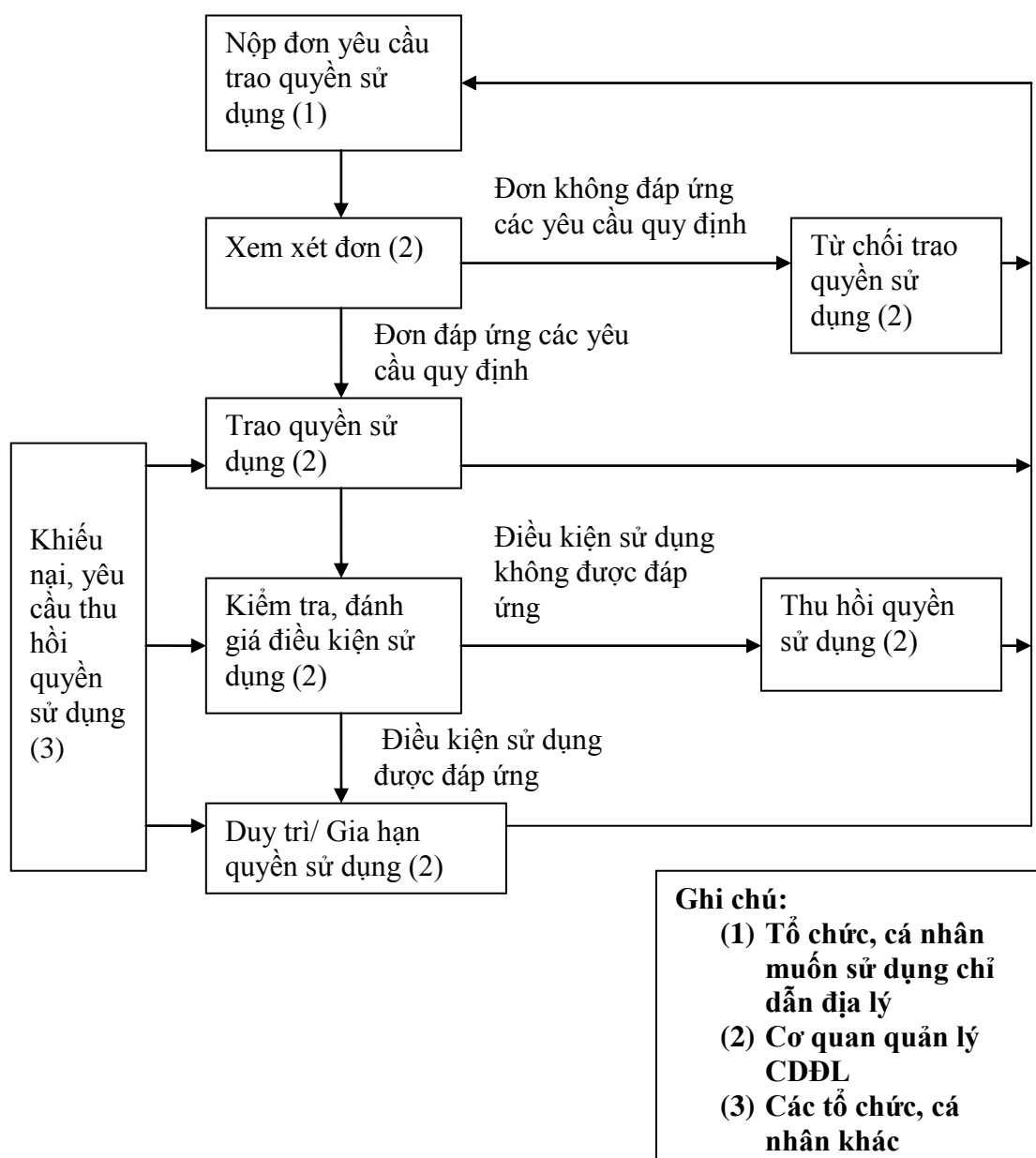
- + Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý có thể cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho người nộp đơn nếu Đơn yêu cầu đáp ứng các điều kiện quy định (mà không phải tiến hành thủ tục xem xét, kiểm tra tính xác thực của các thông tin nêu trong Đơn và đánh giá các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý của người nộp đơn).

- + Sau một thời hạn nhất định (6 tháng hoặc 1 năm tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý), hoặc theo khiếu nại, yêu cầu của bên thứ ba, Cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý tổ chức kiểm tra, đánh giá các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý của người được cấp Giấy chứng nhận. Theo kết quả kiểm tra này,

Giấy chứng nhận đã cấp có thể bị thu hồi nếu các điều kiện không được đáp ứng hoặc có các vi phạm về việc sử dụng chỉ dẫn địa lý; Hoặc được gia hạn với thời hạn nhất định (có thể là 5 năm) nếu đáp ứng các điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý. Việc gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý có thể được gia hạn nhiều lần (mỗi lần có thể là 5 năm) nếu không có các căn cứ để thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Sơ đồ quy trình trao, kiểm tra, thu hồi, gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý có thể như sau:

Sơ đồ 3.1: Quy trình trao, kiểm tra, thu hồi, gia hạn quyền sử dụng CDDL



- ***Phối hợp với các cơ quan chức năng Nhà nước thực hiện việc kiểm soát chất lượng các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý lưu thông trên thị trường:***

Thực hiện trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý thông qua cấp Giấy chứng nhận sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tem xác nhận chất lượng... mới chỉ là một phần quá trình kiểm soát nhằm đảm bảo uy tín, chất lượng của chỉ dẫn địa lý. Các cơ quan quản lý, kiểm soát chỉ dẫn địa lý cần phải phối hợp chặt chẽ hơn với các sở, ban ngành chức năng khác trong việc kiểm soát quá trình lưu thông sản phẩm, chống hàng giả, hàng nhái lưu hành trên thị trường.

Để thực hiện được điều này, hàng tháng cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý có thể gửi thông báo bằng văn bản cho các Sở ban ngành liên quan (Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn...), Tổng cục Hải quan, Thanh tra chuyên ngành, Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về số lượng, chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được chứng nhận, cùng tên cơ sở tương ứng đã được cấp Giấy chứng nhận đã chuyển đến lưu thông trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hay đem xuất khẩu ra thị trường nước ngoài...

Các cơ quan này sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, phát hiện và có biện pháp kịp thời xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm. Các hình thức xử phạt có thể là thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, bãi miễn tư cách thành viên của tổ chức tập thể, xử phạt hành chính hay truy tố trách nhiệm dân sự, hình sự....

4. Bảo hộ một số CDDL thông qua nhãn hiệu chứng nhận

Như đã trình bày trong chương 1 của khoá luận, một địa danh dùng cho đặc sản địa phương (chính là một CDDL) có thể được bảo hộ bằng hình thức nhãn hiệu chứng nhận mà không ảnh hưởng đến quyền đăng ký bảo hộ dưới hình thức CDDL sau này. Tuy mức bảo hộ không cao bằng hình thức CDDL, tuy nhiên bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện thực tế ở nhiều địa phương trong cả nước, như: không đòi hỏi nhiều điều kiện khắt khe về trình độ chuyên môn và sự đầu tư lớn vào cơ sở vật chất kỹ thuật của các đối tượng tham gia mô hình kiểm soát; Thời gian xây dựng ngắn hơn trong khi đó, vẫn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chứng nhận về nguồn gốc xuất xứ hay chất lượng lô sản

phẩm. Trong khi đó, như đã trình bày trong phần Các bước đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở Chương 1, hình thức bảo hộ CDĐL đòi hỏi sự đầu tư lớn, phức tạp mà không phải địa phương nào cũng có khả năng đáp ứng. Khi quy mô sản xuất và chỗ đứng của sản phẩm trên thị trường trong nước được nâng cao đến một mức độ nhất định hay sản phẩm vươn ra tầm thế giới thì sẽ tiến hành đăng ký bảo hộ dưới hình thức chỉ dẫn địa lý.

Điều này không có nghĩa là các Tổ chức tập thể, Hiệp hội ngành hàng hay các đơn vị quản lý, kiểm soát không cần phải thành lập. Mô hình kiểm soát chất lượng vẫn cần được chính quyền địa phương xây dựng ở mức độ nhất định và hoạt động nhịp nhàng. Các Quy trình sản xuất, chế biến hay Tiêu chuẩn kỹ thuật vẫn cần được ban hành, công bố rộng rãi. Các hoạt động theo dõi, kiểm soát vẫn phải được tiến hành, đặc biệt, hoạt động kiểm soát nội bộ đối với hiện trạng canh tác, sản xuất cần được đẩy mạnh dưới sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

Muốn đẩy mạnh bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua nhãn hiệu chứng nhận, Nhà nước và chính quyền các địa phương cần tạo cơ chế thông thoáng, khuyến khích các tổ chức chứng nhận hay giám định thành lập; hỗ trợ về cơ sở vật chất, chuyên môn để các tổ chức này có thể đi vào hoạt động. Phương án tốt nhất có thể là khuyến khích thành lập các tổ chức này ngay tại địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý, với sự tham gia của các cán bộ kỹ thuật có trình độ và người dân địa phương có kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất, chế biến sản phẩm. Các tổ chức này cần có điều lệ, quy chế hoạt động chặt chẽ. Tem xác nhận chất lượng đối với từng chỉ dẫn địa lý của mỗi tổ chức chứng nhận cần được xây dựng và đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ, được quản lý một cách sát sao.

Mặt khác, các cơ quan chức năng địa phương cần thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ quan này, nhằm đảm bảo những kết quả chứng nhận là đúng, khách quan, trung thực.

Bên cạnh đó, như đã trình bày trong Chương 1, bảo hộ chỉ dẫn địa lý thông qua Nhãn hiệu chứng nhận có một số nhược điểm như: Chất lượng hay các đặc tính khác của sản phẩm do chủ nhãn hiệu chứng nhận đặt ra và áp dụng có thể sẽ không thể hiện được đúng, đầy đủ tính chất đặc thù của sản phẩm của địa phương. Hạn chế này có thể được khắc phục trong quá trình thành lập các tổ chức chứng nhận:

khuyến khích thành lập các tổ chức chứng nhận tại địa phương với các thành viên có trình độ, kinh nghiệm và hiểu biết về sản phẩm của địa phương; xét duyệt, kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm do tổ chức chứng nhận công bố.

5. Nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật và vấn đề kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý

Có thể nói, hiểu biết pháp luật của người dân Việt Nam còn tương đối thấp, đặc biệt đối với một lĩnh vực còn nhiều mới mẻ như sở hữu trí tuệ, các chế tài xử lý chưa thực sự chặt chẽ, không phát huy được tác dụng răn đe, nhiều trường hợp vi phạm chưa được xử lý thích đáng. Do đó, nhìn chung ý thức tuân thủ pháp luật chưa cao, các trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ còn phổ biến.

Bên cạnh đó, nhận thức về chỉ dẫn địa lý và các lĩnh vực liên quan còn thấp. Trong khi chỉ dẫn địa lý còn là một khái niệm mới mẻ thì khái niệm, nội dung, vai trò của kiểm soát chất lượng đối với các chỉ dẫn địa lý hầu như hoàn toàn xa lạ đối với đa số người dân Việt Nam, đặc biệt là các hộ nông dân.

Vì vậy, công tác giáo dục, tuyên truyền ý thức tuân thủ pháp luật nói chung và nâng cao nhận thức của chính quyền cũng như người dân địa phương về chỉ dẫn địa lý và kiểm soát chất lượng đối với chỉ dẫn địa lý là rất quan trọng. Đặc biệt, đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý- những người trực tiếp sử dụng chỉ dẫn địa lý đó- cần nhấn mạnh vai trò của hệ thống kiểm soát chất lượng, nhắc nhở họ không vì những lợi ích trước mắt mà làm tổn hại đến uy tín của chỉ dẫn địa lý, gây thiệt hại lâu dài. Hiện nay, các chủ thể sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý vẫn hoạt động theo kiểu "mạnh ai nấy chạy", không quan tâm sự phát triển chung, không có sự đồng thuận của tất cả những cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, gây khó khăn cho quá trình kiểm soát chất lượng. Chính vì vậy cần tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức và đặc biệt là khuyến khích các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tham gia vào các tổ chức tập thể, tích cực, chủ động trong quá trình kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, trước hết là vì lợi ích của chính họ.

KẾT LUẬN

Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn, đặc biệt là sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đang mở ra những vận hội mới cho hàng hoá Việt Nam có được chỗ đứng trên thị trường thế giới. Để tận dụng tốt những cơ hội này, hàng hoá Việt Nam cần gia tăng sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời phải đặc biệt chú trọng đến phát triển thương hiệu. Với những ưu điểm của mình, CDĐL tỏ ra là một hình thức tối ưu nhằm xây dựng và đẩy mạnh thương hiệu của hàng hoá ra ngoài biên giới quốc gia, đặc biệt là đối với một quốc gia có nhiều tiềm năng về đặc sản các vùng như nước ta. Để phát triển CDĐL thực sự mang lại hiệu quả thì công tác kiểm soát chất lượng đối với các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý là rất cần thiết.

Ý thức được điều này nên những năm gần đây, nước ta đã chú trọng xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh việc quản lý CDĐL, cũng như hình thành những mô hình kiểm soát chất lượng đối với một số CDĐL. Tuy nhiên, những quy định về CDĐL nói chung và vấn đề kiểm soát chất lượng nói riêng trong các văn bản pháp luật có những điểm thiếu sót, bất cập, các mô hình kiểm soát đang được áp dụng tại một số địa phương cũng tỏ ra hạn chế và chưa thực sự hiệu quả. Tình trạng vi phạm quyền CDĐL còn nhiều.

Với thực trạng trên, Đề tài đã đi sâu nghiên cứu và hệ thống hóa được những vấn đề pháp lý cơ bản về CDĐL, bảo hộ CDĐL và kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL; đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam về kiểm soát chất lượng đối với các CDĐL, nghiên cứu và tìm ra những ưu, nhược điểm của một số mô hình kiểm soát chất lượng các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đang được áp dụng, rồi từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như những định hướng xây dựng, nâng cao hiệu quả các mô hình kiểm soát chất lượng đối với CDĐL của Việt Nam.

Do kiến thức và kinh nghiệm của người viết còn hạn chế nên khoá luận không tránh khỏi có nhiều thiếu sót, mong được sự đóng góp của các thầy cô giáo và các bạn để khoá luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn Th.S Lê Thị Thu Hà đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành khoá luận.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bạch Thanh Bình, *Kinh nghiệm giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật. Bộ Tư pháp, Số 01/2007, tr. 31 – 34.
2. ThS. Nguyễn Bá Bình, *Sự giao thoa giữa các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp. Văn phòng Quốc hội, Số 10/2005, tr. 42 – 45.
3. Cục Sở hữu trí tuệ (2007), *Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với địa danh dùng cho đặc sản của địa phương*, Hà Nội.
4. Cục Sở hữu trí tuệ (2007), *Xây dựng hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý dùng cho nông sản*, Hà Nội.
5. Chu Thị Thu Hương, *Đánh giá yếu tố xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của hàng giả trong hoạt động của quản lý thị trường*, Luận văn thạc sĩ Luật học; Người hướng dẫn: TS. Trần Lê Hồng
6. Ths. Trần Thị Diệu Oanh, *Thuận lợi và khó khăn trong xây dựng cơ chế kiểm soát bảo hộ chỉ dẫn địa lí ở Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp. Văn phòng Quốc hội, Số 04 /2007, tr. 34 – 38
7. TS. Bùi Minh Thanh, *Tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và công tác đấu tranh phòng chống các loại tội này*, Tạp chí Kiểm sát. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Số 1/2006, tr. 40 – 44
8. ThS. Vũ Thị Hải Yến, *Các quy định của Hiệp định TRIPs về bảo hộ chỉ dẫn địa lí*, Tạp chí Luật học. Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 11/2006, tr. 58 – 65

Tiếng Anh

9. INTA, *Geographical Indication Protection System around the world, Special Report on Geographical*, Sep 1, 2003.
10. Dwijen Rangnekar, *The Socio-Economics of Geographical Indications: A Review of Empirical Evidence from Europe*, UNCTAD/ICTSD Building Project on Intellectual Property Rights and Sustainable Development, 2003.
11. Sabrina Lucatelli, *Appellations of Origin and Geographical Indications in OECD member countries: Economic and Legal Implications*, Programme of Work for 1999/2000, Committee for Agriculture

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Danh mục các địa danh được sử dụng cho đặc sản và tình trạng bảo hộ sở hữu trí tuệ

STT	Địa danh	Sản phẩm	Vùng địa lý tương ứng với địa danh	Đã được đăng ký bảo hộ SHTT			
				NH	NH TT	NH CN	CDDL
I. Miền Bắc							
1	Bắc Cạn	Hồng ngâm	tỉnh Bắc Cạn				
2	Bắc Giang	Mật ong	tỉnh Bắc Giang				
3	Bắc Hà	Mận hậu	huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai				
4	Bắc Sơn	Quýt	huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn				
5	Bản Sen	Chè	huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh				
6	Bát Tràng	Gốm sứ	xã Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội		*		
7	Bình Liêu	Hôi	huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh				
8	Bình Lư	Miến dong	xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	*			
9	Bố Hạ	Cam Sành	xã Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang				
10	Canh Diễn	Bưởi	Phú Diễn, Phú Minh, Từ Liêm, Hà Nội				
11	Canh Diễn	Cam giấy	Phú Diễn, Phú Minh, Từ Liêm, Hà Nội				
12	Cao Bằng	Chè đắng	tỉnh Cao Bằng				*
13	Cao Bằng	Lúa	tỉnh Cao Bằng				

		nương					
14	Cao Bồ	Chè	xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, Hà Giang				*
15	Cát Hải	Nước mắm	huyện Cát Hải, Hải Phòng				*
16	Chi Lăng	Na dai	huyện Chi Lăng, Lạng Sơn				
17	Chùa Hương	Mơ	xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây				
18	Chuyên Mỹ	Khảm trai	xã Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên, Hà Tây				
19	Cự Đà	Tương nếp	làng Cự Đà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây		**		
20	Đại Minh	Bưởi	xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái				
21	Điện Biên	Gạo IR-64	vùng lòng chảo, TP Điện Biên				
22	Đoan Hùng	Bưởi	huyện Đoan Hùng, Phú Thọ				**
23	Đông Anh	Dưa lê	huyện Đông Anh, Hà Nội				
24	Đông Hồ	Tranh	làng Đông Hồ, Bắc Ninh				
25	Đông Triều	Gốm sứ	huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	**			
26	Đồng Xâm	Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làm từ Bạc	làng Đồng Xâm, xã Hồng Thái, huyện Kiều Xương, Thái Bình				
27	Gia	Hồng	xã Gia Thanh, huyện Phù				

	Thanh	không hạt	Ninh, Phú Thọ				
28	Gia Xuyên	Rau	xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, Hải Dương	**			
29	Hà Đông	Lựa	tỉnh Hà Đông		**		
30	Hà Giang	Cam sành	tỉnh Hà Giang		**		
31	Hà Giang	Chè Shan tuyết	huyện Vị Xuyên và Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang				
32	Hạc Trì	Hồng ngâm	huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ				
33	Hải Dương	Bánh đậu xanh	tỉnh Hải Dương		**		
34	Hải Dương	Bánh gai	tỉnh Hải Dương				
35	Hải Hậu	Gạo tám xoan	huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định				**
36	Hàm Yên	Cam sành	huyện Hàm Yên, Tuyên Quang		*		
37	Hung Yên	Nhãn lồng	TX Hưng Yên và huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên	**			
38	Hung Yên	Tương bản	tỉnh Hưng Yên				
39	Hữu Liên	Khoai sọ	xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn				
40	Khả Lĩnh	Bưởi	thôn Khả Lĩnh, xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái				
41	Kim Môn	Nếp cái hoa vàng	huyện Kim Môn, tỉnh Hải Dương				
42	Kim Sơn	Cói mỹ nghệ	huyện Kim Sơn, Ninh Bình				
43	La Xuyên	Đồ gỗ	làng nghề La Xuyên,				

			huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định				
44	Láng	Húng	làng Láng, Hà Nội				
45	Làng Chuông	Nón	làng Chuông, Hà Tây				
46	Làng Mơ	Đậu phụ	làng Mơ, Hà Nội				
47	Lạng Sơn	Hoa hồi	tỉnh Lạng Sơn				**
48	Làng Vân	Rượu	làng Vân, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, Bắc Giang		**		
49	Làng Vòng	Bánh cốm	làng Vòng, Hà Nội				
50	Làng Vòng	Cốm	làng Vòng, Hà Nội				
51	Lệ Mật	Thịt rắn	làng Lệ Mật, xã Việt Hưng, huyện Gia Lâm, Hà Nội				
52	Lệ Càn	Khoai lang	vùng Lệ Càn, tỉnh Gia Lai				
53	Lục Ngạn	Vải thiều	huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang				
54	Lục Yên	Tranh đá quý	huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	*			
55	Mai Động	Cải mơi	Mai Động, Hà Nội				
56	Mộc Châu	Chè Shan tuyết	huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La				**
57	Mộc Châu	Sữa	huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La				
58	Mộc Châu	Xoài	huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La				
59	Mường	Gôm	xã Mường Chanh, huyện				

	Chanh		Mai Sơn, tỉnh Sơn La				
60	Mù Cang Chải	Mật ong	huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái				
61	Nậm Cắn	Rượu nếp	xã Nậm Cắn, huyện Than Uyên, tỉnh Lào Cai		*		
62	Nam Định	Chuối ngự	tỉnh Nam Định				
63	Nam Định	Phở	tỉnh Nam Định				
64	Đông Sơn	Đá ốp lát	huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	*			
65	Nga Sơn	Chiếu và hàng thủ công mỹ nghệ	huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá				
66	Nga Sơn	Cói	huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá				
67	Ngọc Hội	Quýt	Ngọc Hội, Tuyên Quang				
68	Ngọc Lâm	Rau	xóm Ngọc Lâm, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	*			
69	Nhật Tân	Hoa đào	Tây Hồ, Hà Nội		*		
70	Nhật Tân	Thịt chó	Nhật Tân, Hà Nội				
71	Ninh Bình	Thịt dê núi	tỉnh Ninh Bình				
72	Phạm Kha	Rau an toàn	xã Phạm Kha, huyện Thanh Miên, Hải Dương		**		
73	Phìn Hồ	Chè Shan tuyết	thôn Phìn Hồ, xã Thông Nguyên, huyện Hoàng Phù Sĩ, Hà Giang				
74	Phú Thọ	Dứa	tỉnh Phú Thọ				

75	Phúc Trạch	Bưởi	xã Phúc Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh		**		
76	Quán Gánh	Bánh dày	Quán Gánh, xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây				
77	Sapa	Bắp cải	thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai				
78	Sơn La	Cà phê Arabica	thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La				
79	Sông Mã	Nhãn lồng	huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La				
80	Suối Giàng	Chè	suối Giàng, tỉnh Yên Bái	*			
81	Tam Đảo	Ngọn Susu	huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc				
82	Tam Nông	Nhựa sơn	huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ				
83	Tân Cương	Chè	xã Tân Cương, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên				*
84	Tăng Tiến	Mây tre	xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, Bắc Giang		*		
85	Thái Bình	Bánh cây	tỉnh Thái Bình				
86	Thái Bình	Ỗi Bo	tỉnh Thái Bình				
87	Thái Nguyên	Chè	tỉnh Thái Nguyên		**		
88	Thanh Hà	Vải thiều	huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương				**
89	Thanh Hoá	Bánh chè lam	tỉnh Thanh Hoá				
90	Thượng Sơn	Trà Shan tuyết	xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên, Hà Giang				
91	Tiên Lãng	Thuốc	huyện Tiên Lãng và huyện				

		lào	Vĩnh Bảo, Hải Phòng				
92	Tổng Xá	Đúc đồng	làng Tổng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định				
93	Tiên Yên	Gà	huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh				
94	Trùng Khánh	Hạt dẻ	huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng				
95	Ước Lễ	Giò chả	làng Ước Lễ, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây				
96	Văn Yên	Quế	huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái				
97	Vân Đình	Thịt chó	thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây				
98	Vân Đình	Vịt cỏ	thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây				
99	Vân Đồn	Sá sùng	huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh				
100	Xuân Đỉnh	Hồng xiêm	xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, Hà Nội				
101	Việt Trì	Thịt chó	TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ				
102	Yên Châu	Xoài	huyện Yên Châu, Sơn La				
103	Yên Minh	Gạo	huyện Yên Minh, Hà Giang	**			
104	Yên Minh	Xoài	huyện Yên Minh, Hà Giang	**			
105	Yên Phú	Rượu nếp	xã Yên Phú, huyện Ý Yên, Nam Định	*			
II. Miền Trung							
106	Bang	Nước khoáng	Suối Bang, miền Tây Nam huyện Lệ Thủy, Quảng				

			Bình				
107	Bảo Ninh	Nước mắm	xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới, Quảng Trị				
108	Châu Giang	Dệt	ấp Châu Giang, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, An Giang		*		
109	Đà Nẵng	Mành mây	TP Đà Nẵng				
110	Hoà Vang	Dưa gang	Hoà Vang, Đà Nẵng				
111	Hội An	Rau Trà quế	TX Hội An, tỉnh Quảng Nam				
112	Huế	Bánh bột lọc	TP Huế				
113	Huế	Kẹo mè xứng	TP Huế				
114	Huế	Mắm tôm chua	TP Huế				
115	Huế	Nón lá	Tp Huế				
116	Huế	Thanh trà	TP Huế		**		
117	Khe Sanh	Cà phê	vùng Khe Sanh- Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị				
118	Kim Bồng	Đồ mộc	làng mộc Kim Bồng, xã Cẩm Kim, TX Hội An, Quảng Nam				
119	Lý Sơn	Hành, tỏi	huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	*			
120	Nam Ô	Nước mắm	khu vực Nam Ô, phường Hoà Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng				
121	Non nước	Đá mỹ nghệ	Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng				

122	Phường đúc	Đồng	phường Phường Đúc, Huế				
123	Quảng Thuận	Nón lá	xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình				
124	Quảng Trị	Hồ tiêu	tỉnh Quảng Trị				
125	Tiên Phước	Hồ tiêu	huyện Trà My, Quảng Nam		*		
126	Trà My	Quế	huyện Trà My, Quảng Nam				
127	Tuy Lộc	Rượu	thôn Tuy Lộc, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình				
128	Vinh	Cam	vùng Phủ Quỳ, TP Vinh, Nghệ An				**
129	Yên Nê	Lúa Giống	làng chiếu Yên Nê, xã Hoà Tiến Hoà Vang, Đà Nẵng				
III. Miền Nam							
130	An Giang	Cá Basa	tỉnh An Giang				
131	An Giang	Thủy sản	tỉnh An Giang		**		
132	Bà Đen	Mãng cầu	Núi Bà Đen, Tây Ninh				
133	Bàu Trúc	Gốm	làng Bàu Trúc, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận		*		
134	Bảo Lộc	Bơ sáp	huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng				
135	Bảo Lộc	Chè	huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng				
136	Bảo Lộc	Mít tố nữ	huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng				
137	Bảy Núi	Gạo Nàng	Vùng Bảy Núi thuộc 2 huyện Tri Tôn- Tịnh Biên,				

		Nhen	An Giang				
138	Bến Tre	Bưởi da xanh	tỉnh Bến Tre				*
139	Bến Tre	Chi xơ dừa	tỉnh Bến Tre				
140	Bến Tre	Dừa	tỉnh Bến Tre				
141	Bến Tre	Kẹo dừa	tỉnh Bến Tre		**		
142	Biên Hoà	Bưởi	TP Biên Hoà, Đồng Nai		**		
143	Bình Đức	Gốm (Chămpa)	làng gốm Bình Đức, huyện Bắc Ninh, Bình Thuận				
144	Bình Lãng	Trống	xã Bình Lãng, huyện Tân Trụ, Long An				
145	Bình Minh	Bắp nếp	huyện Bình Minh, Vĩnh Long				
146	Bình Minh	Bưởi Năm Roi	huyện Bình Minh, Vĩnh Long				
147	Bình Minh	Khoai lang	huyện Bình Minh, Vĩnh Long				
148	Bình Minh	Sà lách soong	huyện Bình Minh, Vĩnh Long				
149	Bình Thuận	Thanh long	tỉnh Bình Thuận				**
150	B'lo	Chè	huyện Bảo Lộc và Bảo Lâm, Lâm Đồng				
151	Buôn Mê Thuột	Cà phê	TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk				**
152	Cái Mon	Chôm chôm nhãn	ấp Quy Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre		**		
153	Cái Mon	Măng cụt	ấp Quy Sơn, huyện Chợ		**		

			Lách, tỉnh Bến Tre				
154	Cái Mon	Nhãn hạt tiêu	ấp Quy Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre		**		
155	Cái Mon	Sầu riêng	ấp Quy Sơn, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre		**		
156	Cầu Đất	Chè	Cầu Đất, Đà Lạt, Lâm Đồng				
157	Châu Đốc	Đặc sản mắm	TX Châu Đốc, An Giang		*		
158	Chợ Đào	Gạo Nàng Thơm	xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đức, Long An				*
159	Chợ Gạo	Nếp bè	huyện Chợ Gạo, Tiền Giang		**		
160	Chợ Gạo	Thanh long	huyện Chợ Gạo, Tiền Giang		**		
161	Chư Sê	Hồ tiêu	huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai		**		
162	Đà Lạt	Bắp cải	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
163	Đà Lạt	Bơ sáp	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
164	Đà Lạt	Cải thảo	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
165	Đà Lạt	Chuối	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
166	Đà Lạt	Đào	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
167	Đà Lạt	Hoa địa lan	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
168	Đà Lạt	Hồng	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
169	Đà Lạt	Sa lát	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
170	Đà Lạt	Súp lơ	TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				
171	Đắc Lắc	Bơ	tỉnh Đắc Lắc				
172	DakMil	Cà phê	huyện DakMil, ĐakNông	**			
173	Đồng	Sầu riêng	ấp Bình Tây, xã Vĩnh				

	Khởi	Chín Hoá	Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre				
174	Đồng Nai	Gốm	tỉnh Đồng Nai	**			
175	Đồng Tháp	Xoài	tỉnh Đồng Tháp				
176	Đức Lập	Cà phê	xã Đức Lập, huyện Đăk Mil, tỉnh DakNong				
177	Gò Công	Dừa	huyện Gò Công Tây, Tiền Giang	*			
178	Gò Công	Sori	huyện Gò Công, Tiền Giang		**		
179	Gò Đen	Rượu đế	làng Gò Đen, huyện Bến Lức, Long An				
180	Hậu Giang	Bưởi Năm Roi	tỉnh Hậu Giang				
181	Hậu Giang	Cá Thát Lát	tỉnh Hậu Giang				
182	Hoà Lộc	Xoài cát	xã Hoà Lộc, huyện Cái Bè, Tiền Giang		**		
183	Hồng Dân	Gạo một bụi đỏ	huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu				*
184	Lái Thiêu	Măng cụt	thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương				
185	Lai Vung	Quýt	huyện Lai Vung, Đồng Tháp				*
186	Lò Rèn- Vĩnh Kim	Vú sữa	xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, Tiền Giang		**		
187	Long An	Nếp Ngõng	tỉnh Long An				
188	Long	Muối ăn	tỉnh Bạc Liêu				

	Diền Tây- Đông Hải						
189	Long Hồ	Nhân da bò	huyện Long Hồ, Vĩnh Long				
190	Mang Thít	Xoài xiêm núm	huyện Mang Thít, Vĩnh Long				
191	Mỹ Thạnh An	Bưởi da xanh	xã Mỹ Thạnh An, TX Bến Tre, tỉnh Bến Tre		**		
192	Ngọc An	Bánh tráng dừa	thôn Ngọc An Trung, xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	**			
193	Ngọc Linh	Sâm	vùng núi Ngọc Linh (thuộc huyện Trà My, Quảng Nam và huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum				*
194	Ngũ Hiệp	Sầu Riêng	xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang		**		
195	Nha Trang	Nước mắm	TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà	**			
196	Nhơn Lộc	Bánh tráng dừa	xã Nhơn Lộc, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định				
197	Nhơn Lộc	Bánh tráng gạo	xã Nhơn Lộc, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	**			
198	Ninh Thuận	Nho	tỉnh Ninh Thuận				
199	Phan Rang	Nho	TP Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận				
200	Phan Thiết	Nước mắm	TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận				**

201	Phong Điền	Cam mât	huyện Phong Điền, Cần Thơ				
202	Phú Mỹ	Rền	thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, An Giang	*			
203	Phú Quốc	Hạt tiêu	huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				
204	Phú Quốc	Nước mắm	huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang				**
205	Phú Tân	Đặc sản nếp	huyện Phú Tân, An Giang		*		
206	Sóc Trăng	Gạo thom	tỉnh Sóc Trăng				*
207	Sông Hậu	Xoài cát	Sông Hậu, tỉnh Cần Thơ				
208	Tắc Cậu	Trái khóm	vùng Tắc Cậu, tỉnh Kiên Giang				
209	Tam Bình	Cam sành	huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	**			
210	Tân Quý	Măng cụt	Cù lao Tân Quý, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	*			
211	Tân Triều	Bưởi	Cù lao Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai				
212	Tây Ninh	Bánh tráng phơi sương	tỉnh Tây Ninh				
213	Thiện Mỹ	Lúa thom	xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long				
214	U Minh thượng	Khô cá sặc rằn	huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang				
215	Viên	Chiếu	xã Viên Bình, huyện Mỹ				

	Bình- Mỹ Xuyên	Lao Vên	Xuyên, Sóc Trăng				
216	Vĩnh Kim	Vú sữa	Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang		**		
217	Vĩnh Long	Gôm đỏ	tỉnh Vĩnh Long				
218	Vĩnh Trạch Đông	Hạt ngào rí (hạt mùi)	xã Vĩnh Trạch Đông, TX Bạc Liêu, Bạc Liêu				
219	Xuân Hương Đà Lạt	Rau, hoa quả tươi	Hồ Xuân Hương, TP Đà Lạt, Lâm Đồng	**			

Ghi chú: (**)-> Đã được cấp Văn bằng bảo hộ

(*) -> Đã nộp đơn đăng ký

Phụ lục 2: (28 TCN 230/2006) Tiêu chuẩn quy định chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm cho sản phẩm nước mắm mang tên gọi Phú Quốc (tóm tắt)

1. Yêu cầu nguyên liệu và quy trình chế biến

2.. Yêu cầu chất lượng

- *Phân hạng:*

Nước mắm Phú Quốc được phân làm 5 hạng theo độ đậm toàn phần, gồm có: Hạng Đặc biệt; Thượng hạng; Hạng 1; Hạng 2; Hạng 3.

- *Yêu cầu cảm quan:*

Những chỉ tiêu cảm quan của nước mắm Phú Quốc

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu				
	Đặc biệt	Thượng hạng	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3
1. Màu sắc	Nâu vàng, nâu vàng đến nâu đỏ, nâu đỏ				
2. Độ trong	Trong, sáng, sánh, không vẩn đục		Trong, không vẩn đục		
3. Mùi	Mùi thơm dịu, đặc trưng của nước mắm Phú Quốc, không có mùi lạ				
4. Vị	Ngọt đậm của đậm, có hậu vị rõ		Ngọt của đậm, có hậu vị rõ	Ngọt của đậm, có hậu vị	Ngọt của đậm, ít hậu vị
5. Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không được có				

- *Yêu cầu hóa học:* Các chỉ tiêu hóa học của nước mắm Phú Quốc

Tên chỉ tiêu	Mức chất lượng				
	Đặc biệt	Thượng hạng	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 3
1. Hàm lượng nitơ toàn phần, tính bằng g/l, không nhỏ hơn	40	35	30	25	20
2. Hàm lượng nitơ axit amin,	55		45		

tính bằng % so với nitơ toàn phần, không nhỏ hơn		
3. Hàm lượng nitơ amôniac, tính bằng % so với nitơ toàn phần, không lớn hơn	14	15
4. Hàm lượng axit, tính bằng g/l theo axit axêtic, không nhỏ hơn	12	
5. Hàm lượng muối Natri clorua, tính bằng g/l, trong khoảng	250 - 295	
6. Hàm lượng Histamin, tính bằng mg/l, không lớn hơn	200	

- *Dư lượng tối đa của chì có trong nước mắt Phú Quốc là 0,5 mg/l.*

- *Chỉ tiêu vi sinh vật:*

Các chỉ tiêu vi sinh vật của nước mắt Phú Quốc phải đạt yêu cầu theo quy định tại Bảng 3

Bảng 3 – Chỉ tiêu vi sinh vật của nước mắt Phú Quốc

TT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa cho phép
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml	104
2	Coliforms, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml	10
3	Clostridium perfringens, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml	0
4	Escherichia coli, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml	0
5	Staphylococcus aureus, tính theo số khuẩn lạc trong 1ml	0
6	Tổng số nấm men và nấm mốc, tính theo số khuẩn lạc trong 1 ml	10

Ngoài ra còn một số điều kiện khác về đóng gói và vận chuyển

**Phụ lục 3: Quy định tạm thời về sản xuất nước mắm
mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Văn bản này quy định về vùng sản xuất, nguyên liệu, dụng cụ và phương pháp chế biến, đóng gói, ghi nhãn, bảo quản nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc (sau đây được gọi là nước mắm Phú Quốc).
2. Quy định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình sản xuất nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc từ khai thác cá đến chế biến nước mắm, đóng gói (đóng chai, can) và bảo quản sản phẩm.

Điều 2. Vùng sản xuất

1. Vùng khai thác cá dùng để chế biến nước mắm Phú Quốc là vùng biển thuộc tỉnh Kiên Giang.
2. Quá trình chế biến nước mắm Phú Quốc và đóng gói phải được tiến hành trong khu vực địa lý xác định của huyện Phú Quốc.
3. Cho phép nước mắm chế biến tại huyện Phú Quốc, đóng gói tại thành phố Hồ Chí Minh được mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thủy sản ban hành Quy định tạm thời này có hiệu lực thi hành. Việc vận chuyển và đóng gói nước mắm Phú Quốc tại thành phố Hồ Chí Minh phải tuân thủ các quy định sau.
 - a) Quy chế tạm thời về kiểm soát, chứng nhận nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc ban hành kèm theo Quyết định số 19/2005/QĐ-BTS ngày 16/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.
 - b) Nghiêm cấm hành vi pha đấu hoặc các hành vi tương tự khác làm thay đổi tính chất đặc trưng của nước mắm Phú Quốc.

Điều 3. Nguyên liệu

1. Cá nguyên liệu dùng để chế biến nước mắm Phú Quốc là giống Cá Cơm (Stolephorus) thuộc họ Cá Trống (Engraulidae), có thể lẫn các giống cá khác với tỷ lệ không vượt quá 15%.
2. Muối dùng để chế biến nước mắm Phú Quốc là muối biển, được sản xuất tại các vùng cung cấp muối truyền thống thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Phan Thiết, được bảo quản tối thiểu là 60 ngày trước khi đưa vào chế biến nước mắm Phú Quốc.

3. Phụ gia dùng trong quá trình pha đấu nước mắm Phú Quốc là chất tạo ngọt được phép sử dụng theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Thủy sản.

Điều 4. Dụng cụ chế biến bảo quản

1. Thùng chứa chượp được làm bằng gỗ: hộ phát, chay, bời lời, dên dên (bô bô)
2. Thùng chứa nước mắm cốt, các loại nước mắm long, nước mắm thành phẩm và vật liệu bao gói sản phẩm phải được làm bằng vật liệu không độc, không gây hại cho sức khỏe con người và không làm ảnh hưởng tới chất lượng nước mắm.

Điều 5. Yêu cầu về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước mắm Phú Quốc phải tuân thủ các quy định tại các tiêu chuẩn ngành của Bộ Thủy sản 28 TCN 135:1999 Tàu cá -Điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, 28 TCN 175: 2002 Cơ sở sản xuất nước mắm - Điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 6. Phương pháp chế biến

1. Việc chế biến nước mắm Phú Quốc gồm các công đoạn ướp muối cá trên tàu, ủ chượp, kéo rút và pha đấu nước mắm.
2. Ướp muối cá trên tàu
 - a) Cá ngay sau khi đánh bắt đưa lên tàu cần được rửa sạch, loại bỏ tạp chất và các loài cá khác thành cá nguyên liệu quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này.
 - b) Cá nguyên liệu được trộn đều với muối theo tỷ lệ khối lượng từ 2,5-3 cá/ 1 muối, sau đó được bảo quản trong hầm tàu. Rải đều một lớp muối dày 5 cm trên bề mặt. Đậy kín nắp hầm và rút nước bổi ở đáy hầm.
3. Ủ chượp
 - a) Cá muối được bốc dỡ từ hầm tàu đổ vào thùng chứa, phủ lên bề mặt trên cùng lớp muối dày khoảng 3-5cm;
 - b) Sau khoảng 7 ngày, rút khô nước bổi, phủ trên bề mặt chượp lớp đệm bàng bàng, gài nén chặt bằng thanh gỗ, đóng nút lù;
 - c) Đổ nước bổi lên thùng cho đến khi ngập thanh gỗ chắn;
 - d) Thời gian ủ chượp từ 10 tháng đến 12 tháng cho đến khi chượp chín trong nhà có mái che, ở điều kiện tự nhiên của môi trường;
4. Kéo rút nước mắm

a) Kéo rút nước mắm cốt: Khi chượp chín, mở nút lù để nước mắm chảy ra từ từ; nước mắm được đổ lại bề chượp và kéo rút nhiều lần cho đến khi nước mắm trong được gọi là nước mắm cốt; chuyển nước mắm cốt ra thùng chứa thành phẩm.

b) Kéo rút nước mắm long: Hoà tan nước muối vào nước sạch đến bão hoà (dùng muối quy định tại khoản 2 Điều 3); bơm nước muối tuần hoàn qua các thùng chượp có chất lượng từ thấp đến cao cho đến khi nước mắm trong, gọi là nước mắm long 1; quá trình này được lặp lại để thu nước mắm long 2, nước mắm long 3; chuyển nước mắm long sang thùng chứa.

5. Pha đấu

a) Pha nước mắm cốt và nước mắm long 1, nước mắm long 2, nước mắm long 3 để tạo ra nước mắm có độ đậm cần thiết.

b) Nước mắm Phú Quốc có độ đậm tối thiểu là 20gN/lít.

c) Khi pha đấu có thể bổ sung chất tạo ngọt.

Điều 7. Đóng gói, ghi nhãn, bảo quản

1. Nước mắm Phú Quốc thành phẩm được đóng gói vào các dụng cụ chứa đựng kín dưới các hình thức có thể cung cấp trực tiếp đến người tiêu dùng.

2. Trên bao bì chứa nước mắm Phú Quốc thành phẩm phải được ghi nhãn theo quy định tại Quy chế ghi nhãn hàng hoá lưu thông trong nước và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (ban hành kèm theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ) và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành. Trên nhãn cần ghi tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên hàng hoá và "Tên gọi xuất xứ □ Nước mắm Phú Quốc"; đối với sản phẩm xuất khẩu: "Phu Quoc fish sauce AOC";

b) Tên và địa chỉ của cơ sở đóng gói và tên và địa chỉ cơ sở chế biến;

c) Thành phần;

d) Chỉ tiêu chất lượng (ghi đậm tổng số gN/l);

e) Khối lượng nước mắm (đơn vị: lít hoặc mililit);

f) Ngày đóng gói, thời hạn sử dụng;

g) Hướng dẫn bảo quản, sử dụng;

h) Mã số lô hàng;

3. Nước mắm đã đóng gói được bảo quản trong nhà có mái che ở điều kiện tự nhiên của môi trường

Phụ lục 4: Một số mẫu văn bản sử dụng trong việc kiểm soát chất lượng đối với nước mắm Phú Quốc do Bộ Thủy sản ban hành

Mẫu 01: Mẫu tờ khai về việc đánh bắt và muối cá cơm làm chượp ướp nước mắm

Hiệp hội sản xuất nước mắm Phú Quốc	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--	---

TỜ KHAI

V/V ĐÁNH BẮT VÀ MUỐI CÁ CƠM LÀM CHƯỢP NƯỚC MẮM

1. Thông tin chung:

- Tên tàu đánh cá.....Số đăng ký.....
- Họ tên chủ tàu.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại..... Fax:.....

2. Khối lượng cá đánh bắt, muối chượp

Ngày tháng đánh bắt/ướp muối	Phương pháp đánh bắt	Vùng đánh bắt	Khối lượng cá đánh bắt (tấn)	Tỷ lệ cá/muối

3. Lượng chượp/cá xuất bán

Ngày tháng	Họ, tên, địa chỉ nhà thùng mua chượp/cá	Khối lượng chượp/cá xuất bán (tấn)

Làm tại.....ngày.....tháng.....năm 200...

Người kê khai ký (Ghi rõ họ tên)

Mẫu 02: Tờ khai về việc chế biến nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc

Hiệp hội sản xuất nước mắm Phú Quốc **Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

V/V CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM MANG TÊN GỌI XUẤT XỨ PHÚ QUỐC

1. Thông tin chung:

- Tên nhà thùng.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại..... Fax:.....

2. Kê khai lượng chượp mua về

Thùng số	Khối lượng chượp muối (tấn)	Mua của tàu số	Thời gian bắt đầu muối

3. Kê khai về lượng nước mắm thu được

Ngày tháng	Số lượng nước mắm thành phẩm (lít)	Đạm tổng số (gN/lít)

4. Kê khai lượng nước mắm thành phẩm xuất bán

Ngày tháng	Họ tên, địa chỉ người mua	Số lượng (lít)	Đạm tổng số (gN/lít)

Làm tại Phú Quốc, ngày.....tháng.....năm 200.

Người kê khai ký

(Ghi rõ họ tên)

Mẫu 03: Tờ khai về việc đóng gói nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc

Hiệp hội sản xuất nước mắm Phú Quốc **Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

V/V : ĐÓNG GÓI NƯỚC MẮM MANG TÊN GỌI XUẤT XỨ PHÚ QUỐC

1. Thông tin chung:

- Tên cơ sở đóng gói

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại..... Fax:.....

2. Kê khai về nước mắm thành phẩm mua về

Ngày tháng	Nước mắm mua về						Họ tên địa chỉ nhà thùng bán nước mắm
	SL (lít)	Loại (gN/lít)	SL (lít)	Loại (gN/lít)	SL (lít)	Loại (gN/lít)	

3. Kê khai lượng nước mắm đóng gói

Ngày đóng gói	Loại nước mắm	Số lượng bao gói loại				Tổng cộng (lít)
	 lít lít lít lít	
	40gN/lít					
	35 gN/lít					
	30 gN/lít					
	25 gN/lít					
	20gN/lít					

4. Kê khai về lượng nước mắm bán ra

Họ tên, địa chỉ người mua	Loại nước mắm	Số lượng bao gói loại				Tổng cộng (lít)
	lít lít lítlít	
	40gN/lít					
	35 gN/lít					
	30 gN/lít					
	25 gN/lít					
	20 gN/lít					

Phú Quốc ngày.....tháng.....năm 200...

Người kê khai ký

(Ghi rõ họ tên)

Mẫu 04: Giấy đăng ký kiểm tra chứng nhận tên gọi xuất xứ

.....	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam			
.....	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc			
(Tên doanh nghiệp)	-----			
GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHỨNG NHẬN TÊN GỌI XUẤT XỨ				
			Số:	<input type="text"/>
Kính gửi: Ban Kiểm soát tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc				
1. Người bán hàng.....				
Địa chỉ:.....				
Điện thoại.....Fax.....				
2. Người mua hàng:.....				
Địa chỉ:.....				
Điện thoại.....Fax.....				
3. Lô hàng yêu cầu chứng nhận tên gọi xuất xứ				
Tên hàng	Đạm tổng số (gN/l)	Loại gói (lít)	Số lượng gói	Tổng lượng (lít)
4. Mã số lô hàng.....				
5. Địa điểm tập kết hàng cần kiểm tra.....				
.....				
6. Ngày đề nghị kiểm tra và cấp giấy chứng nhận tên gọi xuất xứ.....				
			Phú Quốc, ngày.....tháng.....năm 200...	
Người bán hàng			Đại diện Ban Kiểm soát tên gọi xuất xứ	
			nước mắm Phú Quốc	
(Ký tên, đóng dấu)			(Ký tên, đóng dấu)	

Mẫu 05: Giấy chứng nhận tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc cho lô hàng

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam The Socialist Republic of Vietnam
<i>Kien Giang People's Committee</i>	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <i>Independent – Freedom - Happiness</i>
BAN KIỂM SOÁT TÊN GỌI XUẤT XỨ NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC	
Control Board for the Appellation of the Origin Controlled of Phu Quoc fish sauce	
Địa chỉ/Address: <i>Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang</i>	
Điện thoại/Tel:.....	Fax:.....
GIẤY CHỨNG NHẬN TÊN GỌI XUẤT XỨ NƯỚC MẮM PHÚ QUỐC	
CERTIFICATE FOR PHU QUOC FISH SAUCE	
Số/No:	
1. Người xuất hàng/ <i>Consigner</i>	
2. Người nhận hàng/ <i>Consignee</i>	
3. Mã số lô hàng/ <i>Lot Identification</i>	
4. Nơi xuất xứ / <i>Country of origin</i> : VIỆT NAM	
5. Nơi hàng đến/ <i>Country of Destination</i>	
6. Chi tiết lô hàng:	

Tên thương hiệu nước mắm	Đạm tổng số/ <i>Total Nitrogen,</i> (gN/l)	Loại chai / <i>bottle</i> volume (ml)	Số lượng chai/ <i>Number of</i> <i>bottles</i>	Tổng lượng / <i>Total</i> volume (lit)

7. Chứng nhận chất lượng và tên gọi xuất xứ/ *Certification of quality and origin controlled*

Ban Kiểm soát tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc chứng nhận lô hàng nước mắm có mã sốbao gồm số lượng và chất lượng được nêu ở trên có quyền mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc

The Control Board for the appellation of the origin controlled of Phu Quoc fish sauce certifies that the lot of fish sauce has identification No.....which comprise the volume and quality as specified has a right to the appellation of origin Phu Quoc

Phú Quốc, ngày.....tháng.....năm200..

Done at Phu Quoc, dated.....

Trưởng Ban Kiểm soát tên gọi xuất xứ Phú Quốc

Director of Control Board for the appellation of the origin controlled of Phu Quoc fish sauce

(Ký tên, đóng dấu/*Signature and stamp*)